

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

THUYẾT MINH

**CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THỊ TRẤN LAI CÁCH
MỞ RỘNG, HUYỆN CẨM GIÀNG ĐẾN NĂM 2025,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035**



Cẩm Giàng, Năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THUYẾT MINH

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THỊ TRẤN LAI CÁCH
MỞ RỘNG, HUYỆN CẨM GIÀNG ĐẾN NĂM 2025,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

Cơ quan Phê duyệt : UBND tỉnh Hải Dương

Cơ quan Thẩm định : Sở Xây dựng Hải Dương

Chủ đầu tư : UBND huyện Cẩm Giàng

Đơn vị tư vấn : Công ty CP Tư vấn đô thị và Đầu tư phát triển hạ tầng

CHỦ ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CẨM GIÀNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐÔ THỊ
VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Căn cứ lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng.....	1
2. Lý do và sự cần thiết lập chương trình phát triển đô thị.....	3
3. Quan điểm	4
4. Mục tiêu phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng	4
5. Phạm vi lập chương trình phát triển đô thị	5
PHẦN I: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ	7
1. Đánh giá điều kiện tự nhiên	7
2. Đánh giá hiện trạng phát triển đô thị.....	9
3. Đánh giá tổng hợp các tiêu chuẩn của đô thị loại IV	26
PHẦN II: CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THỊ TRẤN LAI CÁCH MỞ RỘNG, HUYỆN CẨM GIÀNG ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035	48
1. Một số tiêu chuẩn và dự báo phát triển đô thị theo QHC đến năm 2035	48
2. Tổng hợp các dự án dự kiến triển khai theo các quy hoạch đề xuất.....	57
3. Định hướng chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035	57
4. Danh mục, lộ trình đầu tư các khu vực phát triển đô thị trên địa bàn.....	81
5. Các chương trình, dự án hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư	82
6. Tổ chức thực hiện.....	91
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	96
1. Kết luận	96
2. Kiến nghị	96

MỞ ĐẦU

1. Căn cứ lập chương trình phát triển đô thị

- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật Quy hoạch Đô thị số 16/VBHN-VPQH, ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc Hội;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;
- Luật Quy hoạch Đô thị được hợp nhất tại Văn bản số 11/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc hội;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Luật thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;
- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị;
- Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về phân loại đô thị;
- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/05/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy Lợi;
- Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;
- Thông tư 17/2017/TT-BXD ngày 30/11/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí liên quan đến đầu tư phát triển đô thị;
- Quyết định số 3155/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hải Dương đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;
- Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hải Dương đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Lai Cách và vùng phụ cận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;
- Quyết định số 38-QĐ/HU ngày 05/10/2020 của Huyện ủy Cẩm Giàng về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án “Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, giai đoạn 2021-2025”;
- Chương trình hành động số 05-Ctr/HU ngày 05/10/2020 của Huyện ủy Cẩm Giàng về việc thực hiện Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cẩm Giàng lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2020 - 2025;
- Đề án số 01-DA/HU ngày 05/01/2021 của Huyện ủy Cẩm Giàng về việc tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị giai đoạn 2021-2025;
- Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;
- Quyết định số 4051/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Cẩm Giàng.
- Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.
- Quyết định số 1842/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Lai Cách và vùng phụ cận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;
- Nghị quyết, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2020-2025; Đề án số 01-DA/HU ngày 05/01/2021 của Huyện ủy Cẩm Giàng về việc tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị giai đoạn 2021-2025;
- Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ lập Chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;
- Quyết định số 3380/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện Cẩm Giàng về việc phê duyệt dự toán lập Chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;
- Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND huyện Cẩm Giàng về việc Quy hoạch chung xây dựng huyện Cẩm Giàng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quy hoạch sử dụng

đất cấp huyện kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

- Thông báo số 933-TB/TU ngày 24/2/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận về Chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2035.

- Các văn bản khác có liên quan,

2. Lý do và sự cần thiết lập chương trình phát triển đô thị

Thị trấn Lai Cách là thủ phủ huyện Cẩm Giàng. Thị trấn có vị trí cửa ngõ phía tây thành phố Hải Dương, có hai tuyến giao thông cấp vùng chạy qua là QL5, TL394, tiếp cận khá thuận lợi với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng. Không gian đô thị được phát triển gắn liền với 3 khu công nghiệp lớn là: Tân Trường, Đại An và Lai Cách. Trên địa bàn đô thị còn đã phát triển các khu hỗn hợp sản xuất kinh doanh hai bên QL5, TL394... Qua một thời gian dài đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bộ mặt thị trấn Lai Cách từng bước được cải thiện, phần lớn các tuyến đường trục trong đô thị đã được đầu tư xây mới, cải tạo và nâng cấp. Hệ thống hạ tầng xã hội như Trường học, Bệnh viện, Trụ sở các cơ quan, các cơ sở văn hóa, thể dục thể thao được đầu tư đảm bảo chuẩn của ngành và từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn của đô thị. Các khu chức năng công cộng, thương mại, dịch vụ của đô thị được hình thành. Đây là những nhân tố quan trọng tạo động lực phát triển đô thị. Theo chiến lược của tỉnh, thị trấn Lai Cách mở rộng được xác định là đô thị trung tâm khu vực phía Tây tỉnh, đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV trước năm 2025.

Để từng bước hoàn thiện mục tiêu quy hoạch chung thị trấn Lai Cách mở rộng, việc đầu tư cơ sở hạ tầng từng hướng tới đô thị loại IV cần có những bước đi cụ thể khắc phục những tiêu chuẩn còn thiếu, yếu so với tiêu chuẩn của đô thị loại IV. Chương trình phát triển thị trấn Lai Cách mở rộng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 là cơ sở để xem xét, tìm ra được những nguyên nhân trong xây dựng mục tiêu, giải pháp về những điểm mạnh, lợi thế, những điểm yếu, hạn chế khi phấn đấu đạt đô thị loại IV. Hoạch định kế hoạch cụ thể nhằm khai thác những lợi thế, điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu để hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn còn thiếu, chưa đạt của thị trấn Lai Cách mở rộng so với tiêu chuẩn đô thị loại IV theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về phân loại đô thị;. Đồng thời, cụ thể hóa các tiêu chí, tiêu chuẩn phát triển đô thị, danh mục và lộ trình triển khai thực hiện quy hoạch chung thị trấn đến năm 2035, đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 2087/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2019, thực hiện Nghị quyết đại hội đảng bộ huyện Cẩm Giàng lần thứ XXVI, chương trình hành động số 05-CTr/HU ngày 05/10/2020; Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại

Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021, tạo nguồn lực tài chính để tập trung đầu tư cho phát triển đô thị có kế hoạch, lộ trình bền vững, phù hợp với quy định của nhà nước. Vì vậy, việc tiến hành lập chương trình phát triển thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 là hoàn toàn cần thiết.

3. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển thị trấn Lai Cách mở rộng trở thành đô thị văn minh, hiện đại trong tương lai, theo hướng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; Có chất lượng môi trường sống tốt, đảm bảo an toàn, sạch - xanh - sáng, hài hòa với thiên nhiên. Phát triển đô thị phải đi đôi với nâng cao chất lượng đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với sử dụng hiệu quả, tiết kiệm đất đai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; xây dựng nếp sống văn hóa văn minh đô thị, bản sắc đô thị; Bảo đảm quốc phòng, an ninh; Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

- Kiểm soát phát triển các khu vực phát triển đô thị theo quy hoạch, từng bước hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí nhằm nâng cao chất lượng đô thị; Đồng thời phát huy các thế mạnh của thị trấn Lai Cách để phát triển kinh tế - xã hội.

- Chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng phải bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, quán triệt quan điểm phát triển đô thị trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương và huyện Cẩm Giàng. Phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, lồng ghép và phối hợp hiệu quả với các chương trình, kế hoạch, dự án đang triển khai.

- Cụ thể hóa định hướng phát triển theo Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Lai Cách và vùng phụ cận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống dân cư, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, văn hóa, lịch sử; xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan phù hợp, đồng bộ, hiện đại được Chính phủ, UBND tỉnh phê duyệt.

4. Mục tiêu phát triển đô thị

- Lập Chương trình phát triển thị trấn Lai Cách mở rộng nhằm huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển đô thị, đảm bảo nâng cao chất lượng, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng hiện đại, văn minh, bền vững và giữ gìn những giá trị bản sắc văn hóa của đô thị đồng thời hoàn thiện các nội dung nâng loại đô thị được quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về phân loại đô thị; thực hiện mục tiêu xây dựng thị trấn Lai Cách mở rộng hướng tới đô thị loại IV.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển mạng lưới đô thị và phát huy những lợi thế có sẵn phù hợp với đề án Quy hoạch chung được duyệt; khai thác sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực tạo ra môi trường sống chất lượng tốt cho cư dân đô thị, đảm bảo lợi ích cộng đồng.

- Xây dựng, phát triển đô thị Lai Cách mở rộng đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV làm tiền đề phấn đấu đưa huyện cơ bản đạt tiêu chí đô thị loại IV, sớm trở thành đô thị vệ tinh phía Tây của tỉnh Hải Dương.

- Xác định các dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị; Phân bổ nguồn lực cho đầu tư phát triển đô thị, xác định lộ trình và chiến lược cụ thể đảm bảo phù hợp với các chương trình, mục tiêu phát triển đã đề ra theo hướng bền vững.

5. Phạm vi lập chương trình phát triển đô thị

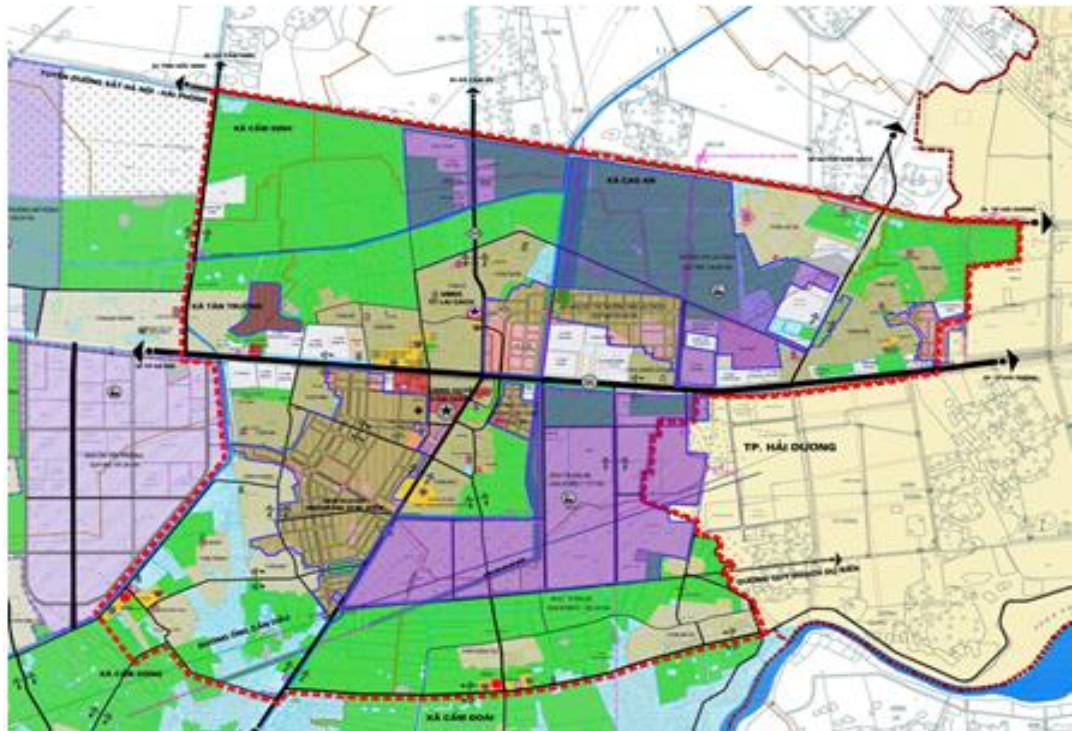
Phạm vi lập Chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 theo phạm vi ranh giới của đề án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Lai Cách và vùng phụ cận đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt tại quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2019 có tổng diện tích nghiên cứu là 1.477,4 ha (Trong đó: thị trấn Lai Cách 714,7; 1 phần xã Cao An 176,1 ha; 1 phần xã Tân Trường 58,6 ha, 1 phần xã Cẩm Đông 282,6 ha; 1 phần xã Cẩm Đoài 199,9 ha và 1 phần xã Cẩm Định cũ (nay là xã Định Sơn) 45,5 ha. Ranh giới lập Chương trình cụ thể như sau:

+ Phía Bắc: giáp tuyến đường sắt Hà Nội – Hải Phòng (chạy song song với đường huyện 19 về phía Nam);

+ Phía Nam: đến đường liên xã Cẩm Đoài và Cẩm Đông;

+ Phía Đông: giáp thành phố Hải Dương;

+ Phía Tây: giáp đường huyện 194C và KCN Tân Trường.



PHẦN I: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

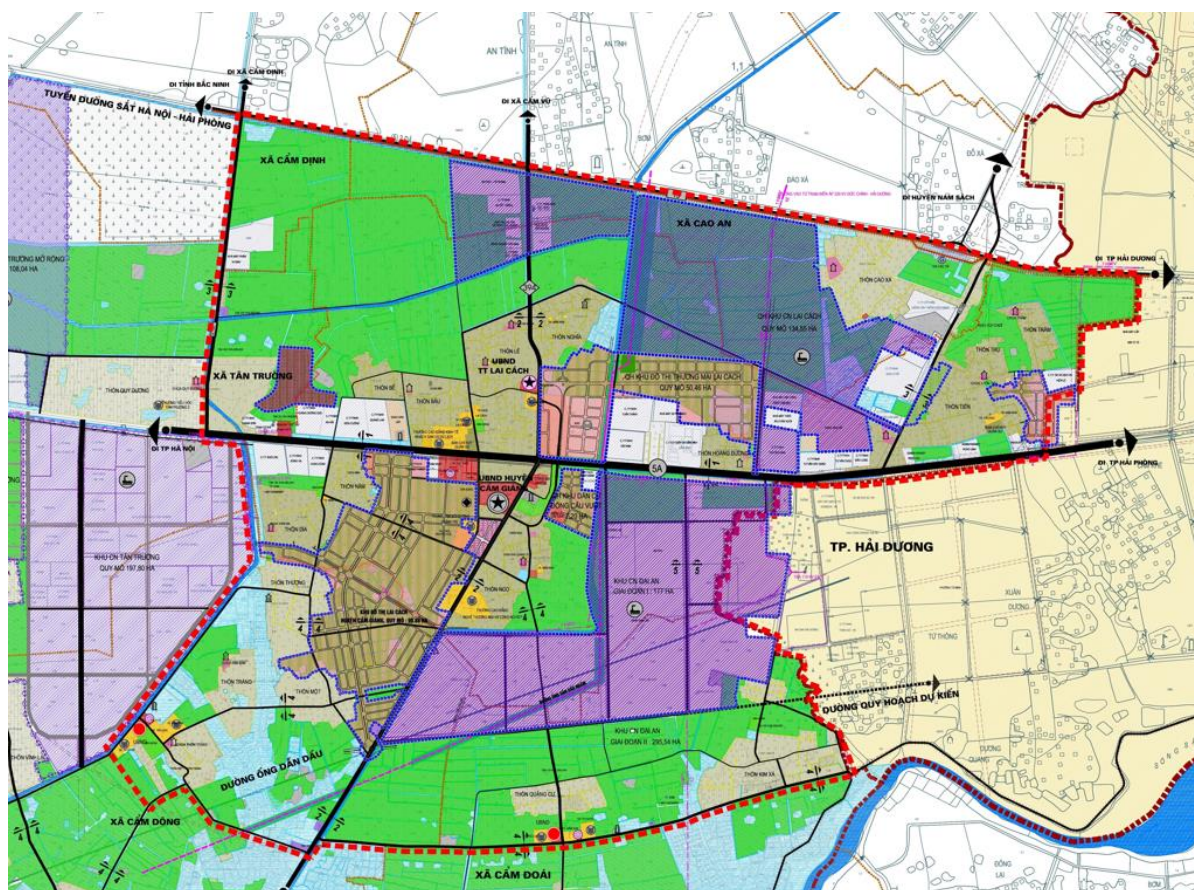
1. Đánh giá điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Thị trấn Lai Cách mở rộng là đô thị nằm phía Tây thành phố Hải Dương. Phạm vi ranh giới thị trấn Lai Cách mở rộng theo điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Lai Cách bao gồm toàn bộ ranh giới đất tự nhiên của thị trấn Lai Cách, các xã Cẩm Đông, Cẩm Đoài, Cao An, Định Sơn, Tân Trường với diện tích 1.477,4 ha.

Ranh giới lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng:

- Phía Đông: Giáp thành phố Hải Dương;
- Phía Tây: Giáp HL194C và khu công nghiệp Tân Trường;
- Phía Nam: đến đường liên xã Cẩm Đoài và Cẩm Đông;
- Phía Bắc: Giáp tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng (chạy song song với ĐH19 về phía Nam).



Hình 1: Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch đô thị thị trấn Lai Cách

1.2. Địa hình, địa chất

- Thị trấn Lai Cách và khu vực phụ cận có địa hình bằng phẳng, cao độ tự nhiên trung bình là + 3,5m. Trong đó cao nhất là các khu dân cư khoảng + 4,0m,

thấp nhất là các khu vực đồng ruộng khoảng + 1,5m. Địa hình dốc theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, độ dốc trung bình 1‰ đến 4‰. Các khu vực đồng ruộng địa hình còn trống chưa được xây dựng nằm về phía Bắc và phía Nam. Khu vực trung tâm là khu vực tập trung xây dựng của thị trấn và trung tâm huyện.

- Thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng nằm trong vùng phù sa cổ không được bồi tụ hằng năm. Tổng hợp nghiên cứu nhiều dự án khảo sát trên địa bàn cho thấy, đây là vùng đất có điều kiện địa chất khá thuận lợi cho xây dựng đô thị với 6 tầng địa chất, chủ yếu là cát pha và sét có cường độ chịu lực khá ổn định. Với các đặc điểm cơ bản của đất và ở độ sâu 8 ÷ 10m là các lớp đất á sét, sét, sét pha, bùn sét có cường độ chịu tải < 1kg/cm². Các công trình 3÷4 tầng đều phải xử lý nền móng.

- Địa chất thủy văn: Khu vực thị trấn Lai Cách nằm ở vùng trũng, mức nước ngầm cao chỉ cách mặt đất 0,5-1m về mùa mưa, từ 1- 2m về mùa khô tuy nhiên chỉ ở dạng mạch nông, trữ lượng không đáng kể.

- Địa chấn: theo tài liệu dự báo của Viện Vật lý Địa cầu khu vực thị trấn Lai Cách có ảnh hưởng vùng đứt gãy sông Hồng, vùng có khả năng động đất từ 5-6 độ richter, cần có giải pháp an toàn cho công trình, đặc biệt là các công trình cao tầng.

1.3. Khí hậu

- Thị trấn Lai Cách thuộc vùng khí hậu của tỉnh Hải Dương, trong vành đai khí hậu gió mùa, nóng ẩm mưa nhiều của vùng Đồng bằng Bắc bộ với 4 mùa rõ rệt xuân, hạ, thu, đông. Hướng gió chủ đạo: Đông Nam (mùa hè) và Đông Bắc (mùa đông).

- Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23°C, mùa hè 29°C, mùa đông 16°C. Giờ nắng trung bình hàng năm là 1.524 giờ, lượng mưa trung bình hàng năm là 1.300-1.700 mm, độ ẩm trung bình là 84 - 89%.

- Gồm 2 hướng gió chính: gió Đông Bắc thổi vào mùa lạnh và gió Đông Nam thổi vào mùa nóng. Vào tháng 6, tháng 7 xuất hiện đợt gió khô nóng, mùa đông từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau có những đợt rét đậm kéo dài. Hàng năm Cẩm Giàng không bị bão đổ bộ trực tiếp tuy nhiên vẫn bị ảnh hưởng gián tiếp của 3 đến 4 trận bão với sức gió và lượng mưa lớn gây thiệt hại cho sản xuất, tài sản, làm ảnh hưởng đến đời sống dân cư trong huyện.

Như vậy khí hậu nhiệt đới gió mùa của thị trấn Lai Cách thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm cây lương thực, thực phẩm và cây ăn quả, đặc biệt là sản xuất vụ đông song cũng phải có biện pháp phòng chống lụt bão và những thiên tai thời tiết khác.

1.4. Thủy văn

Thị trấn Lai Cách mở rộng chịu ảnh hưởng chế độ thủy văn của hệ thống sông nội đồng Bắc Hưng Hải. Sông Bắc Hưng Hải bắt nguồn từ sông Hồng tại cống Xuân Quan, chảy qua 3 tỉnh Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng. Hệ thống sông ngòi, kênh mương nội đồng bao gồm: hệ thống sông trung thủy nông Bắc Hưng Hải và kênh mương nội đồng phân bố tương đối thuận lợi cho việc tưới tiêu. Riêng khu vực thị trấn Lai Cách và phụ cận có sông Sắt, sông Cẩm Giàng với 2 mùa chính: mùa mưa lũ (tháng 5 - 10), mùa cạn (tháng 11 - 4). Mức nước trung bình hàng năm (+62) – (+78cm), mức nước cao nhất tại sông Sắt trên các sông lân cận là (+2,8m).

2. Đánh giá hiện trạng phát triển đô thị

2.1. Hiện trạng dân số, lao động và đất đai

Với vai trò là một trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, thị trấn Lai Cách hiện nay và trong tương lai sẽ trở thành thị trấn có kinh tế - xã hội phát triển, dịch vụ hạ tầng tốt, nhiều điều kiện thu hút đầu tư phát triển hạ tầng đô thị. Chất lượng sống đô thị và nông thôn không ngừng nâng cao, từ đây thu hút được lượng lớn lực lượng lao động về làm việc và sinh sống.

- Thị trấn Lai Cách mở rộng có dân số thường trú năm 2021 là 28.313 người, dân số quy đổi là 5.711 người. Tổng dân số toàn đô thị năm 2021 là 34.024 người.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hằng năm là 1,03%. Tổng dân số trong độ tuổi lao động 19.673 người chiếm 57,82% dân số.

2.2. Hiện trạng kinh tế - xã hội

2.2.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2019 - 2021 đạt 8,24%.

Giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng từ 187,3 tỷ đồng năm 2020 lên 194,5 tỷ đồng năm 2021. Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Chú trọng công tác đồn điền, đổi thửa mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế, giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích. Bước đầu áp dụng một số kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến, tỷ trọng chăn nuôi chiếm tỷ trọng cao trong lĩnh vực nông nghiệp.

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2021 đạt 16.528 tỷ đồng, tăng 548,5 tỷ đồng so với năm 2020. Hạ tầng các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp tiếp tục được đầu tư xây dựng, tạo tiền đề cho sự phát triển công nghiệp của thị trấn trong giai đoạn sau. Hiện nay, trên địa bàn thị trấn có 02 khu công nghiệp (Đại An mở rộng, Lai Cách) với tỷ lệ lấp đầy đạt 60%; 01 Cụm công nghiệp Cao An với tỷ lệ lấp đầy đạt 100%.

Các cơ sở chế biến nông, lâm, thủy sản trên địa bàn được hình thành, góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho lao động địa phương. Các ngành nghề truyền thống tiếp tục được duy trì, phát triển và khẳng định được chỗ đứng trên thị trường. Công tác xúc tiến đầu tư các dự án về công nghiệp trên địa bàn đã mang lại hiệu quả quan trọng.

Giá trị thương mại, dịch vụ năm 2021 đạt 489,8 tỷ đồng, tăng 7,3 tỷ đồng so với năm 2019. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (tính theo giá hiện hành) tăng đều và liên tục qua các năm. Hệ thống chợ, siêu thị, cửa hàng tiếp tục được đầu tư xây dựng, nâng cấp. Dịch vụ tài chính, ngân hàng, vận tải, bưu chính, viễn thông và các loại hình thương mại dịch vụ khác có bước phát triển nhanh, đa dạng.

2.2.2. Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng trưởng mạnh mẽ chiếm 96,02% tổng giá trị sản xuất hiện hành. Thương mại - dịch vụ còn lạc hậu đang trên đà nâng cấp, phát triển đã có những nền móng để định hướng phát triển.

2.2.3. Tổng sản phẩm thu nhập bình quân

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm được tập trung triển khai thực hiện đồng bộ; Bình quân hằng năm đã giải quyết việc làm và tạo việc làm thêm cho nhiều lao động trên địa bàn; Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2,10% năm 2017 xuống còn 1,02% (cuối năm 2021).

2.3. Hiện trạng phát triển về hạ tầng đô thị

2.3.1. Hiện trạng phát triển về hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Trong thời gian gần đây, chất lượng sống đô thị ngày một nâng cao, một số dự án khu nhà ở và công trình nhà dân được xây dựng mới với hình thức kiến trúc hiện đại, đẹp mắt, đảm bảo công năng và tiện nghi sống góp phần làm tăng tính thẩm mỹ công trình, bộ mặt đô thị và chất lượng cuộc sống người dân từng bước được nâng cao.

Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố, khá kiên cố ngày càng tăng cao. Theo thống kê, trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng có 8.362 căn nhà, 943.234 m² sàn, trong đó công trình nhà ở kiên cố, khá kiên cố, bán kiên cố là 7.275 căn nhà, chiếm tỷ lệ 87 %. Bên cạnh đó, hệ thống công trình công cộng trên địa bàn như trụ sở cơ quan, bệnh viện, trường học, khu vui chơi giải trí... đã và đang được đầu tư, nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới, khu công nghiệp, tạo sự khang trang và vệ mỹ quan cho đô thị



Hình 2: Nhà ở khu dân cư trên địa bàn thị trấn

b) Y tế

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Công tác bảo hiểm y tế được mở rộng, cố gắng 100% hộ nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế, tích cực vận động nhân dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện. Mạng lưới y tế trên địa bàn đã đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân thị trấn Lai Cách mở rộng.

Các cơ sở y tế gồm: Các trạm y tế của xã có tổng số giường bệnh là 27 giường, trình độ chuyên môn và y đức của đội ngũ cán bộ y tế các cấp được nâng cao, 100% xã, phường được công nhận đạt chuẩn quốc gia về y tế. Công tác y tế dự phòng, an toàn vệ sinh thực phẩm được tăng cường; Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em luôn được chú trọng; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm.

Đội ngũ cán bộ y tế được tăng cường cả về số lượng và chất lượng, 100% trạm y tế có bác sỹ; 100% các thôn, khu có cán bộ y tế, nhiều trạm y tế hàng năm đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh tiếp tục tăng cường.



Hình 3: Trung tâm y tế huyện Cẩm Giàng



Hình 4: Trạm y tế thị trấn Lai Cách

Trong giai đoạn 2019- 2021 khi đại dịch covid -19 bùng phát. Ban chỉ đạo phòng chống dịch ban hành các văn bản và chỉ đạo thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 15 và Chỉ thị 16 của Thủ tướng chính phủ. Tham mưu UBND thành lập các chốt kiểm dịch theo sự chỉ đạo của cấp trên, đồng thời truy vết, rà soát, hướng dẫn người có liên quan đến F1, F2, F3 thực hiện các biện pháp cách ly theo quy định. Chấp hành và thực hiện tốt chỉ đạo của cấp trên trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid - 19 gây ra.

c) Giáo dục và đào tạo

Ngành giáo dục đã thực hiện tốt chương trình đổi mới giáo dục và tiếp tục thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng để từng bước chuẩn hóa đội ngũ giáo viên; Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy học và học theo chương trình đổi mới giáo dục phổ thông.

Công tác phổ cập giáo dục xóa mù chữ được quan tâm chỉ đạo: Trường Mầm non đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; Trường Tiểu học và Trường đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 3; Công tác xóa mù chữ của 3 trường học trên địa bàn đạt mức độ 2. Các trường Tiểu học và Trường trung học cơ sở giữ vững trường chuẩn Quốc gia.



Hình 5: Trường tiểu học Lai Cách



Hình 6: Trường THCS Nguyễn Huệ



Hình 7: Trường CĐ du lịch và công thương



Hình 8: Trung tâm bồi dưỡng chính trị

Chất lượng dạy và học ở các cấp tiếp tục được giữ thế ổn định và phát triển bền vững. Học sinh giỏi, giáo viên giỏi, học sinh tốt nghiệp tiểu học, THCS hàng năm bằng hoặc cao hơn so với mặt bằng chung của tỉnh. Tình trạng thiếu giáo viên ở các cấp học cơ bản được khắc phục, chất lượng giáo viên được chuẩn hóa. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp hàng năm ở bậc tiểu học, THCS đều đạt từ 99% đến 100%. Thành quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập THCS tiếp tục được giữ vững. Công tác phổ cập giáo dục bậc trung học được tiến hành có chất lượng, hoàn thành công tác phổ cập giáo dục bậc trung học.

Quá trình xã hội hóa giáo dục đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Trong thời gian qua, chất lượng giáo dục đào tạo ngày càng được nâng cao, đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục của các trường ngày càng được chú trọng đầu

tư, nâng cấp đã đáp ứng nhu cầu dạy và học. Tỷ lệ học sinh đạt tốt nghiệp ngày càng cao, đảm bảo yêu cầu phát triển giáo dục trong tương lai.

Trên địa bàn hiện có 24 trường học, trong đó: 14 trường mầm non, 04 trường trường tiểu học, 04 trường trung học cơ sở, 01 trường cao đẳng (02 cơ sở), 01 Trung tâm bồi dưỡng chính trị. Cơ sở hạ tầng của ngành giáo dục được chú trọng đầu tư, nhiều phòng học, nhà hiệu bộ và các phòng chức năng, nhà bếp, công trình vệ sinh, tường rào cổng ngõ được đầu tư mới, nâng cấp sửa chữa. Qua kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; thị trấn Lai Cách mở rộng có nhiều trường đã đạt chuẩn quốc gia, đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội XX.

d) Văn hóa – Thông tin, Thể dục thể thao

Về văn hóa - thông tin trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng, đã có sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý để triển khai có hiệu quả nhiều hoạt động văn hóa thông tin, truyền thông cổ động, phục vụ các nhiệm vụ chính trị của huyện Cẩm Giàng nói chung.

Đài truyền thanh thị trấn đã tăng cường thời lượng, phát hàng trăm tin bài về công tác chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid – 19, tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và các ban ngành đoàn thể thị trấn Lai Cách về Đại Hội Đại biểu Đảng bộ thị trấn lần thứ XXII, Đại hội Đại biểu Đảng bộ Huyện Cẩm Giàng lần thứ XXVI và Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hải Dương lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 – 2025. Tuyên truyền các văn bản về công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ năm 2021.

Trên địa bàn thị trấn Lai Cách có trung tâm văn hóa thông tin huyện và các điểm bưu điện văn hóa thị trấn/xã, đảm bảo chỉ tiêu chuẩn 100% số thị trấn/xã có điểm bưu điện, văn hóa. Hệ thống phát thanh, truyền thanh từ cấp huyện đến cơ sở được thiết lập lắp đặt tại các khối phố, phát triển và hoạt động đồng đều ở khu vực đô thị, kịp thời tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước đến cán bộ và quần chúng nhân dân, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Công tác thông tin, tuyên truyền, vận động qua phương tiện phát thanh được thực hiện khá tốt. Hoạt động thể dục thể thao, rèn luyện thân thể theo gương Chủ tịch Hồ Chí Minh được các tầng lớp nhân dân tham gia tích cực, rộng khắp trong các cơ quan xí nghiệp, trường học, thôn xóm.

Hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao được củng cố và tăng cường. Trên địa bàn khu vực nghiên cứu lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng đã có các câu lạc bộ, đội nhóm được thành lập và tổ chức hoạt động thường xuyên, quy tụ nhiều quần chúng có ngành nghề và độ tuổi khác nhau tham gia sinh hoạt. Bên cạnh sự lớn mạnh về số lượng, hoạt động văn hóa văn nghệ trên địa bàn còn cho thấy sự phong phú hơn về thể loại, đa dạng hơn, hấp dẫn hơn về hình thức, sâu sắc và chất lượng hơn về nội dung.

Đời sống văn hoá của người dân hiện nay đang dần được nâng cao. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển mạnh. Về công tác thông tin; Đài phát thanh với kỹ thuật tiên tiến cấp đô thị và hệ thống phát thanh được lắp đặt tại các khối phố, kịp thời tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ và

quần chúng nhân dân, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương... Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” tiếp tục phát triển, chủ trương xã hội hóa các hoạt động thể dục thể thao được thực hiện rộng rãi và mang lại hiệu quả.



Hình 10: Vườn hoa huyện Cẩm Giàng



Hình 11: Bể bơi huyện Cẩm Giàng

e) Thương mại - dịch vụ - du lịch

Thương mại, dịch vụ: Tiếp tục phát triển, hạ tầng bưu chính viễn thông được nâng cấp mở rộng; dịch vụ tài chính, ngân hàng phát triển, phục vụ ngày càng tốt hơn. Mạng lưới chợ đầu tư mở rộng phù hợp với phát triển đô thị. Thị trấn có nhiều chợ vừa và nhỏ rải rác ở các xã trong đó có chợ Lai Cách với diện tích 7.848 m² nằm ở khu trung tâm thị trấn, là nơi trao đổi hàng hóa chính của huyện.

Ngoài hệ thống chợ trên còn có 01 siêu thị điện máy, các cửa hàng điện máy vừa và nhỏ, điện gia dụng được hình thành đã đi vào hoạt động góp phần phục vụ nhu cầu mua sắm, tiêu dùng cho người dân trên địa bàn.

Ngành thương mại - dịch vụ của thị trấn Lai Cách đang có những bước chuyển biến một cách mạnh mẽ, các công trình phục vụ cho thương mại - dịch vụ cũng tăng lên đáng kể, các cửa hàng, cửa hiệu được nâng cấp, chỉnh trang, mở rộng và phát triển, hình thành nên những dãy phố, khu vực kinh doanh với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Thu nhập ngành này càng được cải thiện và nâng cao, số lao động trong các ngành này cũng tăng do nhu cầu phát triển của xã hội, đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần và giải trí cho nhân dân.



Hình 12: Chợ Lai Cách



Hình 13: Tuyến phố buôn bán

2.3.2. Hiện trạng về hạ tầng kỹ thuật

a) Hiện trạng giao thông

Giao thông trên địa bàn khu vực nghiên cứu lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng được đầu tư ngày càng đồng bộ. Mạng lưới giao thông trên địa bàn có cả đường bộ, đường sắt. Giao thông đường bộ gồm Quốc lộ, Tỉnh lộ.

-Quốc lộ 5A qua địa bàn với chiều dài 4,56 km, mặt đường bê tông nhựa, mặt cắt đường 23m, là tuyến giao thông quan trọng, thúc đẩy phát triển kinh tế của đô thị.

+ Khả năng thông qua: Tuyến đường đảm bảo thông xe quanh năm, cầu cống có tải trọng lớn đảm bảo cho tất cả các loại xe thông dụng đi qua.

+ Đường gom quốc lộ 5A dài 3,5 km đạt cấp IV đồng bằng, mặt cắt đường 7,5m chất lượng tốt.



Hình 14: Đường QL5



Hình 15: Đường gom QL5



Hình 16: Đường khu thống nhất



Hình 17: Đường tỉnh 394



Hình 18: Đường Khu công nghiệp Đại An



Hình 19: Đường Cầu vượt Lai Cách

- Tỉnh lộ:

- + Đường tỉnh lộ 394 với chiều dài 3,1 km đạt đường cấp 3 đồng bằng, mặt cắt đường 12,5m;
- + Tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp IV - đồng bằng, mặt đường bê tông nhựa và đá nhựa, chất lượng tốt.

- Năng lực xe thông qua: tuyến thông xe quanh năm.

- Đường huyện:

- + Đường 194B với chiều dài 0,85 km, đường cấp 4, với mặt cắt đường 9m, kết cấu BTXM, chất lượng tốt;
- + Đường 194C với chiều dài 1,11 km, cấp đường cấp 4, với mặt cắt đường 7,7m, kết cấu đá dăm láng nhựa, chất lượng tốt;
- + Đường đoạn cầu vượt Lai Cách với chiều dài 1,23 km, cấp đường cấp 4, với mặt cắt đường 9m, kết cấu đá dăm láng nhựa, chất lượng tốt;
- + Đường Khu công nghiệp Đại An với chiều dài 8 km, cấp đường cấp 3, với mặt cắt đường 7,5-10m, kết cấu BTN, chất lượng tốt;
- + Đường khu dân cư và khu cơ quan phía đông cầu vượt với chiều dài 4,5km, cấp đường cấp 4, với mặt cắt đường 7,5m, kết cấu BTN, chất lượng tốt;;
- + Đường khu đô thị mới thị trấn Lai Cách với chiều dài 6,6 km, cấp đường cấp 3, với mặt cắt đường 7,5m, kết cấu BTN, chất lượng tốt;.
- + Đường khu đô thị thương mại Lai Cách với chiều dài 2,2 km, cấp đường cấp 4, với mặt cắt đường 7,5m, kết cấu BTXM, chất lượng tốt;
- + Đường khu công nghiệp Lai Cách với chiều dài 2,5 km, cấp đường cấp 3, với mặt cắt đường 7,5m, kết cấu BTN, chất lượng tốt;

- Đường xã:

- + Đường xã chiều dài 35 km, đường cấp 4,5 với mặt cắt đường 4,5-7m được bê tông xi măng, đường chất lượng tốt;



Hình 20: Đường thôn Lê Dơi



Hình 21: Đường thôn Bàu

- Đường sắt:

Đường sắt qua địa bàn dài 4,11 km. Khu vực nghiên cứu lập chương trình phát triển đô thị có 1 ga: Cao An. Ga Cao An là ga vận chuyển hành khách và hàng hóa.

Hiện tại trên địa bàn thị trấn chưa có cơ sở vật chất như bến xe khách, nhà chờ và các trang thiết bị khác để đảm bảo phục vụ nhu cầu của hành khách, khó khăn cho các chủ phương tiện khi muốn dừng, đỗ.

b) Cấp điện

- Nguồn điện: Từ lưới điện Quốc gia 110kV qua các trạm biến áp trung gian



Hình 22: Điện lực Cẩm Giàng

- Lưới điện cao thế: Tuyến đường dây 110kV đi qua giữa ranh giới khu vực Thị trấn Lai Cách

- Lưới điện trung thế: **Lưới 35kV và 22kV (3 dây)** có các xuất tuyến được lấy từ trạm trung gian thị trấn Lai Cách rẽ nhánh chạy dọc theo các tuyến giao thông chính.

- Lưới điện hạ thế: Toàn bộ mạng lưới điện hạ thế trong khu vực thiết kế theo mạng hình tia 3 pha 4 dây, dây AC50, AC70 đi trên trụ bê tông li tâm 8,4 m do Điện lực Cẩm Giàng quản lý.

- Lưới chiếu sáng: Chiếu sáng tại khu dân cư dọc trên quốc lộ 5, tỉnh lộ, đường huyện, đường đô thị đã được đầu tư cơ bản.

- Trạm biến áp: Trên địa bàn khu vực nghiên cứu lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách có nhiều trạm biến áp lớn nhỏ có công suất từ 50kVA - 320kVA cho điện sinh hoạt, sản xuất và chiếu sáng đô thị. Các trạm biến áp được lắp đặt theo kiểu treo.

c) Cấp nước

- Nguồn nước: Nước sản xuất được lấy từ hệ thống sông Thái Bình, sông Sắt, sông Tràng Kỳ thuộc hệ thống Bắc Hưng Hải. Nước sạch sinh hoạt được lấy từ hệ thống cấp nước tập trung từ thành phố Hải Dương.

- Trạm xử lý và mạng lưới: Nhà máy nước Việt Hòa với công suất 10.000 m³/ngày đêm, cung cấp nước cho thị trấn Lai Cách

- Mạng lưới đường ống: Tuyến đường ống truyền dẫn nước có đường kính D200 từ nhà máy ra cấp cho thị trấn Lai Cách và các khu dân cư. Các tuyến đường ống

nhánh có đường kính từ D60 - D160 được thiết kế mạng lưới vòng và mạng tia. Các trạm xử lý mạng lưới truyền dẫn và phân phối đến các hộ gia đình.

d) Hiện trạng thoát nước - VSMT

- Hiện trạng thoát nước mưa: Hiện nay, tại khu vực đô thị Lai Cách đã xây dựng được một số tuyến thoát nước bằng cống tròn BTCT xả ra các kênh, mương xung quanh. Đối với khu vực còn lại chưa xây dựng đường cống thoát nước và khu vực nông thôn: nước mưa thoát theo địa hình tự nhiên qua hệ thống rạch, ra suối, sông rồi đổ ra biển. Các khu vực mới xây dựng đều đã xây dựng hệ thống cống thoát nước mưa hoàn chỉnh. Nhìn chung do địa hình cao, độ dốc lớn nên việc thoát nước mặt trên địa bàn tương đối thuận lợi. Đối với khu vực nội thị và khu vực các ven sông chưa xây dựng đường kết hợp kè, việc thoát nước tương đối hạn chế, hiện tượng ngập úng vào mùa mưa vẫn thường xảy ra. Yêu cầu đặt ra trong giai đoạn tới là cần xây dựng mới hệ thống đường cống thoát nước, cải tạo hệ thống thoát nước hiện có trên các trục đường chính có kích thước đường cống nhỏ nhằm đảm bảo tiêu thoát nước cho đô thị.

- Hiện trạng thoát nước thải: Đặc điểm vệ sinh môi trường của thị trấn Lai Cách mở rộng là các loại xí tự hoại, kiểu tự thấm và xí hai ngăn. Các loại nước thải khác, trong đó có nước thải từ các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, chế biến thức ăn gia súc... đã xử lý cục bộ trước khi xả ra môi trường xung quanh.

- Quản lý chất thải và vệ sinh môi trường: Thu gom chất thải rắn trên địa bàn đã có công ty phụ trách, đội vệ sinh môi trường tiến hành thu gom rác thải từ những hộ dân và các thùng rác theo chu kỳ nhất định (2 ngày 1 lần) bằng xe cơ giới, sau đó tập trung thu gom, tập kết tại các điểm trung chuyển để vận chuyển đến nhà máy xử lý.

- Nghĩa trang, nghĩa địa: Trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng đều có các nghĩa trang liệt sỹ được bố trí tại các xã, thị trấn. Nghĩa địa hiện trạng được phân bố trong các thôn, khu dân cư để chôn cất theo dòng tộc.

2.4. Hiện trạng sử dụng đất

Tổng diện tích đất tự nhiên là 1.477,4 ha, Trong đó:

- Đất xây dựng đô thị 591,7 ha chiếm 40,05%. Đất dân dụng 303,9 ha, bình quân 90,83 m²/người, đất ngoài dân dụng là 287,8 ha; Đất khác 885,7 ha, chiếm 59,95%.

Bảng 1: Tổng hợp thống kê hiện trạng sử dụng đất thị trấn Lai Cách mở rộng

TT	Danh mục đất	Hiện trạng	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Diện tích đất tự nhiên toàn đô thị	1.477,4	100,00
A	Khu vực nội thị	1.477,4	100,00
A1	Đất xây dựng đô thị (I+II)	591,7	40,05
I	Đất dân dụng	303,9	20,57
1	Đất khu ở	219,1	14,83
2	Đất công trình công cộng cấp đô thị	13,6	0,92
3	Đất cây xanh công viên - thể dục thể thao	4,7	0,32

TT	Danh mục đất	Hiện trạng	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
4	Đất giao thông đô thị	66,5	4,5
II	Đất không thuộc khu dân dụng	287,7	19,48
1	Công nghiệp, TTCN, kho tàng	223,90	15,16
2	Đất cơ quan, trụ sở	11,00	0,74
3	Công trình đầu mối (viễn thông, điện, nước ...)	8,10	0,55
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	4,30	0,29
5	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	3,20	0,22
6	Đất giao thông đối ngoại	37,3	2,52
7	An ninh quốc phòng	-	-
A2	Đất khác	885,7	59,95
1	Đất nông nghiệp, thủy sản và đất khác	843,0	57,06
2	Đất sông suối, mặt nước chuyên dùng	42,7	2,89
3	Đất dự trữ phát triển		

2.5. Đánh giá công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch khu vực đô thị Lai Cách

2.5.1. Công tác quy hoạch

Trong quá trình xây dựng và phát triển đô thị, UBND huyện ban hành quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đối với các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt. Từ đó, làm cơ sở quản lý trên các lĩnh vực đô thị góp phần đưa đô thị phát triển theo hướng xanh, sạch đẹp, văn minh hiện đại.

Khu vực nghiên cứu lập Chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng có mạng lưới giao thông đường bộ thuận lợi, một số tuyến đường trục chính khu vực nội thị đã được đầu tư xây dựng đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật như hệ thống chiếu sáng, vỉa hè. Cây xanh được trồng theo quy định hình thành các tuyến phố đẹp, văn minh trong đô thị. Ở khu vực ngoại thị, hầu hết các tuyến đường đã được xây dựng, tu bổ, nâng cấp đạt chuẩn theo quy định của nông thôn mới. Do đó, cũng đã góp phần quan trọng tạo nên sự đồng bộ, thống nhất, hài hòa trong cảnh quan chung của toàn khu vực.

Trong 5 năm gần đây, UBND thị trấn Lai Cách đã tập trung đầu tư xây dựng theo hướng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật đô thị, các tuyến đường thâm nhập nhựa, xây dựng bó vỉa, lát gạch vỉa hè, xây dựng cải tạo hệ thống đèn điện trang trí, điện chiếu sáng, trồng cây xanh thảm cỏ, cải tạo hệ thống thoát nước... Công tác quản lý trật tự lòng, lề đường được duy trì bảo đảm thông thoáng và sạch sẽ. Đến năm 2020, tiếp tục đầu tư nhiều tuyến giao thông chính trên địa bàn và hình thành nhiều tuyến

phố đẹp, có cảnh biển ghi chú để người dân tự quản và xây dựng đời sống văn minh đô thị... Ngày càng nâng cao tỷ lệ tuyến phố văn minh trên tổng số đường chính.

2.5.2. Không gian công cộng đô thị

Trên địa bàn có 02 không gian công cộng chính phục vụ người dân trong khu vực đô thị: Vườn hoa trung tâm huyện; Đền thờ liệt sỹ huyện Cẩm Giàng.

2.5.3. Công trình di sản, văn hóa lịch sử và kiến trúc tiêu biểu

Thị trấn Lai Cách mở rộng có 30 di tích gồm: 16 chùa, 10 đình, 01 nhà thờ Công giáo, 01 nhà thờ họ, 02 công trình kiến trúc dân dụng cổ truyền, trong đó có 02 di tích, cụm di tích được xếp hạng cấp quốc gia là: đình - chùa Cao Xá và đình An Nghĩa là di tích Quốc gia thu hút nhiều lượt khách du lịch trong năm 2021. Những di tích đã, đang và sẽ góp phần tạo ra những sản phẩm du lịch lịch sử - văn hóa, du lịch tâm linh cho thị trấn Lai Cách. Đây cũng là điều kiện tốt để phát triển các loại hình du lịch vui chơi giải trí, du lịch thắng cảnh nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái khi kết hợp với các điểm tham quan du lịch khác trong tỉnh.



Hình 23: Đình thôn Ngọ



Hình 24: Đình An Nghĩa

2.5.4. Hiện trạng triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn đô thị giai đoạn 2019-2021

a) Các dự án hạ tầng và khu chức năng đặc thù

Bảng 2: Tổng hợp các dự án đầu tư trên địa bàn đô thị giai đoạn 2019-2021

TT	Danh mục dự án	Thời gian thi công	Tiến độ thực hiện
A	Các công trình thực hiện từ 2019 - 2021		
I	Công trình giao thông		
1	Xây dựng hệ thống thoát nước đường huyện 195B (đoạn từ QL.5 đến đường tỉnh 394 xã Cẩm Đông) từ Km6+650-Km7+950	2018-2019	Đã hoàn thành
2	Cải tạo khuôn viên khu vực nhà làm việc khối đoàn thể của huyện	2018	Đã hoàn thành
3	Sửa chữa mặt hè, cây xanh, thoát nước đường	2018-2019	Đã hoàn

TT	Danh mục dự án	Thời gian thi công	Tiến độ thực hiện
	nội thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng		thành
4	Hoàn thiện hệ thống an toàn giao thông trên các tuyến đường huyện Cẩm Giàng	2018-2020	Đã hoàn thành
5	Mở rộng đường từ trung tâm xã về các thôn xã Cẩm Đoài.	2018-2019	Đã hoàn thành
6	Mở rộng tuyến đường từ trung tâm xã đi các thôn (đoạn từ thôn Kim Xá đi KCN Đại An)	2019	Đã hoàn thành
II	Công trình trụ sở cơ quan hành chính sự nghiệp		
1	Sửa chữa Nhà làm việc 3 tầng của Huyện ủy Cẩm Giàng	2018	Đã hoàn thành
2	Sửa chữa nhà làm việc của các Hội (Khu Trường THCS Nguyễn Huệ cũ	2018-2019	Đã hoàn thành
3	Sửa chữa nhà làm việc 3 tầng các phòng, ban của UBND huyện	2018	Đã hoàn thành
4	Nhà làm việc 3 tầng các phòng ban của UBND huyện Cẩm Giàng	2019-2020	Đã hoàn thành
5	Các hạng mục phụ trợ khu nhà làm việc các phòng ban UBND huyện Cẩm Giàng	2019-2020	Đã hoàn thành
6	Xây dựng nhà làm việc - Hội trường giao ban Công an huyện Cẩm Giàng	2019-2020	Đã hoàn thành
7	Trần thạch cao và trang trí nội, ngoại thất công trình Nhà làm việc của Thường trực Huyện ủy và các Ban xây dựng Đảng, Văn phòng Huyện ủy Cẩm Giàng	2018-2019	Đã hoàn thành
8	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trụ sở UBND thị trấn Lai Cách	2019-2020	Đã hoàn thành
9	Hội trường trung tâm thị trấn Lai Cách	2018-2019	Đã hoàn thành
10	Nhà một cửa thị trấn Lai Cách	2018	Đã hoàn thành
11	Trụ sở làm việc Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Cẩm Đoài	2017-2018	Đã hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Thời gian thi công	Tiến độ thực hiện
12	Trạm y tế xã Cẩm Đoài : Nhà làm việc 2 tầng móng 3 tầng và các hạng mục phụ trợ	2020-2021	Đã hoàn thành
13	Trạm y tế xã Cẩm Đoài : San lấp, tường chắn cát, thoát nước	2019-2020	Đã hoàn thành
14	Cải tạo nâng cấp sân và các hạng mục phụ trợ trụ sở UBND xã Cẩm Đoài.	2019	Đã hoàn thành
15	Mở rộng sân UBND xã Cẩm Đông	2018	Đã hoàn thành
III	Công trình giáo dục		
1	Các hạng mục phụ trợ - Trường THCS Nguyễn Huệ	2018-2019	Đã hoàn thành
2	Trường Mầm non trung tâm TT Lai Cách	2017-2019	Đã hoàn thành
3	Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Lai Cách	2018-2019	Đã hoàn thành
4	Cải tạo, mở rộng sân và hệ thống thoát nước trường MN thị trấn Lai Cách	2019	Đã hoàn thành
5	Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng - trường Tiểu học Cẩm Đoài	2019-2020	Đã hoàn thành
6	Cải tạo nhà hiệu bộ 2 tầng 5A, 5B, nhà lớp học 2 tầng 8 phòng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng, nhà bộ môn 2 tầng 4 phòng, phá dỡ tường rào cũ và xây dựng tường rào mới	2020	Đã hoàn thành
7	Cải tạo nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và sân bê tông trường Mầm non Cẩm Đoài	2020	Đã hoàn thành
8	Xây dựng công trình phụ trợ trường Mầm non: Nhà hiệu bộ, sân mở rộng, tường rào, bồn hoa vườn cổ tích khu mở rộng trường MN	2017-2018	Đã hoàn thành
9	Hạng mục Sân vườn, rãnh thoát nước, tường rào khu mở rộng trường MN	2017-2018	Đã hoàn thành
10	Đầu tư công trình phụ trợ MN: Bếp ăn 1 tầng + phụ trợ trường MN	2018	Đã hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Thời gian thi công	Tiến độ thực hiện
11	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng 9 phòng trường tiểu học Cẩm Đông	2019-2020	Đã hoàn thành
12	Xây dựng nhà lớp học chức năng 2 tầng 8 phòng trường MN Cẩm Đông	2019	Đã hoàn thành
13	Cải tạo nhà 1 tầng 4 phòng, nhà lớp học 2T10P, nhà lớp học 2T8P, nhà ăn bán trú... trường tiểu học Cẩm Đông:	2018	Đã hoàn thành
B	Các công trình khác		
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà ăn kiêm thi đấu cầu lông thành Nhà luyện tập thể thao	2018	Đã hoàn thành
2	Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Cẩm Giàng (Giai đoạn I) - Hạng mục: San lấp sân vận động, cổng, tường rào	2018	Đã hoàn thành
3	Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Cẩm Giàng (Giai đoạn I) - Hạng mục: Bể bơi và các công trình phụ trợ	2018	Đã hoàn thành
4	Xây dựng hệ thống Camera an ninh, giao thông trật tự trên địa bàn huyện Cẩm Giàng	2018-2019	Đã hoàn thành
5	Xây dựng, nâng cấp Đài phát thanh huyện và Đài truyền thanh cơ sở huyện Cẩm Giàng	2019	Đã hoàn thành
6	Nâng cấp, cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ thị trấn Lai Cách	2020-2021	Đã hoàn thành
7	Đầu tư xây dựng sân vận động trung tâm của xã Cẩm Đông	2017-2018	Đã hoàn thành

b) Các dự án khu dân cư, khu đô thị đã và đang thực hiện

Bảng 3.1: Tổng hợp các dự án khu dân cư, khu đô thị đã thực hiện

TT	Tên dự án	Thời gian hoàn thành	Diện tích (ha)
1	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Gạch (cạnh cầu vượt), thị trấn Lai Cách	2019-2020	0,1
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 thôn Quảng Cư (giai đoạn 2)	2018	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 mở rộng thôn Quảng Cư, xã Cẩm Đoài	2019-2020	0,7

4	Khu cơ quan và dân cư phía Đông cầu vượt thị trấn Lai Cách	2022	7,15
5	Khu dân cư mới phường Tứ Minh, TP Hải Dương và thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng	2019	9,33
6	Khu dân cư mới thôn Tiên, thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng	2019	2,91
7	Khu đô thị thương mại Lai Cách		50,26 (đã thực hiện GĐ1: 12ha)

Bảng 3.2. Các dự án đang triển khai

TT	Tên dự án	Diện tích QH (ha)	Ghi chú
1	Khu đô thị mới thị trấn Lai Cách	95,88	Đang lập đề xuất DA đề nghị chấp thuận đầu tư
2	Khu dân cư Vườn Đào thị trấn Lai Cách	6,09	Đang lập đề xuất DA đề nghị chấp thuận đầu tư

Nhìn chung, kể từ khi kể từ khi công nhận đô thị loại V, trên địa bàn thu hút đầu tư các nguồn vốn ngày càng nhiều. Ngoài nguồn vốn đầu tư từ ngân sách, ngân sách tỉnh đầu tư cho các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sản xuất, đời sống của nhân dân dân trên địa bàn.

Nguồn vốn từ doanh nghiệp, các thành phần kinh tế cũng tham gia đầu tư phát triển hạ tầng khu đô thị, khu dân cư, cụm công nghiệp công nghiệp, khu du lịch, các cơ sở thương mại... Góp phần đưa Lai Cách phát triển và từng bước hoàn thành các tiêu chuẩn đô thị loại IV.

2.6. Đánh giá tổng hợp

Hành trình đi lên đô thị loại IV là chặng đường chung tay của bao thế hệ cán bộ, đảng viên, quân và dân huyện. Tuy nhiên, với bao khó khăn, thách thức đặt ra, nhất là về nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng xứng tầm với một thị trấn. Thế nhưng, đây là mục tiêu đúng đắn, là khát khao cháy bỏng của quân và dân. Hiện nay, Lai Cách đã và đang đi trên con đường thực hiện mục tiêu trước mắt đó và từng bước hoàn thành các tiêu chuẩn đô thị loại IV.

Những trục đường giao thông kết nối các xã và các vùng miền khác đã và đang dần hoàn thiện, tạo động lực thúc đẩy phát triển thương mại, dịch vụ cho cả một vùng rộng lớn. Mạng lưới giao thông với hàng loạt tuyến đường quy mô lớn được xây dựng như QL5, cầu Lai Cách, đường 394..., góp phần mở rộng không gian đô thị thị trấn Lai Cách.

Thị trấn Lai Cách còn tập trung thu hút nguồn vốn đầu tư xã hội, với nhiều dự án khu dân cư, khu đô thị. Từ nguồn vốn này, đô thị thị trấn Lai Cách được hình thành sầm uất hơn kết hợp chợ kang trang, văn minh, hiện đại.

Bảng SWOT đánh giá tổng quát thị trấn Lai Cách

Điểm mạnh	Điểm yếu
- Có vị trí thuận lợi, quan trọng. Thị trấn Lai Cách nằm ở phía Tây của thành phố Hải Dương dọc Quốc lộ 5, là trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội, là đô thị trung tâm huyện Cẩm Giàng. Đô thị cách trung tâm thành phố Hải Dương 4km. - Khí hậu nhiệt đới gió mùa của thị trấn Lai Cách thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm cây lương thực, thực phẩm và cây ăn quả, đặc biệt là sản xuất vụ đông song cũng phải có biện pháp phòng chống lụt bão và những thiên tai thời tiết khác. - Dân số trong độ tuổi lao động nhiều thuận lợi cung cấp nguồn lao động, người dân cần cù, chịu khó. - Tập trung định hướng phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ. - Lai Cách là nơi tập trung các di tích lịch sử cấp Quốc gia. Các cộng đồng dân cư làng xóm nông nghiệp, lưu giữ các giá trị văn hóa độc đáo không chỉ là tiềm năng phát triển du lịch mà còn là điều kiện tốt để phát triển kinh tế đa dạng. - Các đề án quy hoạch, các dự án về phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ, CN thu hút đầu tư xây dựng và phát triển.	- Vốn đầu tư còn thấp chủ yếu từ ngân sách cho hạ tầng, chưa thu hút được các dự án có đầu tư lớn tạo bước đột phá cho phát triển kinh tế địa phương. - Đô thị trải dài theo QL5, phân tán, nên cần kinh phí đầu tư hạ tầng khung, đặc biệt là khu vực các phường nội thị lớn. - Diện tích đất tự nhiên lớn, diện tích đất xây dựng đô thị chiếm tỷ lệ nhỏ. Diện tích đất xây dựng trong khu dân dụng bình quân chưa cao, diện tích đất xây dựng các công trình hạ tầng xã hội cho người dân còn thiếu trong đó có đất cây xanh TĐTT. - Đô thị có cảnh quan thiên nhiên phong phú, đa dạng với hệ thống núi rất cần được tôn tạo, phát huy và khai thác trong phát triển đô thị để tạo dựng hình ảnh đặc trưng riêng biệt. - Tỷ lệ lao động được đào tạo còn hạn chế, hụt nguồn nhân lực có chất lượng cao cho phát triển. - Du lịch, dịch vụ và công nghiệp chưa tạo được đột phá. - Chưa tận dụng, khai thác tốt giá trị cảnh quan để tạo dựng đô thị có bản sắc, đặc trưng.
Cơ hội	Thách thức
- Lai Cách có vai trò quan trọng trong việc là cửa ngõ của thành phố Hải Dương, nằm phía Tây của thành phố nên luôn nằm trong các hoạch định chiến lược phát triển của thành phố Hải Dương. Thị trấn Lai Cách đến nay đã có được sự quan tâm đầu tư nhiều hơn về kết cấu hạ tầng đô thị với nhiều dự án trọng điểm được triển khai xây dựng. - Hệ thống các công trình thương mại dịch	- Mặc dầu tốc độ tăng vốn đầu tư về phát triển hạ tầng của các thành phần khá, tuy nhiên, hiện nay Lai Cách đang thiếu đầu tư đồng bộ về hạ tầng và không gian đô thị. Hiện tại đang có được sự cải thiện nhưng vẫn còn tình trạng xây dựng lộn xộn, chắp vá, thiếu mỹ quan tại các khu trung tâm đô thị.

vụ, văn hóa đã được đầu tư mới, cải tạo, chỉnh trang và đầu tư xây dựng thêm. - Các dự án phát triển quan trọng về hệ thống hạ tầng khung cấp Quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh đã được lập. - Áp dụng các giải pháp mới, thích ứng BĐKH, NBD để hướng tới đô thị sinh thái bền vững.	- Đặc biệt là tại các khu dân cư nông thôn đang tiến lên đô thị hoá. Mật độ dân số tăng tập trung ở thị trấn là gánh nặng cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Kết cấu hạ tầng đã được quan tâm đầu tư cải tạo, nhưng vẫn đang trong tình trạng thiếu đồng bộ chưa đủ đáp ứng cho việc chuyển đổi cơ cấu đất nông nghiệp sang đất xây dựng đô thị cần theo quy hoạch. - Chưa có chính sách cụ thể thu hút đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm, khu công nghiệp ... để đẩy mạnh kinh tế khu vực. - Thích ứng với BĐKH, NBD (đất đai, nước ngọt suy giảm, hạn hán, lũ, diễn biến bất thường,...).
--	---

3. Đánh giá tổng hợp các tiêu chuẩn của đô thị loại IV theo Nghị quyết số 26

3.1. Tiêu chí 1: Vị trí, chức năng, vai trò cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

3.1.1. Tiêu chuẩn vị trí, chức năng vai trò

Thị trấn Lai Cách là thủ phủ huyện Cẩm Giàng. Thị trấn có vị trí cửa ngõ phía tây thành phố Hải Dương, có hai tuyến giao thông cấp vùng chạy qua là QL5, TL394, tiếp cận khá thuận lợi với đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng. Không gian đô thị được phát triển gắn liền với 3 khu công nghiệp lớn là: Tân Trường, Đại An và Lai Cách. Trên địa bàn đô thị đã phát triển các khu hỗn hợp sản xuất kinh doanh hai bên QL5, TL394.... Theo chiến lược của tỉnh, thị trấn Lai Cách mở rộng được xác định là đô thị trung tâm khu vực phía Tây tỉnh với mục tiêu phát triển:

- Là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa của huyện Cẩm Giàng; có mối quan hệ gắn kết với thành phố Hải Dương và hành lang kinh tế - kỹ thuật - đô thị QL5.

- Là trọng điểm Công nghiệp, Dịch vụ của huyện Cẩm Giàng; là đầu mối giao thông vùng phía Tây thành phố Hải Dương.

Đánh giá tiêu chuẩn vị trí, chức năng và vai trò của đô thị đạt 4,0/5,0 điểm.

3.1.2. Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

1. Cân đối thu chi ngân sách năm 2021 trên địa bàn thị trấn mở rộng

Thu chi ngân sách năm 2021 trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng đạt đủ. Đánh giá đạt 1,5/2,0 điểm.

2. Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước

Tiêu chuẩn thu nhập bình quân đầu người tại thị trấn Lai Cách mở rộng đạt 4,83 triệu đồng người/tháng so với bình quân cả nước (cả nước 4,21 triệu đồng người/tháng năm 2021) gấp 1,14 lần. Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

3. Tăng tỉ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ

Kinh tế thị trấn Lai Cách mở rộng chuyển dịch theo hướng (Công nghiệp; thương mại - dịch vụ; Nông lâm nghiệp - thủy sản). Tỷ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ tăng trên 4% so với mục tiêu đề ra. Đánh giá đạt: 2,0/2,0 điểm.

4. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất

Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm (2019-2021) đạt 8,2%; (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 7% - 8%). Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

5. Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước

Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng năm 2021 đạt 8,7% so với tổng sản phẩm trong nước tăng trưởng đạt 6,05% gấp 1,45 lần. (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 1,15- 1,5 lần). Đánh giá đạt 1,93/2,0 điểm.

6. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng năm 2021 là 1,02%. (Yêu cầu đạt của đô thị loại IV từ 5-4%). Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

7. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm

Tỷ lệ tăng dân số trên địa bàn là 1,5% (Trong đó tỷ lệ tăng tự nhiên là 1,03 %; và tăng cơ học là 0,47%); (Yêu cầu của đô thị loại IV từ 1,0-1,4%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

*** Đánh giá tiêu chuẩn kinh tế xã hội đạt 12,43/13,0 điểm.**

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chí Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: Đạt 16,43/18 điểm.**

3.2. Tiêu chí 2: Quy mô dân số đô thị

Theo số liệu thống kê mới nhất, dân số thường trú trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng là 28.313 người. Dân số tạm trú quy đổi là 5.711 người, bao gồm: doanh nhân kinh doanh và buôn bán tại thị trấn, lao động tạm trú làm việc tại các cụm công nghiệp và doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trên địa bàn; sinh viên học tập và làm việc trên địa bàn.

Tổng dân số toàn thị trấn Lai Cách mở rộng là 34.024 người, yêu cầu đối với đô thị loại IV (không có khu vực ngoại thị) từ 20.000 - 50.000 đánh giá đạt 6,93/8,0 điểm điểm. Với sự phát triển mạnh mẽ của đô thị trong thời gian gần đây, với vai trò là trung tâm công nghiệp, dịch vụ thương mại phía Tây của tỉnh góp phần giao lưu phát triển kinh tế trong tỉnh. Trong thời gian tới, thị trấn Lai Cách mở rộng sẽ tiếp tục thu hút một lực lượng lớn lao động đến sinh sống và làm việc trên địa bàn.

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chí quy mô dân số đô thị: Đạt 6,93/8,0 điểm.**

3.3. Tiêu chí 3: Mật độ dân số đô thị

Mật độ dân số đô thị phản ánh mức độ tập trung dân cư trên địa bàn. Dân số trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng đã tính quy đổi là 34.024 người. Tổng diện tích đất tự nhiên là 14,77 km². Mật độ dân số toàn đô thị trên diện tích đất tự nhiên là 34.024 người/14,77 km² đạt 2.303 người/km², yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 1.200 đến 1.400 người/km², đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

Đối với mật độ dân số khu vực nội thị, tiêu chuẩn diện tích đất xây dựng đô thị là 5,92 km², dân số khu vực nội thị là 34.024 người. Tiêu chuẩn mật độ dân số khu vực nội thị là 34.024 người/5,92 km² đạt 5.750 người/km², yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 4.000 đến 6.000 người/km², đánh giá đạt 5,81/6,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chí mật độ dân số đô thị: Đạt 7,81/8,0 điểm.**

3.4. Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trong tổng số lao động

Dân số thường trú trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng là 34.024 người, số lao động làm việc trong các ngành kinh tế năm 2021 là 16.724 người; số lượng lao động phi nông nghiệp đang làm việc trong ngành nghề thương mại - dịch vụ, công nghiệp - xây dựng là 12.164 người; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị là 12.164/16.724 người, đạt 72,73%, yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 55% đến 65%, đánh giá đạt 1,5/1,5 điểm.

Đối với thị trấn Lai Cách mở rộng không có khu vực ngoại thị nên tỷ lệ phi nông nghiệp toàn đô thị cũng là tỷ lệ phi nông nghiệp khu vực nội thị đạt 72,73%, yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 70% đến 80%, đánh giá đạt 3,77/4,5 điểm.

*** Đánh giá tiêu chí Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: Đạt 5,27/6,0 điểm.**

3.5. Tiêu chí 5: Về trình độ phát triển hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị

3.5.1. Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực nội thị

3.5.1.1. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội

1. Các tiêu chuẩn về nhà ở

- Diện tích sàn bình quân đầu người là 943.234 m² sàn/34.024 người, đạt 27,72 m² sàn/người m² sàn/người (tiêu chuẩn của đô thị loại IV 28-32 m² sàn/người); đánh giá chưa đạt điểm 0/1,0 điểm.

- Khu vực thị trấn Lai Cách mở rộng có 8.362 căn nhà, với tầng cao trung bình 2,4 tầng; trong đó số nhà ở kiên cố, bán kiên cố là 7.275/8.362 căn nhà, chiếm tỷ lệ 87% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 85-90%); đánh giá đạt 0,85/1,0 điểm

Tổng cộng tiêu chuẩn về nhà ở đạt 0,85/2,0 điểm.

2. Các tiêu chuẩn về công trình công cộng

2.1. Diện tích đất dân dụng khu vực thị trấn Lai Cách mở rộng là 3.039.000 m², bình quân đất dân dụng trên dân số nội thị là 3.039.000 m²/34.024 người, tiêu chuẩn

đất dân dụng đạt 89,32 m²/người (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 50-80 m²/người); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

2.2. Đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị

Hệ thống công trình công cộng cấp đô thị bao gồm các công trình giáo dục trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, bệnh viện, văn hóa, thương mại dịch vụ, cơ quan trụ sở cấp đô thị,... có tổng diện tích: 182.857 m², bình quân đất xây dựng công trình công cộng cấp đô thị là 182.857 m²/34.024 người, đạt 5,37m²/người (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 3-4 m²/người); đánh giá đạt điểm tối đa 1,0/1,0 điểm.

2.3. Đất xây dựng công trình dịch vụ công cộng cấp đơn vị ở

Hệ thống công trình công cộng cấp đơn vị ở gồm hệ thống các công trình như: trường mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở, trạm y tế, chợ, các cơ quan cấp thị trấn,... có tổng diện tích 176.720 m², bình quân đất công trình công cộng cấp khu ở trên dân số nội thị là 176.720 m²/34.024 người, đạt 5,19 m²/người (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 1-1,5 m²/người); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

2.4. Công trình y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân

Các cơ sở y tế trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng hiện nay gồm có: Cơ sở 2 - Trung tâm y tế huyện (tuy nhiên cơ sở này hiện không có giường bệnh lưu trú), trạm y tế thị trấn Lai Cách, trạm y tế xã Cẩm Đoài, trạm y tế xã Cẩm Đông, và các phòng khám đa khoa với số lượng giường bệnh trên dân số đô thị bình quân là $27 \times 10.000 / 34.024$ đạt 7,94 giường/10.000 người (Yêu cầu của đô thị loại IV đạt từ 25 - 30 giường bệnh/10.000 người). Đánh giá đạt 0/1,0 điểm.

2.5. Công trình Giáo dục - Đào tạo

Trên địa bàn khu vực mở rộng có 02 cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị: Trường Cao đẳng Du lịch và Công thương (Cơ sở 1 + Cơ sở 2) và Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 2-4 cơ sở); đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm..

2.6. Công trình văn hoá cấp đô thị

Trên địa bàn có 03 công trình văn hóa: Đền thờ liệt sỹ huyện Cẩm Giang, Vườn hoa trung tâm huyện, nhà văn hóa thị trấn (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 2-4 công trình); đánh giá đạt 0,88/1,0 điểm.

2.7. Công trình Thể dục thể thao cấp đô thị

Về thể dục, thể thao, trên địa bàn có 02 công trình thể dục, thể thao đạt chuẩn: Sân vận động huyện, Bể bơi huyện (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 2-3 công trình); đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.

2.8. Công trình thương mại - dịch vụ cấp đô thị

Trên địa bàn có 02 công trình thương mại dịch vụ lớn: Siêu thị điện máy, 01 chợ Lai Cách (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 2-4 công trình); đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.

Tổng cộng các tiêu chuẩn về công trình công cộng đạt 6,13/8,0 điểm.

Bảng 3: Tổng hợp nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội

Các tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Năm 2021
Nhà ở			
Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người	m ² sàn/người	28-32	27,7
Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố	%	85-90	87
Công trình công cộng			
Đất dân dụng	m ² /người	50-80	89,3
Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị bình quân đầu người	m ² /người	3-4	5,37
Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m ² /người	1-1,5	5,19
Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân	giường/1.000 dân	25-30	7,94
Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị	Cơ sở	2-5	2
Công trình văn hóa cấp đô thị	Công trình	2-4	3
Công trình TDTT cấp đô thị	Công trình	2-3	2
Công trình TMDV cấp đô thị	Công trình	2-4	2

*** Tổng hợp đánh giá nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội: Đạt 6,98/10,0 điểm.**

3.5.1.2. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật

1.1. Vị trí thuận lợi, nằm trên đầu mối giao thông

- Mạng lưới giao thông vận tải của thị trấn Lai Cách mở rộng chủ yếu là đường bộ; Đường giao thông đô thị chủ yếu là đường bê tông nhựa và đường nhựa với chất lượng tương đối tốt. Hệ thống giao thông đối ngoại thuận lợi với các tuyến giao thông huyết mạch: QL5, Tỉnh lộ 394; Đánh giá đầu mối giao thông thị trấn Lai Cách mở rộng cấp vùng huyện, đạt 1,75/2,0 điểm.

1.2. Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị

Tổng diện tích đất giao thông đô thị khu vực mở rộng là 103,96 ha, diện tích đất xây dựng đô thị là 591,7 ha. Tỷ lệ diện tích đất giao thông trên đất xây dựng đô thị là $(103,96/591,7) \times 100\%$, đạt 17,6% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 12-17%); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

1.3. Mật độ đường giao thông đô thị

Mật độ đường giao thông đô thị (tính đến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7m$)
Mật độ đường giao thông đô thị bằng tổng chiều dài các tuyến đường có chiều rộng phần

xe chạy $\geq 7\text{m}$ trong khu vực nội thị/ diện tích đất xây dựng đô thị. Tổng chiều dài các tuyến đường có chiều rộng phần xe chạy $\geq 7\text{m}$ trong khu vực thị trấn Lai Cách mở rộng là 25,65 km, đất xây dựng đô thị là 5,91 km². Mật độ đường chính trên đất xây dựng đô thị là 25,65/5,91 km², đạt 4,33 km/km² (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 5-6 km/km²); đánh giá chưa đạt điểm, đạt 0/1,0 điểm.

1.4. Diện tích đất giao thông bình quân đầu người

Tổng diện tích đất giao thông chính khu vực thị trấn Lai Cách mở rộng là 36,19 ha; bình quân diện tích đất giao thông trên dân số nội thị là $36,19 \times 10000 / 34.024$ người, đạt 10,64 m²/người (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 7-9 m²/người); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

1.5. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng

Về vận tải công cộng, hiện chưa có tuyến xe buýt đi qua địa bàn thị trấn, có các xe taxi phục vụ hoạt động trên địa bàn đáp ứng nhu cầu vận tải hành khách công cộng của người dân. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 10% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 5-10%); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chuẩn về giao thông: Đạt 3,75/6,0 điểm.**

2. Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng:

2.1. Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người

Hiện tại 100% dân số nội thị khu vực thị trấn Lai Cách mở rộng được sử dụng lưới điện quốc gia, điện năng tiêu thụ đạt 806.6 kwh/người/năm (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 400-1000 kwh/người/năm); đánh giá đạt 0,92/1,0 điểm.

2.2. Tiêu chuẩn tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng

Mạng lưới chiếu sáng khu vực mở rộng đã được chú ý đầu tư xây dựng. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt 92,86% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 90-95%); đánh giá đạt 0,89/1,0 điểm.

2.3. Tiêu chuẩn tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng

Tỷ lệ đường, khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng trên địa bàn khu vực đô thị đạt 96% (tiêu chuẩn đối với đô thị loại V 50-70%); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

Tổng tiêu chuẩn về hệ thống điện và chiếu sáng công cộng đạt 2,81/3,0 điểm

3. Các tiêu chuẩn về cấp nước

3.1. Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người

Hệ thống cấp nước khu vực thị trấn Lai Cách mở rộng, hiện nay đang được xây dựng hệ thống đường ống cấp nước đến 100% các hộ; tiêu chuẩn của đô thị loại IV từ 100 đến 120 lít/người/ngày đêm; Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người đạt 120 lít/người/ngày đêm, đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

3.2. Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh

Mạng phân phối nước chính hiện tại khu vực thị trấn Lai Cách và vùng phụ cận đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh khu vực mở rộng đạt 100% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 90% đến 95%); đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá tiêu chuẩn về cấp nước: Đạt 3,0/3,0 điểm.**

4. Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông

Hệ thống bưu chính viễn thông trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng được trang bị hiện đại, công nghệ cao và chất lượng tương đối đồng bộ, nối mạng hoàn chỉnh đến tất cả các đơn vị hành chính trên địa bàn. Tổng dung lượng thuê bao điện thoại di động, điện thoại cố định, internet, ADSL tăng rất nhanh, mật độ số thuê bao trên số dân là: 27.961 máy*100/34.024 người, đạt 82,2 máy/100 người (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 15-20 thuê bao internet/100 dân); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm

Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động trên dân số đạt 100% (tiêu chuẩn 90-95%); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

4. Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông

4.1. Số thuê bao Internet (bình quân/100 dân):

Hệ thống bưu chính viễn thông trên địa bàn khu vực thị trấn Lai Cách và vùng phụ cận được trang bị đầy đủ và chất lượng tương đối đồng bộ, nối mạng hoàn chỉnh đến tất cả các đơn vị hành chính trên địa bàn. Tổng dung lượng thuê bao điện thoại di động, điện thoại cố định, internet, ADSL tăng rất nhanh, mật độ số thuê bao trên số dân là: 27.961 máy*100/34.024 người, đạt 82,2 máy/100 người (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 75-100 thuê bao internet/100 dân); đánh giá đạt 0,82/1,0 điểm.

4.2. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang đạt 87 %. (Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV phải đạt từ 60% - 100%). Đánh giá đạt 0,91/1,0 điểm.

4.3. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên địa bàn thị trấn mở rộng đạt 45%. (Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV phải đạt từ 25% - 60%). Đánh giá đạt 0,89/1,0 điểm

Tổng cộng chỉ tiêu về hệ thống viễn thông đạt 2,62/3,0 điểm.

*** Tổng hợp đánh giá nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật: Đạt 11,18/14,00 điểm.**

3.5.1.3. Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường

1. Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng

- Tỷ lệ các khu vực ngập úng đang triển khai giải pháp phòng chống, giảm ngập úng đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

1. Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng

1.1. Mật độ công thoát nước chính

- Tổng chiều dài hệ thống thoát nước chính khu vực mở rộng là 26,55 km; mật độ đường công thoát nước chính trên diện tích đất xây dựng đô thị là 26,55 km/5,92

km²; đạt 4,49 km/km² (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 3,0-3,5km/km²); đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

1.2. Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng, chống, khắc phục

Hiện nay thị trấn mở rộng có 50% các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng và đang thực hiện các giải pháp chống ngập úng trong đô thị. (Yêu cầu của đô thị loại IV: phải đạt từ 20% -50%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng: Đạt 3,0/3,0 điểm.**

2. Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải

2.1. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 90 % (Tiêu chuẩn đối với đô thị loại V đạt từ 70 - 85%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

2.2. Tại thị trấn Lai Cách mở rộng đối với các cơ sở sản xuất, cụm công nghiệp chưa có nhà máy xử lý nước thải công nghiệp theo tiêu chuẩn quy định. Nước thải tại một số khu cơ quan hành chính, dịch vụ, các công trình công cộng và các hộ dân được đưa qua bể tự hoại xử lý trước khi xả ra môi trường. Tỷ lệ nước thải đô thị chưa được xử lý (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 15-25%); đánh giá đạt 0,0/1,0 điểm.

2.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Trên địa bàn khu vực thị trấn Lai Cách mở rộng, khối lượng CTR được thu gom chiếm 82,5% lượng CTR phát sinh (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 80-90%); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm

2.4. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường 85%. (Tiêu chuẩn đối với đô thị loại IV phải đạt từ 65 - 70%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải: Đạt 2,81/5,0 điểm.**

3. Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ

- Về nhà tang lễ, hiện trên địa bàn thị trấn chưa có nhà tang lễ (yêu cầu đối với đô thị loại IV có dự án đến 1 nhà tang lễ); đánh giá chưa đạt điểm 0/1,0 điểm.

- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt 50% (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 5-10%); đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm (*phụ biểu 26*).

*** Tổng cộng đánh giá các tiêu chuẩn về nhà tang lễ: Đạt 1,0/2,0 điểm.**

4. Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị

- Hiện tại khu vực mở rộng đang đầu tư xây dựng khu vực cây xanh công cộng (công viên, vườn hoa, quảng trường), đất cây xanh đô thị hiện nay chủ yếu là cây xanh đường phố, sân vận động, mặt nước sông và một số diện tích cây xanh trong khu dân cư mới. Tổng diện tích đất cây xanh đô thị là 31,73 ha, tiêu chuẩn đất cây xanh toàn đô thị đạt 9,33 m²/người (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 6-8 m²/người); đánh giá đạt

2,0/2,0 điểm và đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt 4,18m²/người (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 4-5m²/người); đánh giá đạt 1,59/2,0 điểm.

*** Tổng cộng đánh giá các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị: Đạt 3,59/4,0 điểm.**

Bảng 5: Tổng hợp nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường

Các tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Năm 2021
Hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng			
Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	3-3,5	4,49
Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng	%	10-20	50
Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải			
Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	70 - 85	90
Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	15-30	0
Tỷ lệ CTR sinh hoạt được thu gom	%	80-90	82,5
Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	65-70	85
Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ			
Nhà tang lễ	Cơ sở	1-2	
Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	5-10	22
Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị			
Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	m ² /người	6-8	6,74
Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị	m ² /người	4-5	5,55

*** Tổng hợp đánh giá nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường: Đạt 10,40/14,00 điểm.**

3.5.1.4. Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị

1. Quy chế quản lý kiến trúc hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị

Trên cơ sở đồ án Quy hoạch chung thị trấn Lai Cách và vùng phụ cận đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035. UBND huyện Cẩm Giàng đã ban hành điều lệ quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị và thực hiện công tác quản lý dựng đô thị theo điều lệ 75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế; đánh giá đạt 1,5/2,0 điểm

2. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/tổng số đường chính khu vực nội thị

Các tổ dân phố, các tuyến đường chính đô thị đã thực hiện tốt nếp sống văn hóa đô thị. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/tổng số đường chính khu vực nội thị đạt 30%. Quy định cho đô thị loại IV từ 30-40%. Đánh giá đạt điểm 1,5/2,0 điểm

3. Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện (dự án)

Trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng có 4 dự án đang được triển khai về chỉnh trang đô thị và cải thiện môi trường sống. Đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

4. Số lượng không gian công cộng của đô thị

Trên địa bàn khu vực nội thị dự kiến có 2 không gian công cộng bao gồm: Đền thờ Liệt Sỹ huyện Cẩm Giàng và vườn hoa trung tâm huyện (yêu cầu đối với đô thị loại IV từ 2-4 công trình); đánh giá đạt 1,5/2,0 điểm

5. Công trình kiến trúc tiêu biểu được cấp có thẩm quyền công nhận

Thị trấn Lai Cách mở rộng có 30 di tích lịch sử, văn hóa được Nhà nước công nhận, xếp hạng từ năm 1993 đến nay với 2 di tích, cụm di tích được xếp hạng là di tích cấp Quốc gia: đình - chùa Cao Xá và đình An Nghĩa. Tiêu chuẩn công trình kiến trúc tiêu biểu đánh giá đạt 1,5/2,0 điểm.

6. Công trình xanh

Thị trấn Lai Cách mở rộng hiện nay đang định hướng xây dựng và phát triển theo hướng đô thị xanh, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững. Các khu đô thị, khu dân cư, các cụm công nghiệp và công trình xây dựng được khuyến khích đầu tư xây dựng theo tiêu chí xanh. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, thị trấn và vùng phụ cận chưa có công trình nào được cấp giấy chứng nhận là công trình xanh. Đánh giá chưa đạt điểm 0/1,0 điểm.

7. Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh

Trên địa bàn thị trấn mở rộng đang triển khai một số khu đô thị... Tuy nhiên các khu đô thị, khu dân cư hiện nay chưa có Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh (Yêu cầu đối với đô thị loại II từ 1-2 khu, đánh giá chưa đạt điểm 0/1,0 điểm).

Bảng 6: Tổng hợp nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị

Các tiêu chuẩn	Đơn vị	Quy định	Năm 2021
Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	%	75%-100% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế	(1)
Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị tính trên tổng số trục phố chính	%	20-30	30

Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	Dự án	1-2	4
Số lượng không gian công cộng của đô thị	Khu	1-2	2
Công trình kiến trúc tiêu biểu		Cấp tỉnh, Quốc gia (1)- Quốc gia đặc biệt (2)	(1)
Công trình xanh		Có 01-02 công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	0
Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh		1-2	0

*** Tổng hợp đánh giá nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị: Đạt 6,5/12,0 điểm.**

Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thị (Đối với khu vực không có ngoại thành, ngoại thị: nhóm tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thành, ngoại thị đạt 10 điểm).

Bảng 6: Bảng tổng hợp chấm điểm các tiêu chí, tiêu chuẩn thị trấn Lai Cách mở rộng theo tiêu chí đô thị loại IV

TT	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của DT loại IV		Năm 2021	Điểm
			Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
I	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội		13,50	18,00				16,43
1.1	Vị trí, chức năng, vai trò		3,75	5,00	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm hành chính cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện hoặc vùng liên huyện. (1)	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát	(1)&(2)	4,0

						triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng liên huyện. (2)		
1.2	<i>Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</i>		9,75	13,00				12,43
1.2.1	Cân đối thu chi ngân sách		1,50	2,00	Đủ (1)	Dư (2)	2	1,50
1.2.2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	lần	1,50	2,00	0,7	1,05	1,09	2,00
1.2.3	Tăng tỷ trọng xây dựng công nghiệp và dịch vụ		1,50	2,00	Tăng theo mục tiêu đề ra	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	2,00
1.2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	%	1,50	2,00	7	8	8,2	2,00
1.2.5	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước		1,50	2,00	1,15	1,5	1,45	1,93
1.2.6	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	1,50	2,00	4,0	5,0	1,02	2,00

1.2.7	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm	%	0,75	1,00	1,0	1,40	1,5	1,00
II	Quy mô dân số		6,00	8,00				6,93
2.1	Dân số toàn đô thị	1000 người	6,00	8,00	20	50	34,0	6,93
III	Mật độ dân số		6,00	8,00				7,81
3.1	Mật độ dân số toàn đô thị	người/km2	1,50	2,00	1.200	1.400	2.303	2,00
3.2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn	người/km2	4,50	6,00	4.000	6.000	5.750	5,81
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	4,50	6,00				5,27
4.1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	%	1,00	1,50	55	65	72,73	1,50
4.2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	3,50	4,50	70	80	72,73	3,77
V	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị		45,00	60,00				46,81
5.A	Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực nội thành, nội thị							
5.1	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội		7,50	10,00				6,98

5.1.1	Các tiêu chuẩn về nhà ở		1,50	2,00				0,85
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người	m2 sàn/người	0,75	1,00	28	32	27,7	0,00
2	Tỷ lệ nhà kiên cố	%	0,75	1,00	85	90	87	0,85
5.1.2	Các tiêu chuẩn về công trình công cộng		6,00	8,00				6,13
1	Đất dân dụng bình quân đầu người	m2/người	0,75	1,00	50	80	89,3	1,00
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị bình quân đầu người	m2/người	0,75	1,00	3	4	5,37	1,00
3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m2/người	0,75	1,00	1	1,5	5,19	1,00
4	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10000 dân	giường/10000ng	0,75	1,00	25	30	7,94	0,00
5	Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị	cơ sở	0,75	1,00	2	5	2	0,75
6	Công trình văn hóa cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	2	4	3	0,88
7	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	2	3	2	0,75
8	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	công trình	0,75	1,00	2	4	2	0,75
5.2	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ		10,50	14,00				11,17

	<i>tầng kỹ thuật</i>							
5.2.1	<i>Các tiêu chuẩn về giao thông</i>		4,50	6,00				3,75
1	Công trình đầu mối giao thông	cấp	0,75	1,00	Vùng liên huyện (1)	Vùng tỉnh (2)	(1)	0,75
2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	%	0,75	1,00	12	17	17,6	1,00
3	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km2	1,50	2,00	5	6	4,3	0,00
4	Diện tích đất giao thông bình quân đầu người	m2/người	0,75	1,00	7	9	10,6	1,00
5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	%	0,75	1,00	3	5	10	1,00
5.2.2	<i>Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng</i>		2,25	3,00				2,81
1	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/ng/năm	0,75	1,00	400	1000	806,6	0,92
2	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng	%	0,75	1,00	90	95	92,86	0,89
3	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng	%	0,75	1,00	50	70	96	1,00
5.2.3	<i>Các tiêu chuẩn về cấp nước</i>		1,50	2,00				2,00
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	l/ng.ngđ	0,75	1,00	100	120	120	1,00

2	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	0,75	1,00	90	95	100	1,00
5.2.4	<i>Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông</i>		2,25	3,00				2,61
1	Số thuê bao băng rộng di động /100 dân	thuê bao int/100ng	0,75	1,00	75	100	82,18	0,82
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang	%	0,75	1,00	65	100	87	0,91
3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	0,75	1,00	25	60	45	0,89
5.3	<i>Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường</i>		10,50	14,00				10,65
5.3.1	<i>Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng</i>		2,25	3,00				3,00
1	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km2	1,50	2,00	3	3,5	4,49	2,00
2	Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng chống, khắc phục	%	0,75	1,00	10	20	50	1,00
5.3.2	<i>Các tiêu chuẩn về thu gom,</i>		3,75	5,00				2,81

	<i>xử lý nước thải, chất thải</i>							
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	0,75	1,00	70	85	90	1,00
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật	%	1,50	2,00	15	30	0	0,00
3	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được thu gom	%	0,75	1,00	80	90	82,5	0,81
4	Tỷ lệ CTR được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	0,75	1,00	65	70	85	1,00
5.3.3	<i>Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ</i>		1,50	2,00				1,00
1	Nhà tang lễ	cơ sở	0,75	1,00	1	2	0	0,00
2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	0,75	1,00	5	10	50	1,00
5.3.4	<i>Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị</i>		3,00	4,00				3,84
1	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	m2/người	1,50	2,00	6	8	9,33	2,00
2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị bình quân đầu người	m2/người	1,50	2,00	4	5	4,67	1,84
5.4	<i>Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị</i>		9,00	12,00				6,50

1	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị		1,50	2,00	75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế	100% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế	75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế	1,50
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh/tổng số đường chính	%	1,50	2,00	30	40	0	0,00
3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	dự án	1,50	2,00	1	2	4	2,00
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	khu	1,50	2,00	2	4	2	1,50
5	Công trình kiến trúc tiêu biểu		1,50	2,00	Cấp tỉnh, quốc gia (1)	quốc gia đặc biệt(2)	(1)	1,50
6	Công trình xanh		0,75	1,00	Có 01 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	Có 02 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	0	0,00

7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh		0,75	1,00	1	2	0	0,00
5.B	<i>Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thị</i>		<i>7,50</i>	<i>10,00</i>				<i>10,00</i>
	Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị		75,00	100,00				83,25

Bảng 7: Tổng hợp chấm điểm thị trấn Lai Cách mở rộng theo tiêu chí đô thị loại IV

TT	Các yếu tố đánh giá	Thang điểm		Điểm
		Tối thiểu	Tối đa	
TC1	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển KT-XH	13,5	18	16,43
TC2	Quy mô dân số	6	8	6,93
TC3	Mật độ dân số đô thị	6	8	7,81
TC4	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	4,5	6	5,27
TC5	Trình độ phát triển hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị	45	60	46,81
5A	Khu vực nội thị	37,5	50	36,81
1	Nhóm tiêu chuẩn về hệ thống công trình HTXH	7,5	10	6,98
2	Nhóm tiêu chuẩn về hệ thống công trình hạ tầng thiết yếu	10,5	14	11,18
3	Nhóm tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường đô thị	10,5	14	10,65
4	Nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị	9,0	12	8,0
5B	Khu vực ngoại thị	7,5	10	10
	Tổng điểm xét phân loại đô thị	75	100	83,25

So sánh, đánh giá các tiêu chí đô thị loại IV, của thị trấn Lai Cách

- Tiêu chí số 1: Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển KT-XH: không đạt 16,43/13,5 điểm (Đạt điểm trung bình);

- Tiêu chí số 2: Quy mô dân số đạt 6,93/6,0 điểm (Đạt điểm trung bình);

- Tiêu chí số 3: Mật độ dân số đô thị đạt 7,81/6,0 điểm (Đạt điểm trung bình);

- Tiêu chí số 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: đạt 5,27/4,5 điểm (Điểm trung bình);

- Tiêu chí số 5: Trình độ phát triển hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị: đạt 46,81/45 điểm (Trung bình).

Tổng điểm theo tiêu chí đô thị loại IV của thị trấn Lai Cách mở rộng đạt 83,25/75,0 điểm. Cao hơn mức điểm tối thiểu 8,25 điểm.

Trong đó:

+ 33/62 tiêu chuẩn đạt điểm tối đa, thể hiện những mặt mạnh đã đạt được của đô thị.

+ 22/62 tiêu chuẩn đạt điểm trung bình, tối thiểu, thể hiện những mặt đang từng bước phát triển của đô thị.

+ 7/62 tiêu chuẩn chưa đạt, thể hiện những mặt còn yếu của đô thị, cần tập trung giải pháp khắc phục là

TT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Đơn vị	Tiêu chuẩn đô thị loại IV		Năm 2021
			Cận dưới	Cận trên	
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người	m2 sàn/người	28	32	27,7
2	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10000 dân	giường/10.000ng	25	30	7,94
3	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km2	5	6	4,3
4	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật	%	15	30	0
5	Nhà tang lễ	Cơ sở	1	2	0
6	Công trình xanh	Công trình	Có 01 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	Có 02 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	0
7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	khu	1	2	0

PHẦN II: CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN THỊ TRẤN LAI CÁCH MỞ RỘNG, HUYỆN CẨM GIÀNG ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

1. Một số tiêu chuẩn và dự báo phát triển đô thị theo quy hoạch chung đến năm 2035

1.1. Dự báo một số tiêu chuẩn phát triển kinh tế - xã hội

1.1.1. Quy mô đất đai

Bảng 8: Tổng hợp dự báo quy mô đất đai thị trấn lai Cách mở rộng đến năm 2035

TT	Hạng mục	Quy hoạch đến năm 2025		Quy hoạch đến năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng	1477,4	100,0%	1477,4	100,0%
I	Đất xây dựng đô thị	1048	70,94%	1253,4	84,84%
1	Đất dân dụng	519,6	35,17%	626,4	42,40%
-	Đất các khu ở	340,5	23,05%	402,9	27,27%
	Đất các khu ở cũ cải tạo chỉnh trang	251,7	17,04%	251,7	17,04%
	Đất các khu ở mới	88,8	6,01%	151,2	10,23%
-	Đất công trình công cộng	64,2	4,35%	71	4,81%
-	Đất cây xanh, TDTT	28	1,09%	32,3	2,19%
-	Đất giao thông đối nội	86,8	5,88%	120,2	8,14%
2	Đất ngoài dân dụng	528,4	35,77%	627	42,44%
-	Đất cơ quan Huyện	9,7	0,66%	9,7	0,66%
-	Đất thương mại DV	24,2	1,64%	25,3	1,71%
-	Đất công nghiệp	320,7	21,71%	418,3	28,31%
-	Đất dịch vụ công nghiệp	66,1	4,47%	66,1	4,47%
-	Đất giao thông đối ngoại	75,9	5,14%	75,9	5,14%
-	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	3,2	0,22%	3,2	0,22%
-	Đất nghĩa trang	12,6	0,85%	12,6	0,85%
-	Đất hạ tầng	16	1,08%	16	1,08%
II	Đất khác	429,4	29,06%	224	15,16
	Mặt nước chuyên dụng (sông kênh	42,7	2,89%	42,7	2,89%

TT	Hạng mục	Quy hoạch đến năm 2025		Quy hoạch đến năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	tiêu thoát nước)				
	Đất dự trữ phát triển (tạm sử dụng SXNN)	279,6	18,93%	74,2	5,02%
	Đất nông nghiệp, thủy sản và đất khác	107,1	7,25	107,14	7,25%

1.1.2. Một số tiêu chuẩn phát triển phát triển đô thị chủ yếu

Bảng 9: Tổng hợp tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật
thị trấn Lai Cách mở rộng đến năm 2035

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2035
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân	m ² /người	28,7	32,5
2	Tỷ lệ nhà kiên cố	%	90	95
3	Đất dân dụng	m ² /người	80	92
4	Tỷ lệ đất GT so với đất XDĐT	%	18,5	19,75
5	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km ²	5,2	8,4
6	Tỷ lệ vận tải HK CC	%	15	35
7	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	100	100
8	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/ng.ng	125	127
9	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	4,7	5,5
10	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý	%	15	45
11	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được thu gom	%	85	92
12	Tỷ lệ CTR được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	90	100
13	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng	%	95	98
14	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng	%	98	100
15	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	m ² /người	9,5	12,7
16	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị bình quân đầu người	m ² /người	4,8	7,7

1.2. Động lực phát triển

1.2.1. Vị trí và vai trò của thị trấn

- Là thị trấn cửa ngõ của thành phố; Trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Cẩm Giàng; Được quy hoạch phát triển theo tiêu chí đô thị loại IV và trở thành thị xã trực thuộc tỉnh.

- Là đầu mối giao thông quan trọng của thành phố Hải Dương.

- Là hạt nhân thúc đẩy sự phát triển kinh tế cho vùng trung tâm huyện Cẩm Giàng.

1.2.2. Các giá trị của truyền thống, lịch sử văn hóa lâu đời

Trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng có 30 di tích lịch sử, văn hóa được Nhà nước công nhận, xếp hạng từ năm 1993 đến nay với 2 di tích, cụm di tích được xếp hạng là di tích cấp Quốc gia.

1.2.3. Các ngành kinh tế mũi nhọn có sức tăng trưởng cao

- Hoàn thiện hạ tầng cụm công nghiệp Đại An, thu hút đầu tư, tiếp tục tăng tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp.

+ Phát triển các cụm công nghiệp làng nghề gắn với việc bảo tồn, đảm bảo vệ sinh môi trường sinh thái.

+ Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, liên kết với các doanh nghiệp trong vùng để phát triển sản phẩm mới, công nghệ mới. Đồng thời liên kết với các trường đại học để đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao và liên kết nghiên cứu.

- Phát triển công nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao cùng với công nghiệp chế biến và đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

1.2.4. Hạ tầng xã hội và kỹ thuật

- Hệ thống giáo dục, y tế, văn hóa các cấp đã được xây dựng và từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Nhiều dự án xây dựng trường đại học, các trung tâm thương mại, các di tích văn hóa lịch sử từng bước được đầu tư trùng tu, phát huy vào du lịch.

1.3. Quy mô dân số và tỷ lệ đô thị hóa

Bảng 10: Tổng hợp quy mô dân số và tỷ lệ đô thị hóa thị trấn Lai Cách mở rộng

STT	DANH MỤC	ĐV tính	Hiện trạng	Quy hoạch đến năm	
				2025	2035
I	TỶ LỆ TĂNG DÂN SỐ				
	Tỷ lệ tăng dân số TB đô thị/năm	%	1,50	2,0	3,5
a	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,03	1,2	1,4
b	Tỷ lệ tăng dân cơ học	%	0,47	0,8	2,1
	Tỷ lệ tăng do mở rộng ranh giới	%			
	Tỷ lệ tăng do thu hút của đô thị	%	0,47	0,8	2,1

STT	DANH MỤC	ĐV tính	Hiện trạng	Quy hoạch đến năm	
				2025	2035
II	QUY MÔ DÂN SỐ				
A	Quy mô dân số toàn đô thị	người	34.024	38.000	52.000
a	Nội thị dự kiến	người	34.4024	38.000	52.000
b	Ngoại thị dự kiến	người			
B	Dân số gia tăng do sức hút của đô thị của đô thị (về cơ hội việc làm, môi trường sống, học tập...)				
III	Tỷ lệ % đô thị hóa	%	51,35	60	75

1.4. Định hướng phát triển không gian đô thị

Định hướng quy hoạch phát triển ngoài khu vực trung tâm huyện, trong các giai đoạn sắp tới, thị trấn Lai Cách hạn chế phát triển bám theo QL5 để phát triển 2 khu vực chiến lược đó là: Khu phía Bắc và khu phía Nam thị trấn.

- Khu phía Bắc được phát triển với tiền đề là Khu thương mại và dịch vụ Lai Cách và các khu điểm phát triển dọc theo QL5, trong mối quan hệ với thành phố Hải Dương và các xã phía Tây, phía Bắc của huyện thông qua các tuyến đường QL5, TL394. Khu phía Bắc thị trấn sẽ được phát triển mạnh về công nghiệp, dịch vụ.

- Khu phía Nam Thị trấn được phát triển với vai trò chủ yếu là khu đô thị mới trung tâm huyện Cẩm Giàng; trong mối quan hệ với khu vực trung tâm thị trấn, với thành phố Hải Dương và các xã phía Nam của huyện thông qua QL5, TL394. Khu vực phía Nam Lai Cách sẽ phát triển mạnh về công nghiệp, dịch vụ, thương mại trên cơ sở các khu động lực như: KCN Đại An, Khu đô thị mới Lai Cách.

- Khu vực trung tâm huyện với vai trò chủ đạo là khu trung tâm hành chính của huyện Cẩm Giàng và các công trình hạ tầng thiết yếu của huyện. Ngoài ra, còn có một số khu điểm đô thị mới được xây dựng trong khoảng năm 2021 - 2035, cơ sở dịch vụ và công trình công cộng và dân cư hiện hữu liền kề. Khu vực này sẽ được tập trung xây dựng chỉnh trang hạ tầng đô thị nhằm hình thành khu trung tâm đô thị hiện đại, là bộ mặt kiến trúc cảnh quan cho thị trấn Lai Cách mở rộng và huyện Cẩm Giàng.

1.5. Định hướng quy hoạch khu chức năng

a) Trung tâm hành chính, văn hóa:

- Tiếp tục duy trì, nâng cấp các công trình văn hóa hiện hữu, quy hoạch bổ sung một trung tâm văn hóa; Các trung tâm văn hóa cấp phường được xây dựng trong các khu đô thị mới quy mô 1-2 ha/công trình.

- Trung tâm tổng hợp huyện Cẩm Giàng: tiếp tục phát triển Khu Trung tâm huyện. Khu vực này có diện tích khoảng (15 ha), trong đó bổ sung một số diện tích công cộng và cây xanh. Ngoài các công trình cơ quan, công cộng cấp khu vực và đô thị, có thể bố trí thêm một số công trình công cộng cấp vùng tại đây. Khu trung tâm này sẽ được cải tạo chỉnh trang trước năm 2025.

b) Trung tâm y tế, giáo dục:

- Tiếp tục nâng cấp, cải tạo và đầu tư hoàn chỉnh hệ thống y tế; Quy hoạch xây dựng mới bệnh viện đa khoa với trang thiết bị hiện đại đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân.

- Tiếp tục nâng cấp, cải tạo và đầu tư hoàn chỉnh hệ thống giáo dục. Đẩy mạnh, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin để đáp ứng nhu cầu dạy và học của học sinh trong môi trường công nghệ thông tin đang ngày càng phát triển.

c) Trung tâm thương mại dịch vụ:

- Quy hoạch xây dựng mới 2 siêu thị, 1-2 trung tâm thương mại, bố trí tại trung tâm của các thị trấn.

- Quy hoạch xây dựng mạng lưới chợ nội thị (trên cơ sở đầu tư nâng cấp các chợ hiện nay trong nội thị cũ, kết hợp chợ xây mới trong các đô thị mới), quy mô: 0,5-1,0 ha/lchợ.

- Khu vực trung tâm các khu ở mới: Xây dựng các công trình công cộng dịch vụ và các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu phục vụ cho dân cư đô thị.

d) Quy hoạch các khu vực phát triển công nghiệp, kho tàng:

- Quy hoạch phát triển khu công nghiệp Đại An với quy mô khoảng 300 ha, kết hợp phát triển các cụm công nghiệp.

- Đẩy mạnh phát triển các khu có tính động lực cho đô thị như: Khu trung tâm huyện, khu công nghiệp, dịch vụ Lai Cách, KCN Đại An và các tuyến đường chính đô thị. Song song với đó, rà soát nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV. Trong đó, các khu vực ưu tiên gồm: phát triển đồng bộ khu vực trung tâm huyện, khu trung tâm phía Bắc thị trấn và khu thương mại dịch vụ Lai Cách; ngoài ra ưu tiên cho phát triển khu đô thị mới trung tâm huyện Cẩm Giàng làm cơ sở hình thành khu phía Nam thị trấn.

e) Hệ thống công viên, cây xanh TĐTT:

- Công trình thể dục thể thao: Thực hiện dự án khu trung tâm huyện với diện tích khoảng 5,5ha. Đây là công trình được quy hoạch với mục tiêu phục vụ các hoạt động thể dục thể thao quần chúng, thể thao thương mại, thể thao thành tích cao của nhân dân trong huyện Cẩm Giàng nói chung.

- Công viên cây xanh: Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn thiện hệ thống công viên, cây xanh hiện hữu. Quy hoạch mới 01 công viên lớn kết hợp các hoạt động văn hóa tại khu vực trung tâm hành chính mới. Hình thành các khu công viên tại trung tâm các khu đô thị mới.

- Tổ chức các vườn hoa cây xanh trong các khu ở, kết nối với các công viên đô thị và các không gian xanh (đồi núi, mặt nước), hình thành nên một mạng lưới cây xanh liên hoàn cho toàn đô thị.

g) Các khu vực du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng:

- Hình thành ba không gian du lịch, nghỉ dưỡng gắn với các không gian sinh thái.

- Khu vực du lịch sinh thái nghỉ, du lịch văn hóa di tích, lịch sử.
- Khu vực du lịch cộng đồng, trải nghiệm, gắn với vùng không gian cảnh quan sinh thái sông, đầm, làng nghề đặc trưng.
- Khu vực du lịch sinh thái nông, lâm nghiệp, du lịch hồ, núi rừng kết hợp tìm hiểu các di tích lịch sử.

1.5. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật

1.5.1. Giao thông

a) Đường bộ

Giao thông đối ngoại:

- Đường quốc lộ 5A: Tuân thủ mặt cắt và phương án tuyến của Quốc gia. Mặt cắt rộng 82m bao gồm cả đường gom 2 bên.

- Đường vành đai 2 thành phố Hải Dương: Tuân thủ theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Hải Dương, trước mắt đầu tư xây dựng đường cấp III đồng bằng để sử dụng. Tổng mặt cắt rộng 67m bao gồm hành lang xanh dự trữ 2 bên.

- TL394 : Tuân thủ và cập nhật theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng và tỉnh Hải Dương. Mặt cắt ngang điển hình rộng 22,5m. Đối với khu vực tuyến đi qua các khu đô thị, xây dựng thêm 11,5 m đường gom về một bên, tổng lộ giới là 34m. Đối với khu vực tuyến đi qua xã Cẩm Đoài và xã Cẩm Đông tổng lộ giới là 45m (lòng đường rộng 12m và hành lang bảo vệ giao thông mỗi bên rộng 16,5m). Đoạn tuyến đi qua cụm công nghiệp Cao An xây dựng thêm đường gom về 2 bên, tổng lộ giới là 60m.

Giao thông đối nội:

- Đường trục chính đô thị: được chú trọng trong việc tạo mỹ quan đô thị, là trục nổi trung tâm của các khu phát triển đô thị. Gồm 2 tuyến: tuyến theo hướng Bắc – Nam mặt cắt rộng 38m, tuyến theo hướng Đông Tây mặt cắt rộng 34m. Đây là những tuyến chính liên hệ với đường quốc lộ 5A thành mạng lưới giao thông chính của toàn đô thị.

- Đường khu vực đô thị: Là các tuyến liên hệ các khu vực đô thị với nhau, giữa các khu chức năng chính của đô thị. Đường khu vực có quy mô từ 17,5m - 27m.

- Đường cải tạo các khu dân cư nông thôn cũ: Giữ nguyên hướng tuyến, nâng cấp cải tạo các tuyến đường hiện có, bổ sung các tuyến mới đạt mặt cắt kiểu đường đô thị từ 15 – 18,5m hoặc có tiêu chuẩn cấp IV, cấp V đồng bằng.

b) Đường sắt

Theo định hướng của đồ án Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông đường sắt Việt Nam, tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng: nâng cấp, cải tạo thành đường sắt đôi khổ 1.435mm, điện khí hóa toàn tuyến, mở rộng ga Cao Xá, xây dựng thêm các công trình phụ trợ trong ga, phát triển theo hướng dịch vụ vận tải theo hướng đa dạng, an toàn và chất lượng cao.

c) Các bến xe, nút giao thông

- Nút giao thông lập thể: Quy hoạch 1 nút trên QL5 giao với đường trục đô thị Bắc Nam - giao lập thể - dạng hoa thị bán hoàn chỉnh (định hướng).

- Nút giao thông cảnh quan: Quy hoạch 3 nút giao thông cảnh quan tại những vị trí trong các khu đô thị, cửa ngõ các khu đô thị, khu công nghiệp tập trung ...vv. Các nút giao thông cảnh quan này được thiết kế tổ chức giao thông vòng xuyên, phân luồng giao thông.

- Trên địa bàn thị trấn Lai Cách chỉ quy hoạch các điểm đỗ xe bus chủ yếu phục vụ cho công nhân trong các KCN. Còn lại, nhu cầu di chuyển tự do từ Lai Cách đi các tỉnh và ngược lại thì đề nghị được sử dụng bến xe của tỉnh tại thành phố Hải Dương (cách Lai Cách 3,0 km).

- Đề nghị xây dựng bến xe trung tâm huyện tại phía Tây thị trấn Lai Cách, tiếp cận với QL5 và HL194C, quy mô xây dựng bến xe khoảng 2ha.

1.5.2. Cấp nước

- Nguồn nước: Nước cấp cho khu vực quy hoạch được lấy từ nhà máy cấp nước hiện có Việt Hòa công suất 40.000m³/ngày;

- Mạng đường ống hiện trạng: Mạng đường ống cấp nước hiện nay đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh đảm bảo cấp nước cho khu vực hiện nay nhưng cần phải đầu nối với mạng đường ống quy hoạch mới để đảm bảo cấp nước được liên tục khi xảy ra sự cố.

- Mạng đường ống quy hoạch mới: quy hoạch mạng đường ống chính có đường kính D110 đầu nối vào các đường ống chính hiện nay để cấp nước cho các khu vực chưa có nước sạch và các khu vực quy hoạch mới. Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong khu vực quy hoạch, hệ thống cấp cấp nước của các khu này tuân theo quy hoạch riêng đã được phê duyệt.

- Mạng cấp nước chữa cháy: quy hoạch chung với mạng cấp nước sinh hoạt. Theo bảng 9 tiêu chuẩn (TCVN 2622-78). Tương ứng với số dân cư của các giai đoạn phát triển, nhà xây hỗn hợp không phụ thuộc vào bậc chịu lửa số lượng đám cháy xảy ra đồng thời là 2, lưu lượng nước cho một đám cháy: 30 (lít/giây).

1.5.3. Cấp điện

- Nguồn cấp điện cho khu quy hoạch từ trạm 110 kV Hải Dương và 110 kV Đại An, công suất (1x63) MVA-110/35/22 kV.

+ Đối với các khu dân cư hiện trạng tiếp tục sử dụng nguồn điện hiện nay, đồng thời được bổ sung nguồn điện quy hoạch mới để phát triển mở rộng

+ Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong khu vực quy hoạch, hệ thống cấp điện của các khu này tuân theo quy hoạch riêng đã được phê duyệt.

+ Đối với các khu vực xây dựng mới sử dụng nguồn điện từ trạm biến thế 110 kV Đại An.

- Lưới 110KV qua khu quy hoạch: Được giữ nguyên, yêu cầu dành quỹ đất cho hành lang an toàn lưới điện theo đúng quy định của Chính Phủ.

- Lưới 35KV hiện trạng: Có định hướng chuyển đổi vận hành ở điện áp 22KV theo định hướng chung của ngành điện và từng bước hạ ngầm tại các đô thị để đảm bảo an toàn và cảnh quan trong khu vực.

- Lưới 22 kV quy hoạch mới: Lấy nguồn từ trạm biến thế Đại An và cấp điện cho các khu quy hoạch mới, các tuyến này được đi ngầm.

- Các trạm biến thế phân phối hiện nay vận hành ở điện áp 35KV phải có kế hoạch cải tạo chuyển sang vận hành ở điện áp 22KV

- Các trạm biến thế kiểu treo hiện nay cần có kế hoạch chuyển thành các trạm biến thế kiểu kín, ki ốt hoặc trên cột để đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Các trạm biến thế phân phối mới sẽ vận hành ở điện áp 22KV, sử dụng loại trạm kín kiểu Kiốt trạm xây hoặc trạm trên cột, được đặt tại trung tâm các phụ tải và gần đường giao thông để thuận lợi cho việc vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng. Vở, nhà trạm phải đảm bảo mỹ quan đô thị. Bán kính cấp điện của trạm biến thế trong đô thị không nên lớn hơn 300m.

1.5.4. Hệ thống thông tin liên lạc

a) Mạng điện thoại

- Duy trì tổng đài Host hiện tại, đồng thời phát triển thêm 02 tổng đài ở khu vực phía Bắc và phía Nam đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, hoạt động song song với tổng đài Host hiện có để cung ứng dịch vụ chung đô thị.

- Mạng di động do các nhà mạng tính toán cung cấp dịch vụ. Rà soát, sắp xếp các trạm BTS hợp lý, đảm bảo mỹ quan đô thị, ưu tiên sử dụng chung hạ tầng giữa các nhà mạng.

b) Mạng truyền hình

Các nhà cung cấp dịch vụ truyền hình sẽ triển khai mạng tới từng đơn vị qua mạng cáp truyền hình hoặc đầu thu sóng.

c) Mạng ngoại vi

Gồm các hệ thống công, bể cáp và hầm cáp bố trí dọc theo các vỉa hè đường. Trong khu vực nội thị: Từng bước hạ ngầm các tuyến cáp hiện trạng; Các tuyến cáp xây dựng mới dọc theo các trục đường chính phải đi ngầm.

Các tuyến cáp được đặt trong ống nhựa bảo vệ D110, tại những đoạn qua đường sử dụng loại ống sắt tráng kẽm. Các tủ, hộp cáp được bố trí tại các ngã ba, ngã tư nhằm thuận lợi cho việc lắp đặt và quản lý.

d) Mạng truy nhập internet

Xây dựng các tuyến cáp ngầm và từng bước quang hóa các tuyến cáp; Nâng cấp đường truyền dịch vụ theo công nghệ NGN và kết nối bằng thông rộng.

e) Bưu cục và các điểm đại lý

Quy hoạch mạng lưới các bưu cục trong khu vực với bán kính phục vụ hợp lý; đảm bảo các dịch vụ cơ bản như: Thư tín, EMS, chuyển tiền, bưu phẩm.

Cải tạo kết hợp xây dựng mới các điểm đại lý bưu điện, bưu điện văn hoá xã, đặc biệt ở những khu vực đông dân cư.

1.5.5. Quy hoạch thoát nước thải và VSMT

a) Thoát nước thải

- Đối với khu vực thị trấn Lai Cách hiện nay đã có hệ thống thoát nước chung, tại các điểm xả xây dựng các giếng tách nước thải để thu gom nước thải về trạm xử lý.

- Khu vực làng xóm hiện nay xây dựng hệ thống thoát nước chung, tại các điểm xả xây dựng các giếng tách nước thải để thu gom nước thải về trạm xử lý.

- Khu, cụm công nghiệp: xây dựng hệ thống thoát nước riêng và các trạm xử lý nước thải cục bộ trong khu và theo quy hoạch riêng đã được phê duyệt.

- Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong khu vực quy hoạch, hệ thống thoát nước mưa của các khu này tuân theo quy hoạch riêng đã được phê duyệt.

- Lưu lượng nước thải đảm bảo bằng 100% lượng nước cấp sinh hoạt và các dịch vụ công cộng theo QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 05/8/2016 của UBND tỉnh quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

❖ Giải pháp quy hoạch mạng lưới thoát nước thải:

- Lưu vực thoát nước chính:

+ Lưu vực 1 bao gồm các khu vực phía Bắc QL5, nước thải của lưu vực này được thu gom thoát vào trạm xử lý nước thải số 1.

+ Lưu vực 2 bao gồm các khu vực phía Bắc QL5, nước thải của lưu vực này được thu gom thoát vào trạm xử lý nước thải số 2.

- Mạng lưới thoát nước thải: Mạng đường ống: được quy hoạch cơ bản theo hệ thống giao thông, sử dụng công tròn có đường kính từ D300 mm đến D400 mm, độ dốc cống nhỏ nhất là 1/D, độ sâu chôn cống tùy thuộc vào vị trí; tại một số điểm cục bộ có độ sâu chôn cống lớn sử dụng trạm bơm tăng áp.

- Xử lý nước thải:

+ Xử lý nước thải sinh hoạt: xây dựng 02 trạm xử lý nước thải tương ứng với 2 lưu vực thoát nước thải. Trạm số 1 được bố trí giáp với cụm công nghiệp Cao An về phía Tây, có công suất đến năm 2025 là 2000m³/ngđ và vào năm 2035 là 4000 m³/ngđ, trạm này xử lý nước thải cho lưu vực phía Bắc QL5 (lưu vực 1). Trạm số 2 được bố trí ở phía Tây thôn Tràng có công suất đến năm 2025 là 1000m³/ngđ và vào năm 2035 là 2000 m³/ngđ, trạm này xử lý nước thải cho lưu vực phía Nam QL5 (lưu vực 2). Đối với trạm xử lý nước thải của các dự án đã và đang thực hiện trong khu vực quy hoạch, tuân theo quy hoạch riêng đã được phê duyệt. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý xả ra nguồn đạt giá trị C cột A của QCVN 14:2008/BTNMT.

+ Xử lý nước thải công nghiệp: các khu, cụm công nghiệp mỗi khu, cụm một trạm xử lý nước thải. Nước thải sau khi xử lý xả ra nguồn đạt giá trị C cột A của QCVN 40:2011/BTNMT.

b) Quản lý chất thải rắn

- Rác thải sinh hoạt của khu vực được thu gom và chuyển về khu xử lý rác tập trung của tỉnh Hải Dương.

- Khối lượng và xử lý rác thải công nghiệp tuân theo các quy hoạch riêng đã được phê duyệt.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong đô thị phải được phân loại, thu gom, tập kết về các điểm trung chuyển trước khi vận chuyển đến các khu xử lý chung của đô thị.

- Chất thải y tế: Chất thải rắn y tế thông thường sẽ được thu gom, xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt của đô thị;

- Bố trí các thùng rác công cộng trên vỉa hè các trục đường, trong khuôn viên công trình với khoảng cách hợp lý; Các cơ quan và hộ gia đình phải tự giác tập hợp chất thải rắn của mình vào đúng các vị trí qui định.

- Chất thải rắn phải được thu gom định kỳ hàng ngày, đúng thời điểm theo quy định.

c) Nghĩa trang

- Định hướng đối với mạng lưới nghĩa trang trong khu vực: Mục tiêu cần chấm dứt việc chôn lấp theo hình thức hung táng tại đây, cải tạo xây dựng thành các khu nghĩa trang có cảnh quan, môi trường tốt, thân thiện với môi trường xã hội tuy nhiên việc này phải từng bước thực hiện từ nay đến năm 2035. Để phù hợp với điều kiện lâu dài, sau năm 2035 đề nghị cho đô thị Lai Cách được sử dụng nghĩa trang chung của tỉnh Hải Dương theo định hướng của quy hoạch vùng tỉnh Hải Dương

- Đối với các khu vực nghĩa trang hiện trạng nhỏ lẻ khoanh vùng và không cho chôn cất thêm nhằm đảm bảo môi trường cho khu vực; từng bước di dời các nghĩa trang, mồ mả ở các khu vực nói trên đến các nghĩa trang tập trung theo quy hoạch được duyệt.

2. Định hướng chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035

2.1. Quan điểm

- Việc xây dựng, triển khai thực hiện chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách huyện Cẩm Giàng phải bám sát chủ trương đường lối Đảng về phát triển đô thị trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; Cụ thể hóa được các yêu cầu nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội của đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng trên địa bàn huyện Cẩm Giàng.

- Khai thác triệt để lợi thế của địa kinh tế, địa chính trị, địa nhân văn, hệ thống hạ tầng sẵn có và các nhân tố tích cực có tính cơ hội do các xu thế kinh tế, chính trị, xã hội...vv mang lại nhằm tạo lập hệ thống hạ tầng dịch vụ (kinh tế - xã hội và kỹ thuật) tiện ích, hiện đại và bền vững cho khu vực;

- Đảm bảo tính đồng bộ thống nhất về xây dựng cơ chế, chính sách và triển khai thực hiện Chương trình từ Trung ương, phân cấp đến địa phương. Nâng cao nhận thức về quản lý xây dựng và phát triển đô thị đối với chính quyền đô thị, các cơ quan chuyên môn cũng như đối với cộng đồng dân cư, đẩy mạnh quản lý khai thác, sử dụng một cách hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất, nước... Và bảo vệ môi trường đô thị, phù hợp với các nội dung định hướng chiến lược phát triển đô thị bền vững của Tỉnh và huyện.

- Sắp xếp, hình thành sắp xếp các chương trình, dự án cùng kế hoạch phân bổ vốn trên địa bàn theo quy hoạch chung, quy hoạch hạ tầng, quy hoạch sử dụng đất... Đồng thời đảm bảo sự ổn định, tính trường tồn của đô thị đã được hình thành và phát triển theo các giai đoạn;

- Lồng ghép, phối hợp có hiệu quả với các chương trình, kế hoạch, dự án của vùng, của tỉnh đang thực hiện và đã được phê duyệt liên quan đến phát triển đô thị trên phạm vi thị trấn Lai Cách mở rộng, kết nối tốt phát triển đô thị với các khu vực lân cận. Các chương trình kế hoạch phát triển đô thị phải được tích hợp các yêu cầu về phát triển bền vững, phát triển đô thị xanh.

- Huy động nguồn lực và phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và cộng đồng xã hội tham gia vào công tác phát triển đô thị. Kết hợp hiệu quả nguồn lực của nhà nước với thu hút các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp hỗ trợ tài chính cho các hoạt động xây dựng, phát triển đô thị.

- Phát huy thế mạnh của khoa học công nghệ, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong nghiên cứu ứng dụng phục vụ quản lý và phát triển đô thị theo lộ trình nâng loại đô thị.

2.2. Định hướng các tiêu chuẩn phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng

Căn cứ quy hoạch xây dựng vùng huyện, Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hải Dương, quy hoạch chung thị trấn Lai Cách mở rộng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Cẩm Giàng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn thời kỳ 2021 - 2025... Đề xuất xây dựng kế hoạch hành động và các giải pháp thực hiện đối với từng nhóm tiêu chuẩn (được quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về phân loại đô thị).

2.2.1. Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế-xã hội

a) Vị trí, chức năng, vai trò

- Là đô thị loại IV, với vai trò là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hoá, xã hội của huyện Cẩm Giàng; Cơ cấu kinh tế là dịch vụ, công nghiệp, nông thủy sản;

- Là đầu mối giao thông quan trọng của huyện Cẩm Giàng;

Bảng 12: Dự kiến tiêu chuẩn vị trí chức năng vai trò đô thị thị trấn Lai Cách

TT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu của DT loại IV		Năm 2025	Điểm	Năm 2035	Điểm
		Cận dưới	Cận trên				

1.1	Vị trí, chức năng, vai trò	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm hành chính cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện hoặc vùng liên huyện. (1)	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng liên huyện. (2)	(1)-(2)	4,00	1)-(2)	5,00
-----	-----------------------------------	---	---	---------	------	--------	------

Định hướng giải pháp:

- Để đạt được điểm tối thiểu về tiêu chuẩn vị trí, chức năng vai trò của đô thị trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ cấp tỉnh, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Trong giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2035: Đẩy mạnh các tính chất của đô thị theo định hướng Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng;

- Tiếp tục phấn đấu đưa Lai Cách là trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội phía Tây của thành phố Hải Dương, tập trung thực hiện đưa Lai Cách trở thành một trong các trung tâm chuyên ngành như sau:

- + Trung tâm dịch vụ du lịch;
- + Trung tâm văn hóa: phát triển Lai Cách là trung tâm văn hóa của huyện Cẩm Giàng.

Nội dung thực hiện:

- Kêu gọi đầu tư các khu công nghiệp, đầu tư hạ tầng
- Đây là khu vực tập trung đa dạng các loại hình sinh hoạt công cộng có vai trò quan trọng trong hệ thống kinh tế - xã hội của đô thị. Theo đó, kiến trúc đô thị cần có các tiêu chí: phong phú, vừa tập trung, vừa phân tán, tạo nhiều diện tích công cộng và có nhiều điểm nhìn, tầm nhìn thoáng rộng. Về chiều cao tổng thể, khu vực trung tâm sẽ có chiều cao tương tự như các khu khác nhưng sẽ có những công trình điểm nhấn cao tầng hơn. Tại trung tâm hành chính, bố trí một tượng đài lớn, có giá trị về nghệ thuật biểu trưng cho tinh thần xây dựng phát triển của huyện.

b) Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

Định hướng giải pháp:

Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng tăng tỷ trọng thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, giảm tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp; Thu hút các nguồn vốn đầu tư, cải thiện cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị và các cơ sở kinh tế; Tạo sức hút gia tăng quy mô dân số, đặc biệt là dân số cơ học.

- Phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và kinh tế là nhiệm vụ then chốt: Tiếp tục kêu gọi đầu tư, xây dựng hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị. Rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển du lịch và các loại hình dịch vụ khác có liên quan. Hình thành các khu vui chơi giải trí ở khu đông dân cư.

Phát triển các sản phẩm nông nghiệp theo hướng đáp ứng yêu cầu của thị trường; Tạo mối liên kết hỗ trợ giữa doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ với nông dân, ngư dân để tiêu thụ sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp. Gắn phát triển sản phẩm nông nghiệp với du lịch; tăng cường các hoạt động marketing, quảng bá, giới thiệu các dịch vụ trên địa bàn thị trấn thông qua các hoạt động như hội chợ, triển lãm, hội nghị xúc tiến đầu tư,... Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ; hình thành chợ đầu mối. Phát huy lợi thế về vị trí địa lý, cảnh quan thiên nhiên và quần thể các di tích văn hóa, lịch sử, sinh thái để phát triển kinh tế du lịch, sớm đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn. Tập trung hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành các dự án đã được tỉnh cấp quyết định đầu tư.

- Phát triển công nghiệp, ưu tiên công nghệ cao, công nghệ hỗ trợ, công nghệ sạch thân thiện môi trường: Kêu gọi xã hội hóa để đầu tư, hoàn thiện hạ tầng các cụm công nghiệp; khu công nghiệp Đại An. Phối hợp với các sở, ngành của tỉnh sớm thực hiện đầu tư vào Khu Công nghiệp Đại An mở rộng, khu công nghiệp nghiệp Lai Cách.

Nội dung thực hiện:

- Mở rộng quan hệ hợp tác, xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường, huy động vốn có trọng tâm vào các ngành có lợi thế so sánh cao như xây dựng đô thị, thương mại dịch vụ du lịch, hậu cần nghề cá nhằm đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, hiệu quả, bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững và giải quyết tốt việc làm.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao kết hợp với việc tăng cường áp dụng công nghệ tiên tiến, giải quyết việc làm cho người lao động; Giảm nhanh số hộ nghèo, nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển đô thị tiếp tục là nhiệm vụ đột phá: Tập trung nguồn lực thực hiện Đề án số 01 về “Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị giai đoạn 2021-2025”; Phát triển hạ tầng giao thông theo hướng ưu tiên kết nối với mạng lưới giao thông tỉnh, vùng; Thúc đẩy xây dựng các khu đô thị mới, hình thành phát triển hệ thống hạ tầng xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển của thị trấn, đặc biệt là hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao,...

Tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, tỉnh và các nguồn vốn khác để thực hiện các dự án theo kế hoạch và lộ trình đầu tư phù hợp với quy hoạch của thị trấn. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng bằng các hình thức đa dạng. Đổi mới, đa dạng các hình thức xã hội hóa các công trình công cộng, dịch vụ, tiện ích xã hội, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, nhất là trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Phát triển hài hòa khu vực trung tâm thị trấn với vùng phụ cận. Tiếp tục mở rộng không gian và phát triển các khu đô thị mới theo mô hình đô thị thông minh, đô thị sinh thái. Thực hiện tốt công tác lập, thẩm định, phê duyệt và công khai các đồ án quy hoạch xây dựng; tổ chức quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, thiết chế đô thị theo quy định. Tổ chức rà soát tổng thể về sự phù hợp và tính khả thi của các quy hoạch đã được phê duyệt để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình phát triển thực tế. Thực hiện tốt công tác quy hoạch kế hoạch sử dụng đất đồng bộ với quy hoạch xây dựng phát triển đô thị.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nếp sống văn minh đô thị. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý trật tự đô thị; Tăng cường công tác kiểm tra và xử lý nghiêm vi phạm về trật tự xây dựng.

Thực hiện đạt các tiêu chuẩn về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 5 năm đạt từ 10-12%; Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 5 năm đạt 30.000 tỷ đồng. Hằng năm, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn cao hơn từ 5% - 7% so với chỉ tiêu được giao.

- Phân đấu đến năm 2025: Cơ cấu kinh tế (%): Thương mại - dịch vụ 20%; công nghiệp - xây dựng 60%; Nông - lâm - ngư nghiệp 20%. Giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt 100 triệu đồng. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 60%. 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới; Trong đó, số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao từ 02- 04 xã. 100% hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh; 96,5% chất thải rắn thông thường, 93% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Thực hiện tốt các về văn hóa - xã hội:

- Phân đấu đến năm 2025: Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 1%. Tỷ lệ tăng dân số giai đoạn 2021-2025 là 1,5%. Giai đoạn 2026 - 2035 tốc độ tăng dân số trung bình, dân số tăng tự nhiên tăng lên 2%/năm. Tỷ lệ bảo hiểm y tế toàn dân đạt trên 90% so với dân số. Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 70%; 100% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; trong đó có từ 03 đến 05 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa: Hộ gia đình: 95-100%; Thôn, tổ dân phố: 85-90%; cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp: 90-95%.

Bảng 13: Dự kiến tiêu chuẩn cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2025 và 2035

TT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu của DT loại IV		Năm 2025	Điểm	Năm 2035	Điểm
		Cận dưới	Cận trên				
1.2.1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ (1)	Dư (2)	dư	2,00	dư	2,00
1.2.2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	0,7	1,05	1,15	2,00	1,25	2,00
1.2.3	Tăng tỷ trọng xây dựng công nghiệp và dịch vụ	Tăng theo mục tiêu đề ra	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	2,00	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	2,00
1.2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	7	8	8,5	2,00	9,5	2,00
1.2.5	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước	1,15	1,5	1,65	2,00	2,15	2,00
1.2.6	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	4,0	5,0	1,0	2,00	0,8	2,00

1.2.7	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm	1,0	1,40	1,5	1,00	1,7	1,00
-------	----------------------------	-----	------	-----	------	-----	------

2.2.2. Quy mô dân số, mật độ dân số và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

a) Định hướng giải pháp

Năm 2025: Quy mô dân số thị trấn mở rộng khoảng 38.000 người; Năm 2035 là 52.000 người. Hướng tới tập trung tăng mật độ dân số tại một số trung tâm đô thị nhằm tiết kiệm vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị; Tăng chất lượng lao động.

Bảng 14: Dự kiến tiêu chí quy mô dân số, mật độ dân số và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đến năm 2025 và năm 2035

TT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu của DT loại IV		Năm 2025	Điểm	Năm 2035	Điểm
		Cận dưới	Cận trên				
II	Quy mô dân số				7,33		8,0
2.1	Dân số toàn đô thị	20	50	40,0	7,33	52,0	8,00
III	Mật độ dân số				7,87		8,0
3.1	Mật độ dân số toàn đô thị	1.200	1.400	2.709	2,00	3.519	2,00
3.2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn	4.000	6.000	5.832	5,87	7.971	6,00
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp				6,0		6,0
4.1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	55	65	78	1,50	85	1,50
4.2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	70	80	78	4,50	85	4,50

b) Nội dung thực hiện

- Kiểm soát tốc độ tăng dân số tự nhiên từ 0,9-1,4% trong giai đoạn 2021-2035.
- Kiểm soát tốc độ tăng dân số cơ học theo từng giai đoạn đến năm 2035.
- Đầu tư xây dựng khu ở công nhân gần các KCN; đồng thời thu hút một số lượng lao động có trí thức vào đô thị.
- Lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết kết nối các dự án xây dựng nhà ở với các trung tâm của đô thị.
- Trong quá trình phát triển đô thị, đất nông nghiệp ngày càng thu hẹp cần có kế hoạch chuyển đổi một phần lao động nông nghiệp sang lao động phi nông nghiệp. Mở rộng các trường đào tạo nghề; Thu hút lao động giỏi từ bên ngoài.

2.2.3. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị

2.2.3.1. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực nội thị

1. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội

a) Nhà ở

Định hướng giải pháp:

Đến năm 2025 phấn đấu diện tích nhà ở bình quân 29,5 m²/người; 90% nhà ở kiên cố, bán kiên cố. Đến năm 2035 đạt 31,5 m² sàn/người; 95% nhà ở kiên cố, bán kiên cố

Nội dung thực hiện:

- Cải tạo nâng cấp quỹ nhà ở cũ; XD nhà ở tại các KĐTMT với nhiều loại hình.
- Tập trung ưu tiên phát triển nhà ở xã hội trong các khu, cụm công nghiệp đáp ứng nhu cầu về nhà ở của người dân trên địa bàn thị trấn (nhà ở công nhân, người có thu nhập thấp, học sinh, sinh viên..)

- Khu vực dân cư cũ (thuộc các thôn, khu dân cư thị trấn): Giữ lại không gian kiến trúc văn hoá truyền thống các khu dân cư đô thị hiện hữu, thôn, xóm cũ. Hạn chế không di dời dân cư và xây dựng nhà cao tầng, khuyến khích giữ nguyên mật độ xây dựng và tầng cao như hiện nay, từng bước cải tạo xây dựng chỉnh trang. Bổ xung và hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

Triển khai kêu gọi thu hút đầu tư các khu đô thị mới, khu dân cư mới. Phát triển các khu nhà ở mới theo hướng hiện đại, tầng cao phù hợp với tổ chức không gian đô thị trong từng khu vực.

Quỹ đất xây dựng cho thị trấn không nhiều do bị khống chế bởi nhiều yếu tố địa hình, môi trường, bảo vệ quỹ đất nông nghiệp..., do đó tại các khu đô thị mới cần có các mật độ xây dựng phù hợp, khuyến khích phát triển nhà ở gắn kết với địa hình tự nhiên, gắn kết với các hoạt động công cộng đô thị, tạo dựng không gian mở, không gian Quảng trường đô thị.

Bảng 16: Dự kiến tiêu chuẩn về nhà ở đến năm 2025 và năm 2035

TT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu của DT loại IV		Năm 2025	Điểm	Năm 2035	Điểm
		Cận dưới	Cận trên				
	<i>Các tiêu chuẩn về nhà ở</i>				1,79		2,00
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người	28	32	28,7	0,79	32,5	1,00
2	Tỷ lệ nhà kiên cố	85	90	90	1,00	95	1,00

b) Công trình công cộng

Định hướng giải pháp:

- Sử dụng tiết kiệm quỹ đất trong đô thị.
- Nâng cao chất lượng sống của dân cư đô thị trong việc sử dụng các công trình công cộng trong đô thị. Khuyến khích và tạo điều kiện cho nhiều thành phần kinh tế tham gia.

Nội dung thực hiện:

- Hướng phát triển chính: Phát triển mở rộng đô thị về phía Nam và phía Tây, kết nối chặt chẽ giữa khu vực đô thị hiện hữu với các đơn vị hành chính mới thành lập, đảm bảo theo tiêu chí quy định.

- Rà soát, bổ sung kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất đối với các công trình công cộng cấp đô thị theo quy hoạch chung đô thị.

- Đầu tư xây dựng khu trung tâm thương mại dịch vụ của thị trấn.

- Đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa thể thao huyện; Cải tạo nâng cấp các công trình văn hóa thể dục thể thao trên địa bàn thị trấn.

- Nâng cấp các cơ sở hạ tầng xã hội hiện có như trường học, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, đề xuất xây dựng bổ sung các cơ sở giáo dục đảm bảo nhu cầu của dân số đô thị.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng, phát triển và đổi mới để các trường, các trung tâm, cơ sở dạy nghề có chất lượng ở 3 cấp trình độ (cao đẳng nghề, trung cấp nghề, sơ cấp nghề và dạy nghề thường xuyên) vừa đảm bảo đáp ứng khả năng đào tạo đội ngũ lao động kỹ thuật cao hướng tới đạt chỉ tiêu đô thị loại IV.

- Mở rộng và đầu tư phát triển các cơ sở dạy nghề và các mô hình liên kết đào tạo nghề với các doanh nghiệp, các cơ sở dạy nghề, đẩy mạnh xã hội hóa công tác đào tạo nghề. Gắn đào tạo nghề với sử dụng lao động theo yêu cầu thực tiễn sản xuất - kinh doanh, đẩy mạnh đào tạo theo địa chỉ, theo đơn đặt hàng, khuyến khích các doanh nghiệp dạy nghề tại cơ sở sản xuất một cách hiệu quả.

- Thu hút đầu tư xây dựng một số trường chất lượng cao trên địa bàn; thu hút xã hội hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, các nhân tham gia đầu tư xây dựng trường mầm non, nhà trẻ, nhóm trẻ trên địa bàn; phấn đấu đến năm 2025, đảm bảo đáp ứng đủ số lượng phòng học kiên cố.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thành các hạng mục thuộc dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử trên địa bàn; Lên kế hoạch tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử kịp thời trên địa bàn.

- Các khu an ninh quốc phòng: giữ nguyên khu hiện có, tiếp tục xây dựng hệ thống công trình an ninh quốc phòng ổn định, kiên cố nhằm tăng cường giữ vững trật tự an ninh trên địa bàn, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện.

- Các khu điểm tín ngưỡng, di tích được định hướng trùng tu nhằm tiếp tục làm rõ thêm giá trị của di tích, phục vụ đời sống tinh thần của cộng đồng dân cư.

- Các điểm cây xanh công viên khác được bố trí theo các hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, giao thông, đường ống ngầm...vv. Đây là quỹ đất cây xanh được sử dụng hạn chế theo thỏa thuận của cơ quan chức năng về quản lý đô thị.

- Hệ thống cây xanh đô thị gồm hệ thống cây xanh đường phố, cây xanh tập trung của đô thị và cây xanh do các kênh, dòng chảy... Trong đó hệ thống cây xanh đường phố được trồng theo các tuyến giao thông đô thị tạo các tuyến cây xanh tăng mỹ quan, cải tạo môi trường giao thông đô thị. Các tuyến cây xanh dọc theo hệ thống sông kênh, mặt nước cây xanh liên hoàn tạo cảnh quan đẹp và điều hòa môi trường. Kích

thước cây xanh có đường kính tán rộng <6m, khoảng cách cây từ 6-8m/cây. Các loại cây xanh đảm bảo không có hoa quả, lá có hại cho môi trường.

Bảng 17: Dự kiến tiêu chuẩn về công trình công cộng đến năm 2025 và năm 2035

TT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu của DT loại IV		Năm 2025	Điểm	Năm 2035	Điểm
		Cận dưới	Cận trên				
	<i>Các tiêu chuẩn về công trình công cộng</i>				6,25		7,75
1	Đất dân dụng bình quân đầu người	50	80	80	1,00	92	1,00
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị bình quân đầu người	3	4	7,5	1,00	9,5	1,00
3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	1	1,5	5,4	1,00	6,5	1,00
4	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10000 dân	25	30	12	0,00	25	0,75
5	Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị	2	5	2	0,75	4	1,00
6	Công trình văn hóa cấp đô thị	2	4	4	1,00	6	1,00
7	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị	2	3	2	0,75	5	1,00
8	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	2	4	3	0,75	6	1,00

2. Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

Định hướng giải pháp:

a. Hoàn chỉnh đồng bộ, hiện đại hệ thống giao thông đô thị, trong đó bao gồm:

- Hệ thống đường bộ: Đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường đô thị và ngoại thị, đảm bảo kết nối liên thông và được phân cấp rõ ràng. Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, sở ngành của tỉnh hoàn chỉnh các trục giao thông đối ngoại đoạn qua đô thị thị trấn Lai Cách.

- Xây dựng hoàn thiện, hiện đại các công trình phục vụ giao thông, tạo thành các đầu mối kết nối liên thông giữa các loại hình vận tải: Đường bộ, đường sắt.

- Giải quyết các vấn đề giao thông đô thị thị trấn Lai Cách đảm bảo sự kết hợp hài hoà hợp lý giữa hệ thống đường bộ quốc gia, hệ thống đường nội thị tạo thành mạng lưới đường thống nhất, liên hoàn nhằm giải quyết lưu lượng vận tải quá cảnh qua đô thị thị trấn Lai Cách, đáp ứng nhu cầu giao thông nội vùng, quốc gia cũng như giao thông của đô thị hiện hữu.

- Đối với các tuyến đô thị: Chinh trang, cải tạo và nâng cấp các tuyến giao thông đô thị hiện hữu; Triển khai xây mới một số tuyến đường trong các khu đô thị mới theo quy hoạch, bảo đảm kết nối thuận tiện với hệ thống đường đối ngoại và đường trục chính đô thị.

- Đường nội bộ trong đô thị và trong khu dân cư: Đầu tư các hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu đô thị mới trên địa bàn đảm bảo đủ tiêu chuẩn về đất giao thông theo tiêu chuẩn của đô thị loại IV ; Xây dựng, cải tạo một số tuyến đường đô thị hiện hữu nhằm chỉnh trang và mở rộng lòng đường theo quy hoạch.

- Xây dựng hệ thống đường gom dân sinh, hạ tầng giao cắt tại các vị trí đường ngang, lối đi dân sinh,... Đẩy nhanh tiến độ giải tỏa hành lang an toàn đường sắt bảo đảm nâng cao năng lực vận tải hàng hóa, hành khách và an toàn giao thông.

- Rà soát các điểm giao cắt giữa đường bộ với đường sắt để bố trí các biển báo, biển cảnh báo và tín hiệu nhằm đảm bảo an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông.

- Đối với đường giao thông nông thôn: Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư, cải tạo, nâng cấp và sửa chữa bảo đảm đến năm 2025 cứng hóa 100% đường xã, tối thiểu đạt cấp V, cứng hóa 100% đường ngõ, xóm.

- Do Cẩm Giàng nằm ở vị trí có thể kết nối với các bến xe khách của thành phố Hải Dương bằng xe buýt, hoặc phương tiện cá nhân một cách thuận lợi với thời gian ngắn. Hơn nữa, từ Cẩm Giàng có thể đi Hà Nội, hoặc Hải Phòng bằng xe buýt nên giai đoạn từ nay đến 2025 chưa cần tiến hành xây dựng bến xe khách liên tỉnh tại Cẩm Giàng.

- Giai đoạn trước mắt tập trung xây dựng một số bến xe tải, bãi đỗ xe gắn với quy hoạch mạng lưới bán buôn bán lẻ đã được phê duyệt, chú ý tới các chợ đầu mối nông sản, thực phẩm (chợ đầu mối nông sản xã Cẩm Văn).

b. Đường sắt: Nâng cấp nhà ga hành khách tại xã Cao An đảm bảo tiêu chuẩn đón, tiễn khách thuận lợi.

Nội dung thực hiện

a. Đường bộ:

- Nâng cấp quy mô tuyến đường huyện 194B lên đường cấp II đồng bằng với lộ giới quy hoạch 34m, nền đường 24m (tuyến đường vành đai I thành phố Hải Dương).

Điều chỉnh hướng tuyến đường VĐ I - thành phố Hải Dương: Đoạn thuộc địa phận huyện Cẩm Giàng tuyến bắt đầu từ phía Nam xã Cẩm Đoài đi lên hướng Bắc tới điểm giao với QL5 (đoạn 1), sau đó tuyến đi theo hướng Tây sang Đông tới điểm đầu ĐH194B (đoạn 2), tuyến tiếp tục đi theo hướng Bắc tới xã Đức Chính và vượt sông Thái Bình qua địa phận huyện Nam Sách (đoạn 3):

Đoạn 1 đi trùng với trục đường khu công nghiệp Đại An với lộ giới 37m, nền đường 27m.

Đoạn 2 đi trùng tuyến với QL5 với lộ giới quy hoạch 82m, nền đường 72m.

Đoạn 3 đi trùng với tuyến ĐH194B với quy mô đường cấp II, lộ giới 34m, nền đường 24m.

- Quy hoạch tuyến đường kết nối Khu công nghiệp Lai Cách với Cụm Công nghiệp Cao An qua đường tỉnh 394 và đường huyện 194B sang Khu công nghiệp Tân Trường mở rộng (tuyến số 9) với lộ giới 25m, nền đường 15m.

- Quy hoạch tuyến đường kết nối tuyến đường VDII tại cầu Mỏ đến Cầu Cây mới với lộ giới 25m, nền đường 15m.

- Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Khu Công nghiệp Đại An kết nối đường Vũ Công Đán (tp Hải Dương) với tuyến đường trục Khu đô thị mới Lai Cách tại nút giao đường tỉnh 394 đảm bảo tuân thủ quy hoạch lộ giới 33m, nền đường 23m.

Điều chỉnh một số tuyến giao thông khu vực khác cho phù hợp với quy hoạch sử dụng đất điều chỉnh.

b. Đường sắt:

- Mở rộng ga Cao An ;

- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng hiện có thành tuyến đường sắt 1435mm quốc gia, điện khí hoá, đường đôi. Đây là tuyến đường sắt quốc gia nhưng đoạn Hà Nội - Hải Dương kết hợp là tuyến đường sắt nội vùng Thủ đô Hà Nội.

Bảng 18: Dự kiến tiêu chuẩn về công trình giao thông đến năm 2025 và năm 2035

TT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu của DT loại IV			Năm 2025	Điểm	Năm 2035	Điểm
		Cận dưới	Cận trên					
	<i>Các tiêu chuẩn về giao thông</i>					5,35		6,00
1	Công trình đầu mối giao thông	Vùng liên huyện (1)	Vùng tỉnh (2)	Vùng liên huyện		0,75	Vùng tỉnh	1,00
2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	12	17	18,5	1,00		19,75	1,00
3	Mật độ đường giao thông đô thị	5	6	5,2	1,60		8,4	2,00
4	Diện tích đất giao thông bình quân đầu người	7	9	12,2	1,00		15,5	1,00
5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	3	5	15	1,00		35	1,00

b) Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng, cấp nước và viễn thông

Định hướng giải pháp:

- Hệ thống các trạm biến áp, phân phối điện hạ áp sẽ được tính toán phù hợp với nhu cầu sử dụng của từng khu vực, từng dự án thành phần. Vị trí chọn đặt các trạm biến áp phải được cân nhắc sao cho đáp ứng được các yêu cầu cơ bản: Gần trung tâm phụ tải nhất, không ảnh hưởng bất lợi đến cảnh quan, bán kính phục vụ nhỏ hơn 1km. Trong một trạm có thể có nhiều máy biến áp, công suất mỗi máy không quá 1.000kVA.

- Lưới trung áp 35/22kV, đoạn qua ranh giới đô thị thị trấn Lai Cách được bọc cách điện bằng PVC đảm bảo hành lang an toàn điện Từng bước, ngầm hóa các đường

dây 22 kV, 10 kV hiện có trong phạm vi các đô thị. Trên cơ sở nhu cầu dùng điện của từng khu vực bố trí các trạm lưới 22/0,4kV cho phù hợp với công suất yêu cầu. Bán kính phục vụ các trạm hạ áp không quá 400m. Lưới điện xây dựng mới và cải tạo lại trong phạm vi đô thị phải đi ngầm. Trạm điện trong khu vực đô thị sử dụng trạm kín, đồng bộ để tiết kiệm quỹ đất và đảm bảo cảnh quan.

- Các đường dây trục chính, các đường dây liên kết lõi mạch vòng sử dụng dây dẫn trần AC, ACK có tiết diện $\geq 240 \text{ mm}^2$.

- Lưới hạ áp 0,4kV:

- + Mạng lưới 0,4kV hiện có tại các tuyến liên khối phố, liên thôn vẫn giữ nguyên, sẽ cải tạo các tuyến điện sinh hoạt đến từng hộ tiêu thụ;

- + Các tuyến 0,4kV có tiết diện nhỏ sẽ cải tạo nâng cấp tiết diện đảm bảo cung cấp điện.

- Hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng. Tất cả các trục đường có mặt cắt lớn hơn 4m đều được chiếu sáng (chiếu sáng ngõ hẻm);

- Các trục đường trung tâm, xây dựng mới tuyến chiếu sáng bố trí đi ngầm dùng cáp XLPE;

- Tuyến chiếu sáng trong khu dân cư bố trí đi ngầm từng bước, kết hợp với tuyến điện 0,4kV cấp điện cho sinh hoạt.

- Cải tạo, hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng đô thị phù hợp với tính chất chức năng của công trình và tiêu chuẩn quy định. Tỷ lệ 95% đường đô thị và trên 80% đường ngõ hẻm được chiếu sáng hiệu suất cao. Hình thành nên trung tâm điều khiển chiếu sáng tập trung cho toàn bộ các khu vực đô thị.

- Đèn đường trong thị trấn được lấy điện từ các tủ điều khiển chiếu sáng đèn đường tự động. Mỗi tủ điện chiếu sáng lấy điện 0,4KV từ một trạm biến áp gần nhất được lựa chọn.

- Các tuyến đèn chiếu sáng sẽ được khống chế bằng các tủ điều khiển tự động theo thời gian định sẵn. Không hạn chế các thủ pháp chiếu sáng làm tăng hiệu quả thẩm mỹ. Kiểu dáng cần được thiết kế riêng, mang nét đặc trưng của đô thị Lai Cách.

Nội dung thực hiện:

- + Đối với các khu dân cư hiện trạng tiếp tục sử dụng nguồn điện hiện nay, đồng thời được bổ sung nguồn điện quy hoạch mới để phát triển mở rộng

- + Đối với các dự án đã và đang thực hiện trong khu vực quy hoạch, hệ thống cấp điện của các khu này tuân theo quy hoạch riêng đã được phê duyệt.

- Lưới chiếu sáng đường: Các tuyến đường có mặt cắt ngang $< 10,5\text{m}$ được bố trí chiếu sáng một bên, các tuyến có mặt cắt ngang $> 10,5\text{m}$ được bố trí chiếu sáng hai bên. Huy động nguồn lực dân cư và một số nguồn khác để đầu tư mạng lưới chiếu sáng ngõ hẻm.

- Lưới 110KV qua khu quy hoạch: Được giữ nguyên, yêu cầu dành quỹ đất cho hành lang an toàn lưới điện theo đúng quy định của Chính Phủ.

- Lưới 35KV hiện trạng: Có định hướng chuyển đổi vận hành ở điện áp 22KV theo định hướng chung của ngành điện và từng bước hạ ngầm tại các đô thị để đảm bảo an toàn và cảnh quan trong khu vực.

- Xây dựng mở rộng hệ thống truyền dẫn trực chính, mạng lưới phân phối đường ống cấp nước sạch đến các dự kiến mở rộng; đầu nối vào các tuyến nhánh đảm bảo cấp nước tới mọi khu vực của thành phố, đạt tỷ lệ cấp nước máy 100% trên địa bàn thành phố mở rộng.

- Đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng phục vụ thông tin, viễn thông; xây dựng trạm vệ sinh, các trạm BTS thân thiện môi trường và mạng cáp ngầm đến các khu vực phát triển đô thị. Từng bước ngầm hóa hệ thống dây viễn thông, truyền hình đi nổi tại khu đô thị hiện hữu, khu dân cư cũ đảm bảo mỹ quan đô thị và chất lượng đường truyền thông tin.

Bảng 19: Dự kiến tiêu chuẩn về Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng, cấp nước và viễn thông

TT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu của DT loại IV		Năm 2025	Điểm	Năm 2035	Điểm
		Cận dưới	Cận trên				
	<i>Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng</i>				2,94		3,00
1	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	400	1000	850	0,94	1200	1,00
2	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng	90	95	95	1,00	98	1,00
3	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng	50	70	98	1,00	100	1,00
	<i>Các tiêu chuẩn về cấp nước</i>				2,00		2,00
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	100	120	125	1,00	127	1,00
2	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	90	95	100	1,00	100	1,00
	<i>Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông</i>						
1	Số thuê bao băng rộng di động /100 dân	75	100	85	0,85	95	0,95
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang	65	100	90	0,93	95	0,96

3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	25	60	50	0,93	65	1,00
---	--	----	----	----	------	----	------

c) Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường

Định hướng giải pháp:

- Đảm bảo môi trường đô thị xanh - sạch - đẹp, một môi trường có hệ thống cây xanh góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, bảo đảm cân bằng hệ sinh thái và hướng tới sự phát triển bền vững đô thị.

- Đầu tư nâng cấp cải tạo kết hợp với xây dựng hệ thống công viên cây xanh, cây xanh đường phố; Xây dựng mới, mở rộng các công viên cây xanh công cộng; Quản lý các nhà đầu tư thực hiện đầu tư theo quy hoạch về diện tích cây xanh. Tăng diện tích các không gian xanh tại các khu dân cư, khu đô thị;

Nội dung thực hiện:

- Duy trì và thường xuyên nạo vét công thoát nước trên địa bàn để đảm bảo không ngập úng vào mùa mưa. Cải tạo, nâng cao năng lực hệ thống thoát nước đô thị; Duy trì nạo vét, cải tạo hệ thống cống và các hồ. Cải tạo các hồ tự nhiên thành hồ điều hòa; Nạo vét, kè các tuyến kênh thoát trong địa bàn phường.

- Xây dựng trạm xử lý nước thải.

Đặc biệt chú ý bảo vệ môi trường nước các sông trên địa bàn đô thị. Nghiêm cấm mọi hành động xả nước bẩn ra sông hồ.

- Nước bẩn sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại trước khi xả vào hệ thống thoát nước bẩn chung. Công nghệ xử lý nước bẩn dự kiến bố trí như sau: trạm bơm nước bẩn - bể lắng 1 - bể Aerotel - bể lắng 2 - khử trùng - nguồn tiếp nhận.

- Xây dựng hệ thống quan trắc môi trường trên lưu vực sông, đặc biệt là tại các khu vực nhạy cảm như: sau các điểm nhập lưu, tại thượng lưu và hạ lưu, tại các điểm lấy nước...vv, để giám sát tình hình ô nhiễm môi trường trên lưu vực sông từ đó có biện pháp khắc phục kịp thời.

Bảng 20: Dự kiến về các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường năm 2025 và năm 2035

TT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu của DT loại IV		Năm 2025	Điểm	Năm 2035	Điểm
		Cận dưới	Cận trên				
5.3	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường				12,28		13,75
5.3.1	Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng				3,00		3,00
1	Mật độ đường cống thoát nước chính	3	3,5	4,7	2,00	5,5	2,00
2	Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng chống, khắc	10	20	50	1,00	100	1,00

	phục						
5.3.2	<i>Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải</i>				4,38		5,00
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	70	85	95	1,00	100	1,00
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật	15	30	15	1,50	45	2,00
3	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được thu gom	80	90	85	0,88	92	1,00
4	Tỷ lệ CTR được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	65	70	90	1,00	100	1,00
5.3.3	<i>Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ</i>				1,00		1,75
1	Nhà tang lễ	1	2	0	0,00	1	0,75
2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	5	10	57	1,00	70	1
5.3.4	<i>Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị</i>				3,90		4,00
1	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	6	8	9,5	2,00	12,7	2,00
2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị bình quân đầu người	4	5	4,8	1,90	7,7	2,00

d) Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị

Định hướng giải pháp:

- Quản lý đầu tư xây dựng đô thị thị trấn Lai Cách theo quy hoạch chung và định hướng chương trình phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương đã được duyệt; Nâng cao vị thế vai trò của đô thị. Xây dựng đô thị thị trấn Lai Cách trở thành đô thị văn hóa, đô thị xanh.

Nội dung thực hiện:

- Lập phê duyệt quy hoạch phân khu các khu đô thị trên địa bàn thị trấn Lai Cách trong năm 2021 -2022.

- Lập bổ sung quy định công nhận tuyến phố văn minh đô thị và tổ chức công nhận tuyến phố VMĐT.

- Đầu tư, tu sửa, tôn tạo các công trình kiến trúc tiêu biểu.

- Đầu tư, nâng cấp và quản lý tốt không gian công cộng, công viên cây xanh, khu hội chợ triển lãm cho đô thị.

- Nâng cấp, cải tạo và chỉnh trang đối với các khu dân cư cũ.

Bảng 21: Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng

TT	Các yếu tố đánh giá	Chỉ tiêu của DT loại IV		Năm 2025	Điểm	Năm 2035	Điểm
		Cận dưới	Cận trên				
	Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị				9,25		11,25
1	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế	100% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế	75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế	1,50	100% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế	2,00
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh/tổng số đường chính	30	40	45	2,00	70	2,00
3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	1	2	4	2,00	5	2,00
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	2	4	2	1,50	6	2,00
5	Công trình kiến trúc tiêu biểu	Cấp tỉnh, quốc gia (1)	quốc gia đặc biệt(2)	Cấp tỉnh, quốc gia (1)	1,50	Cấp tỉnh, quốc gia (1)	1,50
6	Công trình xanh	Có 01 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	Có 02 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	0	0,00	1	0,75
7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	1	2	0	0,75	2	1,00

2.2.3.2.Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực ngoại thị đạt 10 điểm (do không có khu vực ngoại thị)

2.2.4. Nhóm chỉ tiêu chịu tác động của yếu tố phát triển kinh tế - xã hội

Để đạt được các tiêu chuẩn này cần tập trung tạo bước phát triển đột phá và bền vững về kinh tế:

1. Triển khai, thực hiện hiệu quả kế hoạch, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và các kế hoạch phát triển ngành, đề án cho lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình quan trọng, thiết yếu, nhất là các dự án phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, nông thôn và hệ thống giao thông...

2. Tập trung cao độ cho phát triển công nghiệp - dịch vụ, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế:

- Ưu tiên phát triển nông nghiệp công nghệ cao, chú trọng thu hút các ngành công nghiệp phụ trợ, duy trì phát triển các ngành thế mạnh của đô thị thị trấn Lai Cách.

+ Tập trung cải thiện môi trường đầu tư. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp, sạch, công nghiệp công nghệ cao, sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Ưu tiên phát triển các sản phẩm công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ, sản phẩm công nghiệp mới tại các cụm công nghiệp đã hình thành. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư để thu hút các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư vào các CCN.

+ Đẩy mạnh phát triển các ngành nghề trên cơ sở phát triển các lĩnh vực có lợi thế, các dịch vụ thương mại và kho vận. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đổi mới công nghệ, tăng giá trị và khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Bố trí, sắp xếp lại một số cơ sở sản xuất công nghiệp và dịch vụ để phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế và phát triển đô thị. Hỗ trợ phát triển các hộ kinh doanh tiểu thủ công nghiệp, các doanh nghiệp vừa và nhỏ; mở rộng liên kết các doanh nghiệp vừa và nhỏ; hỗ trợ đào tạo để phát triển nguồn nhân lực, phát triển ngành nghề truyền thống và du nhập nghề mới. Tiếp tục phát triển tiểu thủ công nghiệp ở các xã phường.

- Thúc đẩy liên kết phát triển các ngành dịch vụ - thương mại - du lịch theo hướng đa dạng hóa sản phẩm.

+ Chú trọng khai thác lợi thế trên địa bàn, nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ. Tập trung thu hút đầu tư phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng và giá trị gia tăng cao như: Dịch vụ du lịch, vận tải, kho bãi, thương mại dọc tuyến quốc lộ 5,... Tiếp tục tạo điều kiện, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh và mở rộng mạng lưới phân phối tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, phát triển nhanh các loại hình dịch vụ vận tải, ngân hàng - tín dụng... Tiếp tục xây dựng thương hiệu sản phẩm hàng hóa ở một số lĩnh vực có lợi thế.

+ Phát triển du lịch theo hướng đa dạng hóa các sản phẩm phục vụ du khách. Coi khai thác tiềm năng du lịch trên cơ sở đầu tư trùng tu, nâng cấp, cải tạo các di tích lịch sử, di tích văn hóa, các khu vực cảnh quan... Là yếu tố quan trọng để phát triển bền vững. Kết hợp du lịch văn hóa với du lịch sinh thái. Hình thành và kết nối các tour du lịch trong và ngoài đô thị.

3. Phát triển nguồn nhân lực

- Tập trung vào việc hoàn thiện bộ máy quản lý phát triển nhân lực, đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý về phát triển nhân lực. Thực hiện các chính sách, cơ chế, công cụ phát triển nhân lực (bao gồm các nội dung về môi trường làm việc, chính sách việc làm, thu nhập, bảo hiểm, bảo trợ xã hội, điều kiện nhà ở và các điều kiện sinh sống, chú ý các chính sách đối với bộ phận nhân lực chất lượng cao, nhân tài). Cải tiến và tăng cường sự phối hợp giữa các cấp các ngành, các chủ thể tham gia phát triển nhân lực.

- Tăng cường đầu tư phát triển nhân lực cả về giá trị tuyệt đối và tỷ trọng trong tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội. Tăng cường huy động các nguồn vốn của doanh nghiệp và các tổ chức cho phát triển nguồn nhân lực, đầu tư cơ sở đào tạo. Thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, tín dụng, hỗ trợ việc đào tạo nhân lực chất lượng cao thuộc ngành mũi nhọn để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cho đào tạo nguồn nhân lực với các hình thức khác nhau.

- Đẩy mạnh xã hội hoá để tăng cường huy động các nguồn vốn cho phát triển nhân lực. Nhà nước có cơ chế, chính sách để huy động các nguồn vốn của người dân đầu tư và đóng góp cho phát triển nhân lực bằng các hình thức: Trực tiếp đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo, cơ sở y tế, văn hoá, thể dục thể thao;

- Quy định trách nhiệm của doanh nghiệp đối với sự phát triển nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi và có cơ chế, chính sách mạnh để doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tăng đầu tư phát triển nhân lực nói chung và đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề nói riêng. Mở rộng các hình thức tín dụng ưu đãi cho các cơ sở giáo dục, đào tạo và cho học sinh, sinh viên để học nghề, học đại học, cao đẳng, hỗ trợ người lao động học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ.

a) Nhóm chỉ tiêu chịu tác động của yếu tố vốn đầu tư phát triển đô thị.

- Tiếp tục tăng cường quản lý đầu tư công, trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước.

- Huy động nguồn vốn từ các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để bổ sung nguồn vốn của Nhà nước đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, bằng các hình thức đầu tư hợp tác công tư (PPP), đầu tư trực tiếp nước ngoài, liên danh, liên kết...

+ Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài. Xây dựng chính sách ưu tiên thu hút các dự án có công nghệ cao, thân thiện với môi trường, sản phẩm có sức cạnh tranh cao. Không cấp phép đối với các dự án tiêu tốn năng lượng, khai thác tài nguyên không gắn với chế biến, sử dụng công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

+ Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng công tác quy hoạch vùng, lãnh thổ; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; quy hoạch đô thị làm căn cứ để xây dựng các chương trình và kế hoạch đầu tư công trung hạn.

+ Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, đảm bảo lựa chọn được nhà thầu có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dự án, gói thầu theo đúng yêu cầu chất lượng, tiến độ và hiệu quả kinh tế.

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật về kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công, nhất là các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn ODA, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn vốn từ ngân sách ngoài các nguồn vốn đầu tư cho các dự án của Trung ương, của tỉnh trên địa bàn, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ để tập trung xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng đô thị còn thiếu và yếu, trong đó có cải tạo và mở rộng mạng lưới giao thông, triển khai xây dựng và hoàn thiện công viên, cây xanh. Lưu ý tập trung ưu tiên cho những dự án đầu tư để giải quyết những tiêu chuẩn cấp bách nhất, những tiêu chuẩn gần đạt được điểm tối thiểu (trong khung điểm quy định).

- Rà soát cơ chế chính sách, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển. Tham mưu và đề nghị tỉnh có cơ chế đặc thù cho thị trấn để thu hút các nguồn lực đầu tư thực hiện Quy hoạch.

- Khuyến khích đầu tư vốn ngoài ngân sách theo phương thức hợp tác công - tư (PPP) trong lĩnh vực phát triển hạ tầng đô thị trong các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, văn hóa - TDTT, thương mại, dịch vụ, công viên, cây xanh, giao thông vận tải...

- Phát huy hiệu quả từ quỹ đất đô thị, đẩy mạnh đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu các dự án có sử dụng đất tạo nguồn vốn phát triển đô thị.

- Huy động tối đa mọi nguồn lực tham gia phát triển đô thị:

+ Áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn để thu hút mạnh và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư để phát triển hạ tầng đô thị, chú trọng công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị.

+ Huy động kịp thời các nguồn thu theo quy định pháp luật (thuế nhà đất, đấu giá quỹ đất, tỷ lệ % phân cấp từ các khoản thu của Tỉnh, ODA, FDI...)

+ Tham gia chương trình nâng cấp đô thị Quốc gia giai đoạn 2020 -2030.

b) Nhóm chỉ tiêu chịu tác động của yếu tố quy hoạch và quản lý đô thị

Để đạt được các tiêu chuẩn này cần triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Tập trung xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện theo Quy hoạch chung thị trấn. Hoàn thành quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết để có cơ sở thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

+ Thực hiện tốt quy chế quản lý kiến trúc, quy hoạch trên toàn đô thị, Ban hành quy chế theo các đồ án quy hoạch, quản lý các trục cảnh quan, trực chính theo quy hoạch quản lý quy hoạch toàn đô thị được phê duyệt. Thường xuyên tổ chức công bố, công khai các đồ án quy hoạch để mọi đối tượng tham gia thực hiện.

+ Hoàn thành việc xác định chỉ giới, công bố công khai về không gian kiến trúc để mọi người dân, tổ chức và doanh nghiệp biết, thực hiện và giám sát thực hiện theo quy hoạch. Huy động tối đa các nguồn vốn để đầu tư hoàn thành cơ bản hệ thống hạ tầng đô thị.

- Tổ chức tốt bộ máy quản lý đô thị; lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc quy hoạch; Quy định về tiêu chuẩn tuyến phố văn minh đô thị; Xây dựng và triển khai

thực hiện tốt các văn bản quản lý trật tự xây dựng đô thị; Thường xuyên rà soát và kịp thời điều chỉnh bổ sung quy hoạch phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn trong từng thời kỳ.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt. Đưa công tác quy hoạch vào nền nếp, trở thành công cụ đặc lực của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế. Triển khai phân cấp công tác lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện và giám sát quy hoạch. Thực hiện đầu tư theo quy hoạch, phù hợp với khả năng cân đối về vốn và các nguồn lực khác.

- Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy hoạch.

c) Nhóm chỉ tiêu chịu tác động từ quy hoạch và thực hiện quy hoạch nông thôn mới

Để đạt được các tiêu chuẩn về đô thị cần thực hiện tốt quy hoạch nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu hiện đang được thực hiện giai đoạn 2021-2025, bao gồm 5 nhóm công việc cần phải làm:

- Tuyên truyền, vận động, thực hiện quy hoạch, đề án, kế hoạch xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu thiết thực, hiệu quả.

- Chỉnh trang khu dân cư, nhà ở, khuôn viên, vườn ao, tường rào... Để có cảnh quan đẹp, đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn.

- Huy động nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống.

- Phát triển sản xuất, có nhiều mô hình sản xuất đạt hiệu quả cao, nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích đất canh tác.

- Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hoá và đảm bảo an ninh nông thôn.

2.3. Thực hiện các tiêu chuẩn phát triển đô thị

2.3.1. Kế hoạch hành động

Căn cứ quy hoạch chung thị trấn Lai Cách, các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành... Đề xuất xây dựng kế hoạch hành động và các giải pháp thực hiện đối với từng nhóm tiêu chuẩn (được quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về phân loại đô thị) nhằm đạt được mục tiêu đưa đô thị thị trấn Lai Cách sớm đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV trước năm 2025. Kế hoạch hành động và các giải pháp thực hiện được phân làm 4 nhóm:

2.3.1.1. Nhóm chỉ tiêu chịu tác động của yếu tố phát triển kinh tế-xã hội:

Để đạt được các tiêu chuẩn này cần tập trung tạo bước phát triển đột phá và bền vững về kinh tế: Triển khai, thực hiện hiệu quả kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội có liên quan đến địa bàn đô thị.

- Tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình quan trọng, thiết yếu, nhất là các dự án phát triển kết cấu hạ tầng đô thị ...

- Khai thác các giá trị cảnh quan thiên nhiên (sông, hồ...vv) kết hợp với hệ thống cây xanh - mặt nước nhân tạo để hình thành nên hệ thống không gian cây xanh cảnh quan phù hợp cho đô thị và cho các khu chức năng.

- Kiến trúc cảnh quan đô thị cần hướng tới tính biểu trưng, tính sinh thái cùng với việc xây dựng đồng bộ hiện đại.

- Các trục giao thông chính được xác định là các trục tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan. Trong đó, cần tạo tầm nhìn thoáng rộng, điểm nhìn đa dạng và tạo cảm hứng thị giác, đảm bảo mô hình xây dựng cho các khu chức năng dọc tuyến.

- Các khu chức năng chính được quy hoạch với hình thái đô thị hiện đại, tối ưu hóa công năng sử dụng, tiết kiệm năng lượng và chi phí sử dụng, tạo dựng các không gian trung tâm đặc trưng, tạo dựng không gian đô thị liên hoàn, sinh động và phong phú.

- Các khu dịch vụ giải trí được quy hoạch với hình thái sinh thái, không gian thay đổi linh hoạt, chủ đạo là yếu tố thiên nhiên nhằm tạo cảm giác thư giãn và hấp dẫn đối với du khách.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm thu hút đầu tư phát triển các ngành hàng mà đô thị có thế mạnh. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư để thu hút các doanh nghiệp tham gia trong quá trình đầu tư phát triển đô thị.

- Thúc đẩy liên kết phát triển các ngành công nghiệp - dịch vụ - thương mại - du lịch theo hướng đa dạng hóa sản phẩm.

Chú trọng nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ. Tập trung thu hút đầu tư phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng và giá trị gia tăng cao. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh và mở rộng mạng lưới phân phối tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

Phát triển du lịch theo hướng đa dạng hóa các sản phẩm phục vụ du khách. Coi khai thác tiềm năng du lịch trên cơ sở đầu tư trùng tu, nâng cấp, cải tạo các di tích lịch sử, di tích văn hóa, các khu vực cảnh quan... Là yếu tố quan trọng để phát triển bền vững. Kết hợp du lịch văn hóa với du lịch sinh thái. Hình thành và kết nối các tour du lịch trong và ngoài đô thị.

- Phát triển nguồn nhân lực: Tập trung hoàn thiện bộ máy quản lý phát triển nhân lực, đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả hoạt động bộ máy quản lý về phát triển nhân lực.

2.3.1.2. Nhóm chỉ tiêu chịu tác động của yếu tố vốn đầu tư phát triển đô thị.

Để đạt được các tiêu chuẩn này cần:

- Tiếp tục tăng cường quản lý đầu tư công, chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước.

- Huy động nguồn vốn từ các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để bổ sung nguồn vốn của Nhà nước đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, bằng các hình thức đầu tư hợp tác công tư (PPP), đầu tư trực tiếp nước ngoài, liên doanh,...

- Xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn vốn từ ngân sách ngoài các nguồn vốn đầu tư cho các dự án của Trung ương, của tỉnh trên địa bàn, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ để tập trung xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng đô thị còn thiếu và yếu, trong đó xây dựng các công trình hạ tầng xã hội cấp đô thị, cải tạo và mở rộng mạng lưới giao thông, triển khai xây dựng và hoàn thiện công viên, cây xanh. Lưu ý tập trung ưu tiên cho những dự án đầu tư để giải quyết những tiêu chuẩn cấp bách nhất, những tiêu chuẩn gần đạt được điểm tối thiểu (trong khung điểm quy định).

- Rà soát cơ chế chính sách, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển.

- Khuyến khích đầu tư vốn ngoài ngân sách theo phương thức hợp tác công - tư (PPP) trong lĩnh vực phát triển hạ tầng đô thị trong các lĩnh vực: giáo dục-đào tạo, văn hóa-TDTT, thương mại, dịch vụ, công viên, cây xanh, giao thông vận tải...

- Phát huy hiệu quả từ quỹ đất đô thị, đẩy mạnh đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu các dự án có sử dụng đất tạo nguồn vốn phát triển đô thị.

- Huy động tối đa mọi nguồn lực tham gia phát triển đô thị: Áp dụng các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn để thu hút mạnh và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư để phát triển hạ tầng đô thị; Chú trọng công tác xã hội hóa đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị. Huy động kịp thời các nguồn thu theo quy định pháp luật (thuê nhà đất, đấu giá quỹ đất, tỷ lệ % phân cấp từ các khoản thu của Tỉnh, ODA, FDI...)

- Tham gia chương trình nâng cấp đô thị Quốc gia giai đoạn 2020 -2030.

2.3.1.3. Nhóm chỉ tiêu chịu tác động của yếu tố quy hoạch và quản lý đô thị

Để đạt được các tiêu chuẩn này cần triển khai lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Lai Cách và phụ cận đến năm 2035.

- Tập trung xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Quy hoạch chung, hoàn thành lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết để có cơ sở thực hiện các dự án phát triển kết cấu hạ tầng đô thị. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc, quy hoạch theo các đồ án được phê duyệt. Tổ chức công bố, công khai các đồ án quy hoạch để mọi đối tượng tham gia thực hiện. Hoàn thành việc xác định chỉ giới, công bố công khai về không gian kiến trúc để mọi người dân, tổ chức và doanh nghiệp biết, thực hiện và giám sát thực hiện theo quy hoạch. Huy động tối đa các nguồn vốn để đầu tư hoàn thành cơ bản hệ thống hạ tầng đô thị.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng theo quy hoạch đã được phê duyệt. Đưa công tác quy hoạch vào nền nếp, trở thành công cụ đặc lực của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế. Triển khai phân cấp công tác lập, thẩm định, phê duyệt, thực hiện và giám sát quy hoạch. Thực hiện đầu tư theo quy hoạch, phù hợp với khả năng cân đối về vốn và các nguồn lực khác.

- Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, nhân dân trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy hoạch.

2.3.1.4. Nhóm chỉ tiêu chịu tác động từ quy hoạch và thực hiện quy hoạch nông thôn mới

Để đạt được các tiêu chuẩn về đô thị cần thực hiện tốt quy hoạch nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu hiện đang được thực hiện giai đoạn 2021-2025, bao gồm 5 nhóm công việc cần phải làm:

- Tuyên truyền, vận động, thực hiện quy hoạch, đề án, kế hoạch xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu thiết thực, hiệu quả.
- Chinh trang khu dân cư, nhà ở, khuôn viên, vườn ao, tường rào... Để có cảnh quan đẹp, đảm bảo vệ sinh môi trường nông thôn.
- Huy động nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống.
- Phát triển sản xuất, có nhiều mô hình sản xuất đạt hiệu quả cao, nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích đất canh tác.
- Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hoá và đảm bảo an ninh nông thôn.

3. Tổng hợp các dự án dự kiến triển khai theo các quy hoạch đề xuất (Phụ lục)

Để thực hiện định hướng phát triển thị trấn Lai Cách đã được xác định trong quy hoạch xây dựng tỉnh Hải Dương; Quy hoạch chung đô thị thị trấn Lai Cách đến năm 2035, cần thực hiện các chương trình dự án chính như sau:

3.1. Các chương trình quản lý và phát triển đô thị

3.1.1. Các chương trình quản lý phát triển đô thị:

- Chương trình nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong công tác quy hoạch xây dựng, quản lý đô thị và thiết lập các công cụ kiểm soát phát triển đô thị.
- Chương trình phát triển, nâng cấp đô thị:
 - + Lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;
 - Đối với công tác quản lý xây dựng đô thị: Thực hiện tốt quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị Lai Cách đã được duyệt, quy chế quản lý các khu vực đặc thù (Các khu di tích văn hóa khảo cổ), quy chế quản lý các tuyến đường trục chính các khu đô thị; Lập đề án nâng loại đô thị loại IV;

3.1.2. Các chương trình, đề án phát triển đô thị:

- Đề án phát triển nhà ở: Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư cũ trong khu vực nội thị, kết hợp với quy hoạch và xây dựng các khu tái định cư, nhà ở chính sách và các khu dân cư mới tạo điểm nhấn về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị.
- Chương trình phát triển hệ thống công trình hạ tầng xã hội: lồng ghép với các chương trình phát triển y tế cơ sở, giáo dục, văn hóa và TDTT, chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao;
- Chương trình đầu tư tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, lập các dự án bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn đô thị Lai Cách mở rộng.
- Chương trình phát triển du lịch: đầu tư xây dựng mạng lưới dịch vụ du lịch, xây dựng các khu vui chơi giải trí, khai thác các tuyến du lịch, các khu sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa tâm linh;
- Chương trình kiểm soát bảo vệ cảnh quan môi trường, bảo vệ nguồn nước và thích ứng với các tác động biến đổi khí hậu;

3.2. Các dự án, đề án quy hoạch xây dựng đô thị

Bảng 3.2.1: Tổng hợp các dự án khu dân cư, khu đô thị đã thực hiện

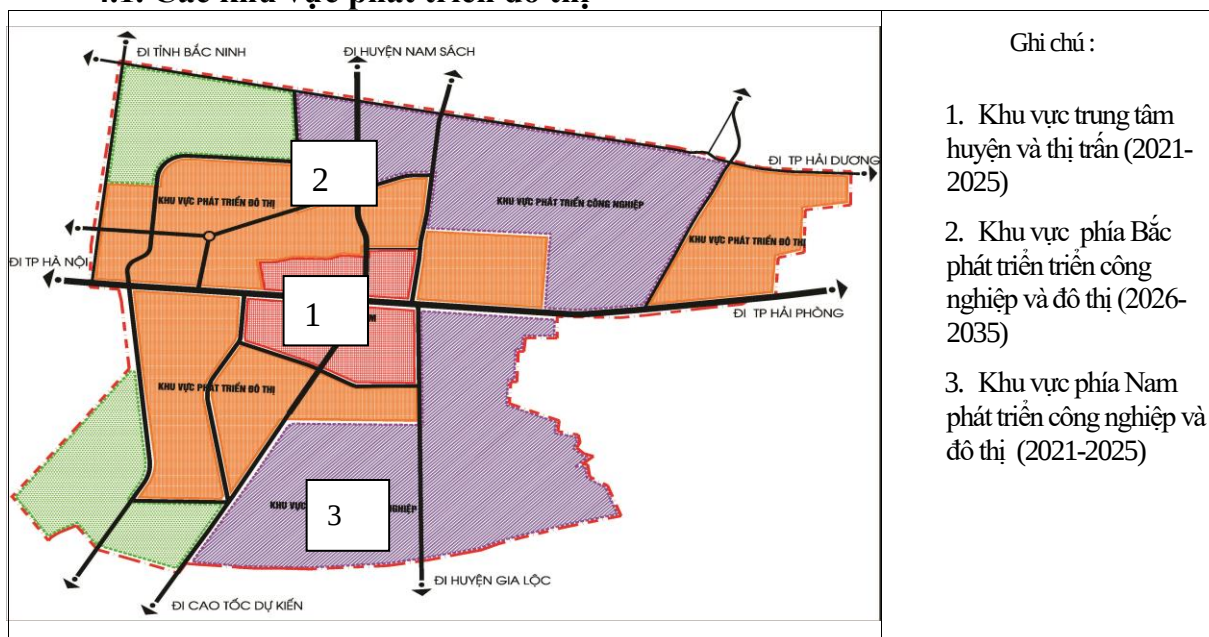
TT	Tên dự án	Thời gian hoàn thành	Diện tích (ha)
1	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Gạch (cạnh cầu vượt), thị trấn Lai Cách	2019-2020	0,1
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 thôn Quảng Cư (giai đoạn 2)	2018	
3	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư số 3 mở rộng thôn Quảng Cư, xã Cẩm Đoài	2019-2020	0,7
4	Khu cơ quan và dân cư phía Đông cầu vượt thị trấn Lai Cách	2022	7,15
5	Khu dân cư mới phường Tứ Minh, TP Hải Dương và thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng	2019	9,33
6	Khu dân cư mới thôn Tiên, thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng	2019	2,91
7	Khu đô thị thương mại Lai Cách		50,26 (đã thực hiện GD1: 12ha)

Bảng 3.2.2. Các dự án đang triển khai

TT	Tên dự án	Diện tích QH (ha)	Ghi chú
1	Khu đô thị mới thị trấn Lai Cách	95,88	Đang lập đề xuất DA đề nghị chấp thuận đầu tư (Giai đoạn I với diện tích 42 ha)
2	Khu dân cư Vườn Đào thị trấn Lai Cách	6,09	Đang lập đề xuất DA đề nghị chấp thuận đầu tư

4. Danh mục, lộ trình đầu tư các khu vực phát triển đô thị trên địa bàn

4.1. Các khu vực phát triển đô thị



Hình 4 : Sơ đồ phân bố khu vực phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng và giai đoạn thực hiện

Phân khu 1: Khu vực trung tâm huyện với vai trò chủ đạo là khu trung tâm hành chính của huyện Cẩm Giàng và các công trình hạ tầng thiết yếu của huyện. Ngoài ra, còn có một số khu điểm đô thị mới được xây dựng trong khoảng năm 2008 - 2017, cơ sở dịch vụ và công trình công cộng và dân cư hiện hữu liền kề. Khu vực này sẽ được tập trung xây dựng chỉnh trang hạ tầng đô thị nhằm hình thành khu trung tâm đô thị hiện đại, là bộ mặt kiến trúc cảnh quan cho thị trấn Lai Cách và huyện Cẩm Giàng.

Phân khu 2: Khu phía Bắc được phát triển với tiền đề là Khu thương mại và dịch vụ Lai Cách và các khu điểm phát triển dọc theo QL5, trong mối quan hệ với thành phố Hải Dương và các xã phía Tây, phía Bắc của huyện thông qua các tuyến đường QL5, TL394, HL194C. Khu phía Bắc thị trấn sẽ được phát triển mạnh về công nghiệp, dịch vụ.

Phân Khu 3: Khu phía Nam Thị trấn được phát triển với vai trò chủ yếu là khu đô thị mới trung tâm huyện Cẩm Giàng; trong mối quan hệ với khu vực trung tâm thị trấn, với thành phố Hải Dương và các xã phía Nam của huyện thông qua QL5, TL394. Khu vực phía Nam Lai Cách sẽ phát triển mạnh về công nghiệp, dịch vụ, thương mại trên cơ sở các khu động lực như: KCN Đại An, KĐT mới Lai Cách...

4.2. Các trục tuyến, khu trung tâm, điểm trung tâm phát triển không gian

- Trục kinh tế - kỹ thuật - đô thị - cảnh quan QL5, là trục xuyên suốt đô thị từ Tây sang Đông, kết nối trực tiếp giao thông với các trung tâm phát triển trên QL5. Trục này hiện đã phát triển với mật độ dày đặc nên chỉ kiểm soát phát triển và các hoạt động cải tạo nâng cấp hạ tầng và cảnh quan đô thị.

- Trục phát triển đô thị TL394: là trục theo hướng Bắc Nam, kết nối các phát triển đô thị như: Khu phía Bắc, Khu Trung tâm và Khu phía Nam.

- Trục phát triển Công nghiệp: được phát triển theo đường vành đai II của thành phố Hải Dương. Trên trục này sẽ phát triển hoàn chỉnh các khu công nghiệp Đại An và Lai Cách.

- Các khu trung tâm đô thị: Các trung tâm của đô thị với chức năng tổng hợp hoặc chuyên ngành được bố trí ở 3 khu phát triển gồm: Khu trung tâm thị trấn, khu phía Bắc; Trung tâm khu phía Nam thị trấn.

4.3. Lộ trình thực hiện

Nguyên tắc xây dựng lộ trình:

- Tuân thủ chủ trương, định hướng của các chương trình, kế hoạch phát triển, nâng cấp đô thị của tỉnh Hải Dương.

- Ưu tiên các khu vực phát triển đô thị có vị trí chiến lược, có vai trò thúc đẩy tới sự phát triển của khu kinh tế cũng như của thị trấn Lai Cách mở rộng trong tương lai.

- Ưu tiên các khu vực phát triển đô thị còn thiếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đặc biệt các khu vực tồn tại những vấn đề nóng, bức xúc của dân cư.

- Đánh giá phân tích các khu vực có năng lực tiếp nhận và thực hiện dự án, các khu vực có môi trường đầu tư tốt, hiệu quả.

Giai đoạn thực hiện:

- Giai đoạn 2021-2025:

+ Quý II/2023: Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

+ Quý II/2023-I/2024: Lập Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Lai Cách mở rộng theo Luật kiến trúc số 40/2019/QH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 1/7/2020; Lập đề án công nhận đô thị Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương đạt tiêu chí đô thị loại IV

+ Quý II/2024-2025: Tiếp tục triển khai lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết, phân khu; Tập trung phát triển đô thị, khắc phục các tiêu chí chưa đạt điểm, điểm thấp, điểm trung bình so với tiêu chí đô thị loại IV, nâng cao chất lượng đô thị;

- Giai đoạn 2026-2035:

+ Năm 2026-2030: Phát triển không gian thị trấn với cấu trúc gồm 3 khu vực ổn định gồm khu trung tâm huyện, khu phía Bắc và Khu phía Nam thị trấn với sự lấp đầy các khu đô thị; xây dựng và khai thác ổn định các KCN và dịch vụ. Trong giai đoạn này, thị trấn Lai Cách sẽ tiếp tục được xây dựng đồng bộ từng mặt hạ tầng đô thị khắc phục các tiêu chí còn thiếu, còn yếu so với đô thị loại IV. Rà soát, nghiên cứu lập quy hoạch chung thị trấn trên cơ sở mở rộng phạm vi, ranh giới không gian phát triển đô thị về phía Đông của huyện Cẩm Giàng, là cửa ngõ phía Tây của thành phố Hải Dương, phù hợp với việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của huyện Cẩm Giàng.

+ Năm 2031-2035: Xây dựng và phát triển bền vững thị trấn Lai Cách mở rộng hướng tới đô thị hiện đại, thông minh. Thị trấn Lai Cách sẽ chú trọng đến các giải pháp bảo vệ môi trường một cách cụ thể và phải theo định hướng của tỉnh và huyện Cẩm Giàng.. Cần kiểm soát chặt chẽ mật độ xây dựng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng cảnh

quan đây là nhân tố có tính tiền đề cho đô thị Lai Cách cũng như huyện Cẩm Giàng phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội; tạo môi trường phát triển bền vững cho đô thị;

5. Các chương trình, dự án hạ tầng kỹ thuật khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội ưu tiên đầu tư

5.1. Các nhóm dự án ưu tiên thực hiện

- *Nhóm các dự án về quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị:*

+ Lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

+ Đối với công tác quản lý xây dựng đô thị: Thực hiện tốt quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị Lai Cách đã được duyệt, quy chế quản lý các khu vực đặc thù (Các khu di tích văn hóa khảo cổ), quy chế quản lý các tuyến đường trục chính các khu đô thị; Lập đề án nâng loại đô thị loại IV;

- *Nhóm các dự án về hạ tầng xã hội*

+ Phát triển nhà ở: Thực hiện các dự án khu dân cư, đô thị mới (KĐT mới thị trấn Lai Cách, Khu đô thị thương mại Lai Cách, KDC mới Cẩm Đông, KDC mới Vườn Đào...); Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư cũ, xen kẽ trong khu vực nội thị, kết hợp với quy hoạch và xây dựng các khu tái định cư, nhà ở chính sách và các khu dân cư mới tạo điểm nhấn về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị.

+ Y tế, Giáo dục, Văn hóa, Thể thao: lồng ghép với các chương trình phát triển y tế cơ sở, giáo dục, văn hóa và TDTT, chương trình xây dựng nông thôn mới và trong các dự án khu dân cư đô thị mới; Tiếp tục xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất trường Cao đẳng du lịch và Công thương; Cải tạo chỉnh trang khu quảng trường, văn hóa trung tâm; cải tạo sân vận động trung tâm thị trấn...

+ Thương mại - dịch vụ tổng hợp: Cải tạo xây dựng Chợ Lai Cách, Trung tâm thương mại thị trấn Lai Cách, phát triển các siêu thị mini...

- *Nhóm các dự án về hạ tầng kỹ thuật:*

+ Giao thông: Đầu tư xây dựng tuyến đường dẫn cầu Cậy mới, đường gom QL5 đoạn qua thị trấn Lai Cách, cải tạo nâng cấp đường 394, 194B, các tuyến đường giao thông trong các khu đô thị mới.... nhằm kết nối các khu vực phát triển đô thị, kết nối đô thị với nông thôn, tăng diện tích đất và mật độ đường giao thông theo tiêu chí của đô thị loại IV.

+ Cấp nước: Cải tạo nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn thị trấn; Xây dựng các mạng lưới đường ống truyền dẫn mới để đảm bảo an toàn cấp nước; Hoàn thiện hệ thống mạng lưới đường ống cấp nước tới các khu dân cư.

+ Thoát nước: Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước trục thôn xã. Cải tạo, xây dựng mới hệ thống thoát nước trong khu vực trung tâm thị trấn để đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời.

+ Cấp điện: Xây dựng trạm điện 110kVA trong KCN Đại An, lắp đặt mới, cải tạo, chỉnh trang hệ thống đèn chiếu sáng và trang trí trên địa bàn thị trấn Lai Cách, .

+ Chất thải rắn, nghĩa trang, nhà tang lễ: Xây dựng mới nhà tang lễ trên địa bàn thị trấn.

+ Công viên cây xanh: Cải tạo chỉnh trang khu công viên cây xanh trung tâm thị trấn, các vườn hoa trong khu dân cư hiện hữu theo quy hoạch chung và trong các khu đô thị, dân cư mới.

+ Tiếp tục triển khai các dự án chỉnh trang đô thị tại các tuyến đường trục chính, các khu dân cư cũ, các cửa ngõ của thị trấn. Xây dựng các tuyến phố văn minh đô thị.

5.2. Cơ cấu nguồn vốn và phân chia giai đoạn thực hiện

5.2.1. Cơ cấu nguồn vốn

Khó có thể xác định chính xác năng lực cấp vốn của Trung ương, tỉnh, huyện đối với lĩnh vực phát triển đô thị, do vậy việc khái toán tổng mức đầu tư hay ngân sách dành cho xây dựng hạ tầng thị trấn Lai Cách, cơ sở tính toán dựa trên Khái toán kinh phí của các Chương trình, dự án, đề án đã, đang và sẽ triển khai trên địa bàn đến năm 2035 và ước tính tổng mức đầu tư 6.250,65 tỷ đồng. (Chi tiết xem tại phụ lục I - Phân bổ nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo CTPTĐT thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2035).

5.2.2. Giai đoạn thực hiện

Tổng mức đầu tư xây dựng đô thị thị trấn Lai Cách theo chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2021-2035 là 6.250,65 tỷ đồng, trong đó: đó giai đoạn 2021-2025 là 2.734,08 tỷ (chiếm 43,7%), giai đoạn 2026-2035 là 3.516,57 tỷ đồng (chiếm 56,3 %).

Trong tổng mức đầu tư 6.250,65 tỷ đồng có 1.005,25 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách (chiếm 16%), và 5.245,4 tỷ đồng từ xã hội hóa, kêu gọi đầu tư (chiếm 84%).

Bảng: Tổng hợp nhu cầu vốn đầu tư và kế hoạch vốn phát triển đô thị đến năm 2035

DVT: Tỷ đồng

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Giai đoạn thực hiện	
			2021-2025	2026-2035
Tổng A+B+C		6.250,65	2.734,08	3.516,57
A. Kế hoạch phát triển đô thị		34,4	12,40	22,00
B. Các dự án hạ tầng XH và KT		5.422,25	2.047,68	3.374,57
I	Khu đô thị, khu dân cư	4.635,40	1.705,83	2.929,57
II	Công trình văn hóa, xã hội	34,70	14,70	20,00
III	Công trình thể dục thể thao	196,00	106,00	90,00
IV	Công trình y tế	8,00	8,00	0,00

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)	Giai đoạn thực hiện	
			2021-2025	2026-2035
V	Công trình giáo dục cấp đô thị	115,80	85,80	30,00
VI	Công trình thương mại, dịch vụ	105,00	25,00	80,00
VII	Công viên, khuôn viên, vườn hoa đô thị	240,00	45,00	195,00
VIII	Công trình cơ quan Nhà nước	87,35	57,35	30,00
C. Các dự án về hạ tầng kỹ thuật		794,00	674,00	120,00
I	Đường giao thông	654,00	654,00	0,00
II	Cấp nước	50,00	0,00	50,00
III	Thoát nước	50,00	10,00	40,00
IV	Chiếu sáng	30,00	10,00	20,00
V	Chất thải rắn, nghĩa trang, nhà tang lễ	10,00	0,00	10,00

(Chi tiết xem tại phụ lục I)

5.3. Giải pháp thực hiện

5.3.1 Về quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị

Kiến nghị UBND tỉnh Hải Dương tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện, có cơ chế chính sách và tạo nguồn vốn cho thị trấn Lai Cách tập trung xây dựng các công trình trọng điểm, thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch, để kịp thời hoàn thành quy hoạch chi tiết hoàn chỉnh các phân khu chức năng, quy hoạch các cụm dân cư trên địa bàn; Chỉ đạo các Sở ngành phối hợp với thị trấn xây dựng chương trình phát triển đô thị, để huy động các nguồn lực, kinh phí đa dạng để tiếp tục thực hiện một số giải pháp về quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị trong thời gian tới.

- Xây dựng các danh mục dự án, kế hoạch vốn đầu tư, quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển và kinh doanh du lịch theo các chương trình và mục tiêu đã được duyệt.

- Thực hiện tốt công tác công bố, công khai quy hoạch, cấm mốc chỉ giới và tăng cường cung cấp thông tin về quy hoạch, quy định thủ tục hành chính về quản lý đô thị, thực hiện công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và định hướng dẫn thực hiện đúng quy hoạch.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về trật tự đô thị và trật tự đô thị và vệ sinh môi trường, tạo ý thức văn minh đô thị cho người dân trên địa bàn thị trấn.

- Tăng cường kiểm tra xử lý kiên quyết việc xây dựng trái phép trên địa bàn thành phố. Kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện công tác vệ sinh, thu gom rác thải,

nao vết, khơi thông cống rãnh, trồng thêm cây xanh đường phố, cây xanh các công trình công cộng và khu ở.

- Tăng cường công tác quản lý đô thị, quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng, quản lý đất đai, thực hiện tốt các quy hoạch đã phê duyệt để đảm bảo cảnh quan đô thị, kiến trúc, môi trường đô thị. Xây dựng Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị đối với những khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và những khu vực, tuyến đường nằm ngoài đô thị nhưng có định hướng quản lý kiến trúc cảnh quan làm cơ sở cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng; xây dựng danh mục ưu tiên.

- Thực hiện các giải pháp về chỉnh trang đô thị, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn hóa, không vứt rác ra đường, không lấn chiếm vỉa hè, lòng đường làm nơi buôn bán không đúng nơi quy định. Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý sử dụng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, chiếu sáng, cây xanh, môi trường; các quy định về quản lý quảng cáo, rao vặt. Cải tạo, từng bước hạ ngầm, sắp xếp lại đường dây cáp điện lực, thông tin liên lạc. Cải tạo, nâng cấp một số công viên, vườn hoa.

- Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 950/QĐ-TTg 2018, ngày 01/8/2018 duyệt Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025, định hướng đến 2030. Trên cơ sở bài học kinh nghiệm từ các đô thị trong nước và quốc tế thì việc tập trung xây dựng và phát triển hướng tới đô thị thông minh trên các lĩnh vực sau:

- + Hạ tầng kỹ thuật CNTT và viễn thông, truyền thông, đào tạo phục vụ đô thị thông minh. Lĩnh vực quản lý điều hành; Lĩnh vực Ứng dụng CNTT phục vụ người dân; Lĩnh vực đời sống; Lĩnh vực di chuyển (Giao thông thông minh); Lĩnh vực môi trường; Lĩnh vực kinh tế.

- + Trước khi đưa ra các giải pháp giải quyết, nâng cao chất lượng của các lĩnh vực này thì cần phải khảo sát, đánh giá cụ thể hiện trạng của từng lĩnh vực. Từ đó làm rõ nguyên nhân dẫn đến mất xích, thủ tục, hệ thống chưa hoàn thiện để tìm giải pháp tối ưu. Mục tiêu tổng quát: Tăng cường sự tham gia của người dân trong hoạt động quản lý nhà nước, thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội; Tăng cường sự kết nối giữa các lĩnh vực trong đô thị; Nâng cao chất lượng sống và làm việc; Quản trị đô thị thông minh hơn; Nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế bền vững của đô thị.

5.3.2. Về thu hút đầu tư

- + Thực hiện có hiệu quả các giải pháp phát triển nguồn thu trên địa bàn, trong đó tập trung vào các nguồn thu có tính bền vững. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu chi NSNN theo hướng tích cực, toàn diện và bền vững, tiết kiệm chi thường xuyên để dành nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- + Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư; đẩy mạnh cải cách hành chính cải thiện môi trường đầu tư; đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư; sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án để bố trí nguồn lực đầu tư dứt điểm, sớm đưa công trình vào khai thác, sử dụng phát huy hiệu quả.

+ Tích cực phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, huy động tham gia của các doanh nghiệp thu hút mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển, tranh thủ tối đa các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, vốn trái phiếu Chính phủ, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, vốn ODA, vốn viện trợ...

+ Có biện pháp phù hợp để huy động tối đa nguồn thu từ khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị.

+ Thực hiện cơ cấu lại đầu tư, đẩy nhanh GPMB, tập trung vốn cho các dự án động lực, có sức lan tỏa lớn. Sử dụng nguồn vốn ngân sách vào các dự án có khả năng kích thích các nguồn tài chính khác như: lập quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng diện rộng bảo vệ môi trường và các công trình không có khả năng thu hồi vốn. Xác định việc sử dụng ngân sách đầu tư phát triển đô thị đúng chỗ, hiệu quả, có tác dụng làm hạt nhân kích thích thu hút đầu tư từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

+ Có định hướng xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, hạ tầng nông, lâm nghiệp và hạ tầng du lịch nhằm tạo điều kiện khai thác tốt hơn các tiềm năng lợi thế, từng bước tăng tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu kinh tế, gắn phát triển du lịch với tạo việc làm, nâng cao dân trí, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần phát triển KT-XH, nâng cao năng lực phục vụ sản xuất, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị.

Xây dựng chính quyền thân thiện, liêm chính đồng hành cùng nhà đầu tư, doanh nghiệp để xử lý các tồn tại, vướng mắc trong triển khai thực hiện các dự án, nhất là các thủ tục liên quan đến bồi thường, giải phóng mặt bằng. Có chính sách hỗ trợ phát triển thị trấn Lai Cách mở rộng từ nay đến năm 2035, tập trung vào 4 nhóm chính sách. tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư khảo sát, tìm kiếm cơ hội đầu tư, chủ yếu:

- Chính sách sử dụng quỹ đất đầu tư phát triển hạ tầng.
- Chính sách ưu đãi vào thị trấn.
- Chính sách hỗ trợ ngân sách, vay các nguồn vốn Nhà nước, vốn tính dụng đầu tư phát triển.
- Chính sách khuyến khích đầu tư hạ tầng khu công nghiệp phụ trợ.

+ Cải cách gọn nhẹ thủ tục hành chính trong đầu tư phát triển đô thị, công khai, minh bạch, đặc biệt đối với các dự án từ nguồn vốn ngoài ngân sách. Tạo môi trường mở và thân thiện với các hoạt động sản xuất kinh doanh trên nguyên tắc đảm bảo các điều kiện về xã hội và bảo vệ môi trường.

Thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp nguồn vốn. Kết hợp vốn ngân sách nhà nước, vốn viện trợ phát triển hình thức (ODA), mô hình hợp tác công - tư (PPP) và vốn của các thành phần kinh tế khác cho việc thực hiện các nhiệm vụ đầu tư phát triển đô thị;

- Tận dụng tối đa các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, Tỉnh, vốn vay từ ngân sách chính sách, nguồn vốn huy động hợp pháp từ các đơn vị, tổ chức kinh tế;
- Xây dựng chính sách và môi trường thuận lợi khuyến khích các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia dự án phát triển đô thị;
- Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài, có cơ chế chính sách phù hợp để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực, nhất là kết cấu hạ tầng;

Tăng cường phối hợp với các địa phương trong việc quản lý thực hiện quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng; Yêu cầu các địa phương, các chủ đầu tư thực hiện việc công khai minh bạch thông tin về quy hoạch, dự án để tất cả các cá nhân, tổ chức có thể biết, dễ dàng tiếp cận khai thác thông tin theo quy định.

Thực hiện việc giám sát tiến độ triển khai các dự án theo kế hoạch của UBND thị trấn, các chủ đầu tư; kiểm tra, chỉ đạo giám sát chặt chẽ chất lượng thi công công trình tại các dự án; chủ động phát hiện, đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc tại các dự án để đảm bảo thực hiện đúng tiến độ đã được chấp thuận.

Cùng với đó, UBND thị trấn cần chỉ đạo thực hiện việc công bố công khai các thông tin về quy hoạch xây dựng, dự án theo quy định của pháp luật để các tổ chức, cá nhân biết, dễ dàng tiếp cận thông tin. Đồng thời tăng cường chỉ đạo công tác tuyên truyền, quản lý, thực hiện theo đúng quy hoạch xây dựng đã được duyệt.

Đối với chủ đầu tư dự án nhà ở, khu đô thị mới, khu dân cư tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án theo đúng nội dung dự án đã được chấp thuận đầu tư và hợp đồng đã được phê duyệt, ký kết. Chủ động phối hợp với các địa phương để giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Thực hiện nghiêm việc công khai đầy đủ các thông tin về dự án tại vị trí dễ thấy, dễ tiếp cận, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức khai thác thông tin của dự án theo quy định; thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng nhà ở, kinh doanh bất động sản và quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai dự án.

5.3.3. Về huy động nguồn vốn

- Về huy động vốn ngân sách Nhà nước:

+ Ưu tiên nguồn vốn ngân sách tỉnh, đồng thời tận dụng tối đa các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, trái phiếu Chính phủ, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn tín dụng ưu đãi đầu tư, vốn nhân rồi của Kho bạc Nhà nước.

+ Có biện pháp phù hợp để huy động tối đa nguồn vốn từ khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị.

- Về huy động vốn ngoài ngân sách nhà nước

Thực hiện các chính sách của Nhà nước, tạo sân chơi bình đẳng đối với đầu tư trong nước và ngoài nước cũng như giữa các khu vực tư nhân và doanh nghiệp nhà nước, để các doanh nghiệp có khả năng góp vốn đầu tư.

Tham gia với tỉnh rà soát lại các hạng mục thu hút đầu tư với những ngành nghề, sản phẩm đang có sức cạnh tranh trên thị trường, phù hợp với nhu cầu của phát triển của thị trấn Lai Cách với các mức khuyến khích đầu tư hấp dẫn. Trong đó, đặc biệt dành ưu tiên cho các dự án thuộc lĩnh vực, ngành nghề mà thị trấn có lợi thế.

+ Xác định việc sử dụng ngân sách đầu tư phát triển đô thị đúng chỗ, hiệu quả, có tác dụng làm hạt nhân kích thích thu hút đầu tư từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

+ Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị theo hình thức BOT, PPP.

+ Cải cách gọn nhẹ thủ tục hành chính trong đầu tư phát triển đô thị, đặc biệt đối với các dự án từ nguồn vốn ngoài ngân sách.

+ Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, nhà ở... nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

5.3.4. Về quy hoạch và phát triển cơ sở hạ tầng

- Xây dựng và triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị.

- Tập trung hoàn chỉnh quy hoạch phân khu; quy hoạch chi tiết các khu vực trung tâm phường, phát triển dân cư, khu nhà ở hai bên các tuyến đường và các khu vực quan trọng;

- Tập trung vốn ngân sách để xây dựng hạ tầng khung và đầu mối, giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc.

Nâng cao chất lượng đồ án quy hoạch, cần có sự tập trung nguồn lực thích đáng về nhân lực, vật lực. Cụ thể, để gắn kết được nguồn vốn ngân sách của Nhà nước, nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp với các mục tiêu chủ yếu, cần xác định lại các loại hình quy hoạch và sự phối hợp giữa các loại hình đó. Phân rõ trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt. Trách nhiệm của phòng kinh tế và hạ tầng phải bao gồm các chức năng: kiểm tra, kiểm soát, điều chỉnh, cải thiện... Phạm vi quản lý quy chế cho từng đối tượng. Quy định đối với các khu vực chưa có quy hoạch, thiết kế đô thị được duyệt. Quy định rõ việc quản lý thực hiện theo quy hoạch được duyệt, quản lý cảnh quan kiến trúc đô thị cho từng khu vực theo tính chất.

Quy định rõ trách nhiệm của chính quyền đô thị và các cơ quan chuyên môn liên quan trong tổ chức, chỉ đạo, theo dõi, thực hiện quy hoạch đô thị, xác định các khu vực, tuyến phố ưu tiên chỉnh trang; xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch những nơi chưa có quy hoạch, khu vực cần điều chỉnh quy hoạch, thiết kế đô thị.

Nâng cao vai trò của cộng đồng trong công tác quản lý quy hoạch xây dựng đô thị. Lấy ý kiến cộng đồng là một nội dung quan trọng, bắt buộc phải thực hiện trong các đồ án quy hoạch nói chung và thiết kế đô thị nói riêng. Tiếp thu mọi ý kiến phản ánh của nhân dân và các cơ quan báo chí, khuyến khích người dân tham gia vào quá trình xử lý đối với các vi phạm trật tự xây dựng, kịp thời thông tin về kết quả xử lý vi phạm trật tự xây dựng đến quần chúng nhân dân.

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, thấy được sự cần thiết, quan trọng của công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng cũng như quản lý đô thị nhằm huy động mọi thành phần kinh tế, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, giám sát hoạt động xây dựng cũng như nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời phát hiện các vi phạm ngay từ khi mới phát sinh, có biện pháp ngăn chặn hiệu quả và kiên quyết xử lý dứt điểm các vi phạm trật tự xây dựng.

Quản lý tập trung các thông tin quy hoạch trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng. Cung cấp thông tin đa chiều, tổng hợp và thuộc nhiều chủ đề khác nhau, thông tin mang tính tri thức hỗ trợ lãnh đạo ra các quyết định.

- Cung cấp một hệ thống thông tin thống nhất từ việc khởi tạo dữ liệu, quản lý cập nhật dữ liệu đến các hình thức khai thác dữ liệu theo yêu cầu nghiệp vụ.

- Các đơn vị có nhu cầu sử dụng thông tin quy hoạch xây dựng: được cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng theo chức năng nhiệm vụ của mình.

- Đối với cộng đồng: các đồ án dự án cần lấy ý kiến cộng đồng rộng rãi, cung cấp một kênh tra cứu thông tin về quy hoạch xây dựng, thông tin về khu vực ở hoặc khu đất dự kiến sẽ đầu tư hoặc biết được trạng thái xây dựng của lô đất nhà mình như thế nào...

- Tập trung triển khai công trình trọng điểm đã có chủ trương và kế hoạch vốn, trong đó quan trọng nhất là các công trình hạ tầng khu dân cư, khu du lịch, dịch vụ công nghiệp, thương mại thuộc các dự án đã có quy hoạch. Các công trình sử dụng vốn tỉnh, ngân sách thị trấn, trái phiếu Chính phủ. Triển khai nhanh công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho các nhà thầu, các doanh nghiệp triển khai nhanh các dự án.

- Triển khai đầu tư xây dựng và nâng cấp các công trình công cộng, dịch vụ đô thị.

- Tập trung đầu tư xây dựng và cải tạo hệ thống cấp nước. Thực hiện xã hội hóa trong quá trình kêu gọi đầu tư các dự án cấp nước trên địa bàn thị trấn Lai Cách mở rộng.

- Thực hiện công tác xã hội hóa về chiếu sáng ngõ hẻm và vệ sinh môi trường, thu gom rác thải.

- Xây dựng các khu công viên, cây xanh, khu không gian công cộng để thay đổi bộ mặt kiến trúc cảnh quan đô thị.

- Thực hiện triển khai chương trình phát triển nhà ở, tạo điều kiện thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển nhà ở theo dự án, hình các khu dân cư, khu đô thị đồng bộ về cơ sở hạ tầng.

- Nâng cao năng lực và trách nhiệm quản lý các công trình xây dựng cơ bản, bảo đảm kỹ thuật, mỹ thuật và chất lượng công trình.

- Triển khai đầu tư xây dựng và nâng cấp công trình công cộng (như khu vui chơi, chợ...) phục vụ cho nhu cầu sử dụng của nhân dân. Rà soát đầu tư cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất các nhà văn hóa, trường học trên địa bàn.

- Tập trung đẩy mạnh việc cải tạo nâng cấp hệ thống thoát nước thải đô thị trên các tuyến đường khu vực dân cư tập trung, sau đó đến các vùng ven để từng bước nâng cao tiêu chuẩn cấp nước cho đô thị.

- Hệ thống chiếu sáng: Tiếp tục đầu tư, nâng cấp và duy trì hệ thống điện chiếu sáng đô thị. Từng bước triển khai đầu tư, thực hiện hiện xã hội hóa lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường ngõ, xóm.

5.3.5. Về cải thiện môi trường đầu tư, cải cách thủ tục hành chính

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, kịp thời các thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi nhất cho các tổ chức, công dân. Duy trì và tạo lập nhiều kênh thông tin giao tiếp giữa chính quyền và doanh nghiệp. Công khai, minh bạch quy trình xử lý công việc ở tất cả các cơ quan, đơn vị; đơn đốc việc triển khai dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn; sử dụng hóa đơn điện tử và tích hợp thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia; tăng cường tổ chức các buổi gặp gỡ giữa chính quyền thị trấn với hiệp hội, doanh nghiệp ... Tổ chức đối thoại công khai để giải quyết

vướng mắc, tháo gỡ những khó khăn cho doanh nghiệp, tạo sự gần gũi, thân thiện giữa chính quyền và doanh nghiệp, nhất là chính quyền xã, phường.

Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan trên địa, tập trung ban hành các cơ chế phối hợp trong việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của Luật Đầu tư; quy chế phối hợp giải quyết thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án có sử dụng đất; tăng cường công tác hậu kiểm sau cấp phép; xây dựng..

Công khai, minh bạch quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất chưa sử dụng trên địa bàn; ban hành khung giá đất sát với thực tế thị trường; triển khai các công việc nhằm hoàn thiện các quy định làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện giao dịch điện tử về đất đai; xây dựng chương trình, chính sách thu hút đầu tư phát triển đô thị và nhà ở, ưu tiên các dự án phát triển đô thị quy mô lớn, có ứng dụng công nghệ đô thị thông minh, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, dự án phát triển nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, nhà ở cao tầng dọc theo các trục và hành lang giao thông trọng điểm...

Công khai nội dung của các đồ án và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị đã được ban hành; thực hiện các giải pháp nhằm rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan.

5.3.6. Về đào tạo nguồn nhân lực

Tăng cường đào tạo, khuyến khích lao động có tay nghề làm việc tại đô thị, trước mắt là lực lượng công nhân phục vụ cho các khu công nghiệp Đại An, Lai Cách, Tân Trường.

- Xác định rõ cơ cấu ngành nghề, tỷ trọng trong các lĩnh vực, cấp bậc đào tạo đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thị trấn; chú trọng đào tạo, dạy nghề cho người lao động, trang bị kiến thức nhằm nâng cao ý thức, tác phong làm việc cho người lao động.

- Có chính sách, cơ chế ưu đãi, thu hút cán bộ quản lý, khoa học kỹ thuật, các chuyên gia giỏi, công nhân lành nghề về làm việc tại thị trấn.

- Xây dựng các cơ sở đào tạo phù hợp với điều kiện và yêu cầu thực tế, đáp ứng về nguồn nhân lực của thị trấn, trong đó ưu tiên phát triển các trung tâm dạy nghề chất lượng cao.

5.4. Cơ chế chính sách

- Thực hiện tốt cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết công việc hành chính công.

- Tăng cường nâng cao ý thức pháp luật trong cán bộ, công chức, người lao động và nhân dân.

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy trình, thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch thuận tiện cho các tổ chức và cá nhân.

- Rà soát bổ sung quy chế làm việc của UBND các cấp. Tiếp tục triển khai tốt Nghị quyết của 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa thể dục thể thao.

- Nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành có hiệu quả của UBND thị trấn, các phòng chuyên môn, UBND cấp xã, giảm bớt số lượng đồng thời nâng cao chất lượng các cuộc họp.

- Kiện toàn, củng cố và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và các khối phố, thôn...đảm bảo số lượng, cơ cấu hợp lý, chất lượng chuyên môn cao, có phẩm chất, năng lực đạo đức tốt, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra công chức, công vụ với nhiều hình thức, phát hiện xử lý nghiêm các hành vi sai phạm đối với cán bộ, công chức.

- Thực hiện tốt Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/2/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế văn hóa công sở và Quyết định 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ công chức, viên chức.

- Đề cao và phát huy vai trò của HĐND các cấp trong việc quyết định và giám sát thu chi ngân sách Nhà nước. Nâng cao tính minh bạch và dân chủ trong quản lý ngân sách.

- Đổi mới cơ chế quản lý tài chính công phù hợp với cơ chế thị trường; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách tài chính, ngân sách. Thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và quyền tự chủ tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị.

- Từng bước đảm bảo trang thiết bị và điều kiện làm việc cơ bản, tương đối hiện đại cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

- Ứng dụng công nghệ phục vụ công việc và phù hợp với sự phát triển của công nghệ thông tin.

- Hoàn thành việc đầu tư xây dựng các phòng làm việc đủ diện tích theo quy định của Chính phủ và trang bị những phương tiện làm việc cần thiết cho các bộ phận tiếp nhận và trả kết quả khi giải quyết công việc của các tổ chức, công dân.

- Kiện toàn đội ngũ quản lý nhà nước khu vực nghiên cứu lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng theo tiêu chí của đô thị loại IV.

- Nghiên cứu phương án hoàn thành sớm tổ chức bộ máy quản lý đáp ứng các tiêu chí phát triển của thị trấn trong thời gian tới.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương

Tổ chức chỉ đạo thực hiện Chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Bố trí nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu thực hiện Chương trình.

6.2. Sở Xây dựng

- Hướng dẫn UBND huyện, UBND thị trấn xây dựng kế hoạch điều chỉnh các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu, quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc đô thị, đồ án thiết kế đô thị,... Làm cơ sở quản lý đầu tư xây dựng;

- Lồng ghép các nội dung của chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt vào quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của tỉnh.

- Phối hợp với các Bộ, các cơ quan có thẩm quyền và địa phương thực hiện rà soát, điều chỉnh hoặc bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để bố trí quỹ đất phát triển đô thị;

- Tổ chức thực hiện việc đánh giá, phân loại đô thị hàng năm theo các tiêu chí đã được Chính phủ quy định. Phối hợp với UBND huyện Cẩm Giàng lập đề án phân loại đô thị loại IV theo lộ trình, gửi Bộ Xây dựng thẩm định, công nhận;

- Tăng cường cán bộ hoặc tổ chức đào tạo cán bộ chuyên ngành xây dựng cho chính quyền địa phương;

- Kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình phát triển đô thị hàng năm để tổng kết báo cáo UBND tỉnh.

6.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành và UBND huyện tham mưu đề xuất quy định về cơ chế vốn cho phát triển cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị sử dụng vốn ngân sách.

- Chủ trì, phối hợp với Ban kinh tế và các sở, ban, ngành có liên quan nghiên cứu, tham mưu đề xuất phương án vận động thu hút nguồn vốn cho các hoạt động của Chương trình, tổ chức xúc tiến đầu tư phát triển đô thị từ các nguồn vốn hợp pháp trong nước và quốc tế.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở tài chính đề xuất với UBND tỉnh, hướng dẫn cơ chế ưu đãi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển đô thị theo các mục tiêu nhiệm vụ của chương trình.

6.4. Sở Tài nguyên môi trường

- Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, UBND huyện và các cơ quan liên quan rà soát đánh giá hiệu quả sử dụng đất tại các đô thị hiện hữu và các địa phương dự kiến nâng cấp, phát triển đô thị, thu hút đầu tư.

- Phối hợp UBND huyện triển khai điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, để thực hiện thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn Lai Cách mở rộng trong thời kỳ mới.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn các địa phương xác định ranh giới, diện tích các loại đất cần được bảo vệ làm cơ sở cho phát triển đô thị.

6.5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và UBND huyện tham mưu, đề xuất nguồn vốn cho công tác phát triển đô thị.

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ban, ngành liên quan dự thảo, trình UBND tỉnh đấu giá quỹ đất, cho thuê nhà, đất...

6.6. Sở Nội vụ

Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành, huyện Cẩm Giàng hoàn thiện hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý và phát triển đô thị, để thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình phát triển đô thị đã đề ra.

6.7. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Xây dựng, các sở, ban, ngành, thị trấn thực hiện quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện, xây dựng kế hoạch thực hiện các dự án hạ tầng khung các khu công nghiệp gắn với Chương trình phát triển đô thị của thị trấn; tham mưu thẩm định thành lập cụm công nghiệp trên địa bàn thị trấn.

Trên cơ sở lộ trình phát triển đô thị của thị trấn, đơn đốc các đơn vị chuyên ngành đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng phát triển hệ thống mạng lưới cấp điện đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, sản xuất kinh doanh.

6.8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thị trấn rà soát các dự án khu du lịch để có hướng điều chỉnh phát triển theo các khu vực, có trọng tâm, trọng điểm, lập kế hoạch thu hồi đất và giải phóng mặt bằng cho từng giai đoạn theo năng lực triển khai, tránh lãng phí tài nguyên đất.

- Lập kế hoạch, danh mục dự án trùng tu, tôn tạo các khu di tích, danh lam thắng cảnh góp phần làm phong phú các loại hình du lịch trên địa bàn thị trấn.

6.9. Sở Giao thông vận tải

- Phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân huyện, thị trấn rà soát các dự án hạ tầng kỹ thuật đô thị theo quy hoạch, kế hoạch ngành và chương trình phát triển đô thị, lập kế hoạch 5 năm và hàng năm để triển khai đồng bộ;

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh để tiếp tục kiến nghị với Trung ương có kế hoạch và cơ chế thu hút đầu tư triển khai các dự án hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh.

6.10. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách, biện pháp khuyến khích phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại nông thôn, kinh tế hợp tác, hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn cấp xã. Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển nông thôn mới nâng cao trên địa bàn.

6.11. Các sở, ban ngành liên quan khác

Trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách và chỉ đạo thực hiện các chính sách liên quan đến quản lý phát triển đô thị.

6.12 Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng

- Tổ chức công bố, công khai Chương trình phát triển đô thị và cung cấp thông tin đến nhân dân, các tổ chức liên quan để giám sát, kiểm tra thực hiện tại từng khu vực.

- Phối hợp với UBND thị trấn Lai Cách mở rộng thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch điều chỉnh, lập các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, kế hoạch sử dụng đất, quy chế quản lý kiến trúc đô thị, đồ án thiết kế đô thị, ... làm cơ sở để bố trí quỹ đất và quản lý đầu tư xây dựng.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện chương trình phát triển đô thị, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện;

- Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển đô thị, tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện về Sở Xây dựng và UBND tỉnh.

- Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong khu vực phát triển đô thị; nghiên cứu, đề xuất các chính sách ưu đãi, cơ chế đặc thù áp dụng đối với hoạt động đầu tư xây dựng trong khu vực phát triển đô thị.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, cung cấp thông tin về khu vực phát triển đô thị; tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng, UBND tỉnh định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu về tình hình thực hiện các dự án đầu tư và kế hoạch thực hiện các dự án phát triển đô thị.

- Chủ động tổ chức rà soát, điều chỉnh, lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết các khu chức năng trong đô thị thuộc địa phương quản lý.

- Theo dõi, giám sát việc thực hiện chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, các dự án đầu tư phát triển đô thị đảm bảo đúng theo quy hoạch, kế hoạch, tiến độ theo các nội dung dự án đã được phê duyệt; tổng hợp, đề xuất và phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý các vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư./.

6.13. Ủy ban nhân dân thị trấn Lai Cách

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 tới thôn, các điểm dân cư, khu đô thị mới trên địa bàn mình quản lý có danh mục định hướng phát triển.

- Phối hợp với UBND huyện và các Sở, ban, ngành liên quan tổ chức rà soát, đánh giá tính chất, chức năng các đô thị và các điểm dân cư trong chương trình; đối chiếu với các tiêu chí phân loại đô thị để làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng đề án phân loại, nâng cấp đô thị theo từng giai đoạn đã đề ra.

- Tăng cường công tác quản lý trật tự đô thị hiện hữu và các khu vực dự kiến phát triển đô thị trên địa bàn mình quản lý.

6.14. Ủy ban nhân dân các xã

- UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về nội dung Chương trình phát triển đô thị tới cộng đồng dân cư trên địa bàn để vận động sự ủng hộ của cộng đồng thực hiện xây dựng Chương trình phát triển đô thị.

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 đã đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư và dự báo nhu cầu vốn, phân loại các nguồn vốn đầu tư theo các giai đoạn cho các dự án phát triển hạ tầng diện rộng cũng như các dự án phát triển của từng ngành. Đáp ứng yêu cầu định hướng kế hoạch đầu tư, hoạch định các chính sách phát triển, quản lý phát triển đô thị và các hạ tầng phục vụ đô thị, làm cơ sở để chuẩn bị kế hoạch vốn xây dựng và phát triển thị trấn Lai Cách mở rộng theo Quy hoạch chung được phê duyệt. Hướng tới mục tiêu phát triển đô thị hiện đại, hiệu quả và bền vững, thực hiện các mục tiêu lớn về phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

Chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 có vai trò quan trọng trong sự phát triển toàn diện của huyện Cẩm Giàng, làm cơ sở cho việc phát triển thị trấn Lai Cách mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV trong thời gian tới.

Phụ lục I: Bảng tổng hợp các dự án phát triển đô thị thị trấn Lai Cách giai đoạn 2021-2035

(Đơn vị: Tỷ đồng)

TT	Tên dự án	TMDT (tỷ đồng)	Giai đoạn thực hiện		Ghi chú	Nguồn vốn (2021-20025)				Nguồn vốn (2026-2035)			
			2021- 2025	2026- 2035		Tỉnh	Huyện	TT	Khác	Tỉnh	Huyện	TT	Khác
	Tổng cộng	6.250,65	2.734,08	3.516,57	0,00	299,00	258,25	76,00	2.100,83	0,00	337,00	35,00	3.144,57
	Các dự án quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị	34,40	12,40	22,00	0,00	0,00	12,40	0,00	0,00	0,00	22,00	0,00	0,00
1	Lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Lai Cách mở rộng, huyện Cẩm Giàng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035	0,90	0,90		NSH		0,90						
2	Lập Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Lai Cách mở rộng	1,50	1,50		NSH		1,50						
3	Lập đề án công nhận đô thị Lai Cách mở rộng đạt tiêu chí đô thị loại IV	2,00	2,00		NSH		2,00						
4	Các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết	30,00	8,00	22,00	NSH		8,00				22,00		
	Các dự án về hạ tầng xã hội	5.422,25	2.047,68	3.374,57	0,00	0,00	225,85	76,00	1.745,83	0,00	195,00	35,00	3.144,57
I	Khu đô thị, khu dân cư	4.635,40	1.705,83	2.929,57	0,00	0,00	0,00	0,00	1.705,83	0,00	0,00	0,00	2.929,57
1	Khu đô thị mới Lai Cách	1.839,00	872,00	967,00	XHH				872,00				967,00
2	Khu đô thị mới thương mại Lai Cách	528,75	528,75		XHH				528,75				
3	Khu dân cư mới thôn Ngộ	286,20		286,20	XHH								286,20
4	Khu dân cư thương mại Trầm	346,20		346,20	XHH								346,20
5	Khu dân cư mới xã Cẩm Đông	407,25	285,08	122,17	XHH				285,08				122,17
6	Khu dân cư phía Bắc thị trấn Lai Cách	1125,00		1125,00	XHH								1125,00

7	Khu dân cư mới thôn Tiền, Trụ (GD 2), TT Lai Cách	17,00		17,00	XHH								17,00
8	Điểm dân cư mới thôn Địa, TT Lai Cách	35,00	20,00	15,00	XHH				20,00				15,00
9	Điểm dân cư mới thôn Trụ, TT Lai Cách	51,00		51,00	XHH								51,00
II	Công trình văn hóa, xã hội	34,70	14,70	20,00	0,00	0,00	13,20	1,50	0,00	0,00	0,00	20,00	0,00
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn	1,50	1,50					1,5					
2	Chỉnh trang cải tạo các công trình nhà văn hóa thôn, thị trấn	25,00	5,00	20,00	NSTT +NSH		5,00					20,00	
3	Xây dựng công trào	5,00	5,00		NSH		5,00						
4	Cải tạo trụ sở làm việc đài phát thanh huyện Cẩm Giàng	1,00	1,00		NSH		1,00						
5	Cải tạo nhà truyền thống, thư viện, trụ sở làm việc trung tâm văn hóa thể thao huyện	2,20	2,20		NSH		2,20						
III	Công trình thể dục thể thao	196,00	106,00	90,00	0,00	0,00	105,00	1,00	0,00	0,00	90,00	0,00	0,00
1	Xây dựng sân vận động trung tâm huyện	90,00	45,00	45,00	NSH		45,00				45,00		
2	Sân vận động thôn Nghĩa thị trấn Lai Cách	1,00	1,00		NSTT			1,00					
3	Xây dựng nhà thi đấu đa năng	90,00	45,00	45,00	NSH		45,00				45,00		
4	Các hạng mục phụ trợ khu trung tâm văn hóa thể thao huyện Cẩm Giàng	15,00	15,00		NSH		15,00						
IV	Công trình y tế	8,00	8,00	0,00	0,00	0,00	8,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1	Trạm y tế thị trấn Lai Cách 2 tầng 14 phòng và các hạng mục phụ trợ	8,00	8,00		NSH		8,00						
IV	Công trình giáo dục cấp đô thị	115,80	85,80	30,00	0,00	0,00	13,20	72,60	0,00	0,00	20,00	10,00	0,00
1	Nhà lớp học 3 tầng 21 phòng trường Tiểu học Lai Cách và các hạng mục phụ trợ	14,80	14,80		NSTT			14,80					
2	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường MNTT thị trấn Lai Cách	12,00	12,00		NSTT			12,00					
3	Nhà đa năng trường tiểu học Lai Cách	3,00	3,00		NSTT			3,00					

4	Mở rộng sân trường MNTT thị trấn Lai Cách	1,00	1,00		NSTT			1,00					
5	Các hạng mục phụ trợ trường THCS Lai Cách	0,80	0,80		NSTT			0,80					
6	Điểm trường mới: Trường Mầm non (Khu phía Bắc QL 5a)	13,00	13,00		NSTT			13,00					
7	Điểm trường mới: Trường THCS (Khu phía Bắc QL 5a)	13,00	13,00		NSTT			13,00					
8	Trường THCS (Nhà đa năng)	3,00	3,00		NSTT			3,00					
9	Điểm trường mới: Trường tiểu học (Khu phía Nam QL 5a - Đìa, Năm, Ngọ, Khu Thống Nhất)	4,00	4,00		NSTT			4,00					
10	Điểm trường mới: Trường Mầm non (Khu phía Nam QL 5a - Đìa, Năm, Ngọ, Khu Thống Nhất)	4,00	4,00		NSTT			4,00					
11	Điểm trường mới: Trường Mầm non (Khu phía Bắc QL 5a - Tiên, Trạ, Trầm)	4,00	4,00		NSTT			4,00					
12	Cải tạo các hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc phòng GDDT	1,00	1,00		NSH		1,00						
13	Cải tạo các hạng mục phụ trợ trung tâm bồi dưỡng chính trị	3,00	3,00		NSH		3,00						
14	Nhà ăn trường THCS Nguyễn Huệ (GDD2)	4,20	4,20		NSH		4,20						
15	Cải tạo nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ trường THCS Nguyễn Huệ	5,00	5,00		NSH		5,00						
16	Cải tạo nâng cấp các cơ sở giáo dục trên địa bàn	30,00		30,00	NSTT +NSH						20	10	
V	Công trình thương mại, dịch vụ	105,00	25,00	80,00	0,00	0,00	0,00	0,00	25,00	0,00	0,00	0,00	80,00
1	Cải tạo Chợ Lai Cách	25,00	25,00		XHH				25,00				80,00
2	Xây dựng 1 trung tâm thương mại thị trấn Lai Cách	80,00		80,00	XHH								
VI	Công viên, khuôn viên, vườn hoa đô thị	240,00	45,00	195,00	0,00	0,00	30,00	0,00	15,00	0,00	60,00	0,00	135,00

1	Khu công viên, cây xanh phía Bắc thị trấn	45,00		45,00	XHH								45,00
2	Khu công viên, cây xanh phía Nam thị trấn	55,00		55,00	XHH								55,00
3	Xây dựng khuôn viên vườn hoa trong các khu dân cư, khu đô thị mới	50,00	15,00	35,00	XHH				15,00				35,00
4	Quảng trường trung tâm huyện Cẩm Giàng	15,00	15,00		NSH		15,00						
5	Đầu tư cải tạo, chăm sóc cây xanh đường phố	75,00	15,00	60,00	NSH		15,00				60,00		
VII	Công trình cơ quan Nhà nước	87,35	57,35	30,00	0,00	0,00	56,45	0,90	0,00	0,00	25,00	5,00	0,00
1	Công trình phụ trợ UBND thị trấn Lai Cách	0,90	0,90		NSTT			0,90					
2	Trụ sở Công an thị trấn Lai Cách	10,00	10,00		NSH		10,00						
3	Nâng cấp cải tạo các cơ quan, trụ sở trên địa bàn thị trấn	30,00		30,00	NSTT-NSH						25	5	
4	Nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND huyện Cẩm Giàng	15,00	15,00		NSH		15,00						
5	Các hạng mục phụ trợ nhà làm việc bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	5,00	5,00		NSH		5,00						
6	Cải tạo trụ sở làm việc phòng Tài chính cũ thành phòng tiếp công dân huyện Cẩm Giàng	4,00	4,00		NSH		4,00						
7	Cải tạo sửa chữa nhà ăn Liên cơ, nhà làm việc UBND huyện Cẩm Giàng	3,00	3,00		NSH		3,00						
8	Xây dựng hội trường trung tâm huyện Cẩm Giàng	15,00	15,00		NSH		15,00						
9	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc, sân văn phòng đăng ký quyền SDĐ huyện Cẩm Giàng	1,00	1,00		NSH		1,00						
10	Cải tạo sân, cổng, tường rào bếp ăn ban chỉ huy quân sự huyện Cẩm Giàng	0,95	0,95		NSH		0,95						

11	Cải tạo nhà làm việc và công trình phụ trợ Hạt đường bộ huyện Cẩm Giàng	2,50	2,50		NSH		2,50						
C	Các dự án về hạ tầng kỹ thuật	794,00	674,00	120,00	0,00	299,00	20,00	0,00	355,00	0,00	120,00	0,00	0,00
I	Đường giao thông	654,00	654,00	0,00	0,00	299,00	0,00	0,00	355,00	0,00	0,00	0,00	0,00
1	Đường dẫn cầu Cậy mới	355,00	355,00		NSH TỪ NGU ỒN ĐGQS SĐ				355,00				
2	Đường gom thị trấn Lai Cách	299,00	299,00		NST	299,00							
II	Cấp nước	50,00	0,00	50,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	50,00	0,00	0,00
1	Cải tạo nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn thị trấn	50,00		50,00	NSH						50,00		
III	Thoát nước	50,00	10,00	40,00	0,00	0,00	10,00	0,00	0,00	0,00	40,00	0,00	0,00
1	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước trực thôn xã	50,00	10,00	40,00	NSH		10,00				40,00		
IV	Cấp điện	30,00	10,00	20,00	0,00	0,00	10,00	0,00	0,00	0,00	20,00	0,00	0,00
1	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng và trang trí thị trấn Lai Cách	10,00	10,00		NSH		10,00						
2	Cải tạo chỉnh trang hệ thống chiếu sáng trên địa bàn thị trấn	20,00		20,00	NSH						20,00		
V	Chất thải rắn, nghĩa trang, nhà tang lễ	10,00	0,00	10,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	10,00	0,00	0,00
1	Xây dựng nhà tang lễ	10,00		10,00	NSH						10,00		

*Phụ lục II: Tổng hợp các giải pháp phát triển khắc phục các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt điểm của
Thị trấn Lai Cách mở rộng so với đô thị loại IV giai đoạn 2021-2025*

TT	Nhóm tiêu chuẩn	Mục tiêu đến năm 2025	Giải pháp
Đối với các tiêu chuẩn chưa đạt điểm			
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân	- Đến năm 2025 đạt 28,7m ² sàn/người	- Cải tạo nâng cấp quỹ nhà ở cũ; XD nhà ở tại các KĐTM với nhiều loại hình. - Tập trung ưu tiên phát triển nhà ở xã hội trong các khu, cụm công nghiệp đáp ứng nhu cầu về nhà ở của người dân trên địa bàn thị trấn (nhà ở CN, người có thu nhập thấp, học sinh, sinh viên..) - Khu vực dân cư cũ : Giữ lại không gian kiến trúc văn hoá truyền thống các khu dân cư đô thị hiện hữu, thôn, xóm cũ. Hạn chế không di dời dân cư và xây dựng nhà cao tầng, khuyến khích giữ nguyên mật độ xây dựng và tầng cao như hiện nay, từng bước cải tạo xây dựng chỉnh trang. Bổ sung và hoàn thiện các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. - Triển khai kêu gọi thu hút đầu tư các khu đô thị mới, khu dân cư mới. Phát triển các khu nhà ở mới theo hướng hiện đại, tầng cao phù hợp với tổ chức không gian đô thị trong từng khu vực.
2	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân	- Đến năm 2025 Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10.000 dân đạt 12 giường/10.000 dân.	- Xây dựng trạm y tế thị trấn Lai Cách 2 tầng 14 phòng và các hạng mục phụ trợ. - Thu hút kêu gọi đầu tư phòng khám đa khoa, bệnh viện tư nhân phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của người dân

3	Mật độ đường giao thông đô thị	Đến năm 2025 đạt 5,2 km/km ²	Tăng cường kết nối thị trấn Lai Cách với hệ thống giao thông đối QL5A.; Cải tạo nâng cấp đường phố đô thị; Xây dựng Đường giao thông nông thôn, Đầu tư XD các công trình phục vụ giao thông đường bộ: Bến xe trung tâm huyện, bến xe buýt, ga đường sắt. - Ứng dụng đô thị thông minh trong vận tải hành khách công cộng. - Nâng cấp, cải tạo các tuyến cống hiện trạng. Xây dựng mới các tuyến cống trên các tuyến đường mới đảm bảo không xảy ra tình trạng ngập úng.
4	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật (%)	- Đến năm 2025 tỉ lệ nước thải đô thị đạt 15%	Nghiên cứu, xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho đô thị theo quy hoạch chung, cụ thể: + Xây dựng 02 trạm xử lý nước thải tương ứng với 2 lưu vực thoát nước thải. Trạm số 1 được bố trí giáp với cụm công nghiệp Cao An về phía Tây, có công suất đến năm 2025 là 2000m³/ngđ và vào năm 2035 là 4000 m³/ngđ, trạm này xử lý nước thải cho lưu vực phía Bắc QL 5A (lưu vực 1). Trạm số 2 được bố trí ở phía Tây thôn Tràng có công suất đến năm 2025 là 1000m³/ngđ và vào năm 2035 là 2000 m³/ngđ, trạm này xử lý nước thải cho lưu vực phía Nam QL 5 (lưu vực 2). - Các nhóm hộ gia đình có chăn nuôi gia súc, gia cầm và các trang trại nuôi gia súc tập trung cần xây bể biogas, xử lý phân rác thải tận dụng năng lượng phục vụ sinh hoạt. - Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất đảm bảo yêu cầu thoát nước thải đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường. - Tất cả các nhà máy phải có công trình XLNT cục bộ trong nhà máy để làm sạch nước thải tới giới hạn C theo QCVN 40-2011/BTNMT rồi mới được xả ra hệ thống cống của khu công nghiệp.

5	Nhà tang lễ (cơ sở)	Đến năm 2035 thị trấn có 1 nhà tang lễ	- Nghiên cứu xây dựng 1 nhà tang lễ nhằm phục vụ nhu cầu của người dân trên địa bàn thị trấn cũng như huyện Cẩm Giàng trong tương lai. - Khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng.
6	Công trình xanh	Đến năm 2035 thị trấn có 1 công trình xanh	- Dựa trên hệ thống văn bản quy chuẩn, tiêu chuẩn các hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng công trình xanh... UBND thành phố cần sớm xây dựng cơ chế chính sách, tài chính khuyến khích phát triển công trình xanh trên địa bàn. Quan tâm phát triển công trình xanh trong thể loại: nhà ở, nhà công cộng, tòa nhà thương mại... Xây dựng các mô hình thực hiện từ chính sách – thí điểm – lựa chọn hình mẫu chuẩn – áp dụng nhân rộng.
7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	Đến năm 2035 thị trấn có 2 Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	- Áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức về các chỉ tiêu xanh vào việc quy hoạch chi tiết các khu đô thị, khu dân cư. Không tùy tiện điều chỉnh quy hoạch cục bộ làm phá vỡ quy hoạch chung. Các khu đô thị mới khi xây dựng cũng cần có các giải pháp căn cơ giải quyết tốt vấn đề ứng ngập, ô nhiễm môi trường; tích cực thúc đẩy quá trình chuyển đổi mô hình phát triển đô thị theo hướng tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải... Triển khai các dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh; gắn phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền số, xã hội số...

Phụ lục III: Bảng dự báo điểm so với đô thị loại IV của thị trấn Lai Cách mở rộng giai đoạn 2021-2035

TT	Các yếu tố đánh giá	Thang điểm		Chỉ tiêu của DT loại IV		Năm 2021	Điểm	Năm 2025	Điểm	Năm 2035	Điểm
		Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên						
I	Vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội	13,50	18,00				16,43		17,00		18,00
1.1	Vị trí, chức năng, vai trò	3,75	5,00	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm hành chính cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện hoặc vùng liên huyện. (1)	Là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng liên huyện. (2)	(1)	4,00		4,00		5,00

1.2	<i>Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội</i>	9,75	13,00				12,43		13,00		13,00
1.2.1	Cân đối thu chi ngân sách	1,50	2,00	Đủ (1)	Dư (2)	2	1,50	dư	2,00	dư	2,00
1.2.2	Thu nhập bình quân đầu người/tháng so với trung bình cả nước	1,50	2,00	0,7	1,05	1,09	2,00	1,15	2,00	1,25	2,00
1.2.3	Tăng tỷ trọng xây dựng công nghiệp và dịch vụ	1,50	2,00	Tăng theo mục tiêu đề ra	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	2,00	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	2,00	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	2,00
1.2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất	1,50	2,00	7	8	8,2	2,00	8,5	2,00	9,5	2,00
1.2.5	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước	1,50	2,00	1,15	1,5	1,45	1,93	1,65	2,00	2,15	2,00
1.2.6	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	1,50	2,00	4,0	5,0	1,02	2,00	1,0	2,00	0,8	2,00
1.2.7	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm	0,75	1,00	1,0	1,40	1,5	1,00	1,5	1,00	1,7	1,00
II	Quy mô dân số	6,00	8,00				6,93		7,33		8,00
2.1	Dân số toàn đô thị	6,00	8,00	20	50	34,0	6,93	40,0	7,33	52,0	8,00
III	Mật độ dân số	6,00	8,00				7,81		7,87		8,00
3.1	Mật độ dân số toàn đô thị	1,50	2,00	1.200	1.400	2.303	2,00	2.709	2,00	3.519	2,00
3.2	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn	4,50	6,00	4.000	6.000	5.750	5,81	5.832	5,87	7.971	6,00
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	4,50	6,00				5,27		6,00		6,00
4.1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị	1,00	1,50	55	65	72,73	1,50	78	1,50	85	1,50
4.2	Tỷ lệ lao động phi nông	3,50	4,50	70	80	72,73	3,77	78	4,50	85	4,50

	nghiệp nội thị										
V	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị	45,00	60,00				46,81		52,57		58,66
5.A	Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan khu vực nội thành, nội thị										
5.1	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội	7,50	10,00				6,98		8,04		9,75
5.1.1	Các tiêu chuẩn về nhà ở	1,50	2,00				0,85		1,79		2,00
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người	0,75	1,00	28	32	27,7	0,00	28,7	0,79	32,5	1,00
2	Tỷ lệ nhà kiên cố	0,75	1,00	85	90	87	0,85	90	1,00	95	1,00
5.1.2	Các tiêu chuẩn về công trình công cộng	6,00	8,00				6,13		6,25		7,75
1	Đất dân dụng bình quân đầu người	0,75	1,00	50	80	89,3	1,00	90	1,00	92	1,00
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng cấp đô thị bình quân đầu người	0,75	1,00	3	4	5,37	1,00	7,5	1,00	9,5	1,00
3	Đất xây dựng công trình công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	0,75	1,00	1	1,5	5,19	1,00	5,4	1,00	6,5	1,00
4	Cơ sở y tế cấp đô thị bình quân trên 10000 dân	0,75	1,00	25	30	7,94	0,00	12	0,00	25	0,75
5	Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị	0,75	1,00	2	5	2	0,75	2	0,75	4	1,00
6	Công trình văn hóa cấp đô thị	0,75	1,00	2	4	3	0,88	4	1,00	6	1,00
7	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị	0,75	1,00	2	3	2	0,75	2	0,75	5	1,00
8	Công trình thương mại, dịch vụ cấp đô thị	0,75	1,00	2	4	2	0,75	3	0,75	6	1,00

5.2	Nhóm các tiêu chuẩn về hạ tầng kỹ thuật	10,50	14,00				11,18		13,00		13,91
5.2.1	Các tiêu chuẩn về giao thông	4,50	6,00				3,75		5,35		6,00
1	Công trình đầu mối giao thông	0,75	1,00	Vùng liên huyện (1)	Vùng tỉnh (2)	(1)	0,75	Vùng liên huyện	0,75	Vùng tỉnh	1,00
2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng đô thị	0,75	1,00	12	17	17,6	1,00	18,5	1,00	19,75	1,00
3	Mật độ đường giao thông đô thị	1,50	2,00	5	6	4,3	0,00	5,2	1,60	8,4	2,00
4	Diện tích đất giao thông bình quân đầu người	0,75	1,00	7	9	10,6	1,00	12,2	1,00	15,5	1,00
5	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng	0,75	1,00	3	5	10	1,00	15	1,00	35	1,00
5.2.2	Các tiêu chuẩn về cấp điện và chiếu sáng công cộng	2,25	3,00				2,81		2,94		3,00
1	Cấp điện sinh hoạt bình quân đầu người	0,75	1,00	400	1000	806,6	0,92	850	0,94	1200	1,00
2	Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng	0,75	1,00	90	95	92,86	0,89	95	1,00	98	1,00
3	Tỷ lệ ngõ, ngách, hẻm được chiếu sáng	0,75	1,00	50	70	96	1,00	98	1,00	100	1,00
5.2.3	Các tiêu chuẩn về cấp nước	1,50	2,00				2,00		2,00		2,00
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	0,75	1,00	100	120	120	1,00	125	1,00	127	1,00
2	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	0,75	1,00	90	95	100	1,00	100	1,00	100	1,00
5.2.4	Các tiêu chuẩn về hệ thống viễn thông	2,25	3,00				2,62		2,71		2,91
1	Số thuê bao băng rộng di	0,75	1,00	75	100	82,18	0,82	85	0,85	95	0,95

	động /100 dân										
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cap quang	0,75	1,00	65	100	87	0,91	90	0,93	95	0,96
3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	0,75	1,00	25	60	45	0,89	50	0,93	65	1,00
5.3	Nhóm các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường	10,50	14,00				10,65		12,28		13,75
5.3.1	Các tiêu chuẩn về hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng	2,25	3,00				3,00		3,00		3,00
1	Mật độ đường cống thoát nước chính	1,50	2,00	3	3,5	4,49	2,00	4,7	2,00	5,5	2,00
2	Tỷ lệ các điểm ngập úng có giải pháp phòng chống, khắc phục	0,75	1,00	10	20	50	1,00	50	1,00	100	1,00
5.3.2	Các tiêu chuẩn về thu gom, xử lý nước thải, chất thải	3,75	5,00				2,81		4,38		5,00
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	0,75	1,00	70	85	90	1,00	95	1,00	100	1,00
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật	1,50	2,00	15	30	0	0,00	15	1,50	45	2,00
3	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được thu gom	0,75	1,00	80	90	82,5	0,81	85	0,88	92	1,00
4	Tỷ lệ CTR được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	0,75	1,00	65	70	85	1,00	90	1,00	100	1,00
5.3.3	Các tiêu chuẩn về nhà tang lễ	1,50	2,00				1,00		1,00		1,75
1	Nhà tang lễ	0,75	1,00	1	2	0	0,00	0	0,00	1	0,75
2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	0,75	1,00	5	10	50	1,00	57	1,00	70	1

5.3.4	Các tiêu chuẩn về cây xanh đô thị	3,00	4,00				3,84		3,90		4,00
1	Đất cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người	1,50	2,00	6	8	9,33	2,00	9,5	2,00	12,7	2,00
2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị bình quân đầu người	1,50	2,00	4	5	4,67	1,84	4,8	1,90	7,7	2,00
5.4	Nhóm các tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị	9,00	12,00				8,00		9,25		11,25
1	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị	1,50	2,00	75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế	100% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế	75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế	1,50	75% các phường, thị trấn thực hiện tốt quy chế	1,50	100% các phường, thị trấn đã thực hiện tốt quy chế	2,00
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh/tổng số đường chính	1,50	2,00	30	40	30	1,50	45	2,00	70	2,00
3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện	1,50	2,00	1	2	4	2,00	4	2,00	5	2,00
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị	1,50	2,00	2	4	2	1,50	2	1,50	6	2,00
5	Công trình kiến trúc tiêu biểu	1,50	2,00	Cấp tỉnh, quốc gia (1)	quốc gia đặc biệt(2)	(1)	1,50	Cấp tỉnh, quốc gia (1)	1,50	Cấp tỉnh, quốc gia (1)	1,50
6	Công trình xanh	0,75	1,00	Có 01 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	Có 02 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	0	0,00	0	0,00	1	0,75

7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	0,75	1,00	1	2	0	0,00	0	0,75	2	1,00
5.B	<i>Nhóm các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thị</i>	7,50	10,00				10,00		10,00		10,00
	Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị	75,00	100,00				83,25		90,77		98,66